



BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG

Khối ngành: Khoa học sức khỏe
Ngành: Y tế công cộng
Mã ngành đào tạo: 9720701
Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1838/QĐ-YDHP ngày 9 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

HẢI PHÒNG - NĂM 2024

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TIẾN SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG

Khối ngành: Khoa học sức khỏe
Ngành: Y tế công cộng
Mã ngành đào tạo: 9720701
Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 18.38/QĐ-YDHP ngày 9 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

HẢI PHÒNG - NĂM 2024

Hải Phòng, ngày 09 tháng 9 năm 2024

Số 1838/QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT – BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 18/2021/TT – BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành phép đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1359/QĐ - YDHP ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ vào Kế hoạch số 178/KH- YDHP ngày 02 tháng 05 năm 2024 về việc rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm học 2024 – 2025;

Theo đề nghị của Ông (Bà): Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Y, Khoa Y tế công cộng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành:

STT	Ngành	Mã số
1	Nội khoa	9720107
2	Ngoại khoa	9720104
3	Nhi Khoa	9720106
4	Y tế công cộng	9720701

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà): Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa: Y, Y tế công cộng và các Khoa/Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu: VT, QLĐTSDH.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	4
II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
1. Sứ mạng – Tâm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục của Trường	4
2. Mục tiêu chương trình đào tạo	4
III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
3.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT	5
3.2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu đào tạo	6
3.3. Sự phù hợp với khung trình độ quốc gia và chuẩn năng lực ngành	6
IV. THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH	6
4.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển	6
4.2. Đối tượng tuyển sinh và điều kiện dự tuyển	6
4.3. Thông tin tuyển sinh và thời gian tuyển sinh	8
4.4. Cách thức tuyển sinh	8
4.5. Trúng tuyển và nhập học	9
V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO	9
5.1. Cấu trúc chương trình	9
5.2. Khung chương trình đào tạo	10
5.3. Tiến trình đào tạo	12
5.4. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT	13
5.5. Mô tả các học phần	14
VI. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐIỂM, VĂN BẰNG	19
6.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:	19
6.2. Điều kiện bảo vệ luận án tốt nghiệp	20
6.3. Điều kiện cấp bằng điểm, văn bằng	20
VII. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO	20
7.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	20
7.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	20
VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC	21
IX. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ	22
X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	23
XI. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	23
XII. PHỤ LỤC	25
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH	27

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên chương trình đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo Tiến sĩ Y tế công cộng
 - Tên tiếng Anh: The curriculum for the PhD in Public Health
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Ngành đào tạo: Y tế công cộng
- Mã ngành: 9720701
- Tên văn bằng tốt nghiệp: Tiến sĩ Y tế công cộng
- Đơn vị đào tạo/cấp bằng: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Ngôn ngữ đào tạo: tiếng Việt
- Thời gian đào tạo: 3-4 năm
- Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh Y tế công cộng
- Thời gian áp dụng: Năm học 2024 – 2027

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục của Trường (*Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-YDHP của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ngày 02/02/2021 về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược Hải Phòng*)

- **Sứ mạng:** “Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phát triển y dược biển đảo”.
- **Tầm nhìn:** “Phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khỏe có chất lượng, uy tín, định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế”.
- **Giá trị cốt lõi:** “Chuyên nghiệp – Hội nhập – Hiệu quả”
- **Triết lý giáo dục:** “Lấy người học làm trung tâm - Lấy người bệnh làm trung tâm - Vì sức khỏe cộng đồng”

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Sau khi hoàn thành chương trình, nghiên cứu sinh có kiến thức và kỹ năng toàn diện, chuyên sâu về y tế công cộng, có khả năng triển khai nghiên cứu khoa học độc lập, có khả năng ứng dụng các kiến thức và kỹ năng đó dựa trên bằng chứng khoa học, tiếp cận liên ngành các cấp để đề xuất, triển khai và đánh giá các giải pháp nâng cao sức khỏe cộng đồng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực y tế công cộng, nghiên cứu khoa học và cách thức ứng dụng các kiến thức này trong thực hành chuyên môn nghề nghiệp và nghiên cứu chuyên sâu.

PO2. Có khả năng tổng hợp, phân tích và phân biệt được các quan điểm chuyên môn Y tế công cộng dựa trên bằng chứng và tiếp cận liên ngành các cấp.

PO3. Có khả năng thiết kế và triển khai được đề tài nghiên cứu khoa học một cách độc lập, sáng tạo trong lĩnh vực Y tế công cộng

PO4. Có khả năng giám sát, hỗ trợ, theo dõi và đánh giá được việc triển khai các dịch vụ y tế, chương trình y tế, chính sách y tế và các hoạt động chăm sóc bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

PO5. Có kỹ năng viết và đăng tải được bài báo khoa học chuyên ngành, báo cáo chuyên môn và truyền thông kết quả nghiên cứu.

PO6. Có khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp, chứng tỏ sự trung thực, tự định hướng, tự thích ứng và thể hiện sự tôn trọng với các bên liên quan trong quá trình triển khai và ra quyết định, hướng dẫn nghiên cứu cho đồng nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Mã	Chuẩn đầu ra	Mức độ
PLO1	Phân tích chuyên sâu các vấn đề YTCC, nghiên cứu khoa học dựa trên tiếp cận liên ngành và bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế	5/6*
PLO2	Lựa chọn được vấn đề ưu tiên có tính ứng dụng cao trong giải quyết các vấn đề y tế công cộng đặc thù của địa phương	4/5**
PLO3	Phân tích được các khía cạnh đạo đức, các giá trị và trách nhiệm thực hành y tế công cộng chuyên nghiệp trong các quyết định về lĩnh vực chuyên môn.	4/5**
PLO4	Giám sát và đánh giá việc triển khai các dịch vụ y tế, chương trình y tế, chính sách y tế và can thiệp y tế trong chăm sóc bảo vệ sức khỏe cộng đồng.	4/5**
PLO5	Viết hoàn chỉnh báo cáo chuyên môn, công trình nghiên cứu và bài báo khoa học.	5/5**
PLO6	Thực hiện được truyền thông phổ biến kết quả nghiên cứu đến các nhà chuyên môn, nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách, cộng đồng trong nước và quốc tế.	5/5**
PLO7	Ứng dụng được kết quả nghiên cứu có ý nghĩa trong đề xuất, hoạch định và triển khai các can thiệp, chiến lược, chính sách phù hợp, để giải quyết vấn đề y tế công cộng, dựa trên tiếp cận liên ngành và phù hợp với bối cảnh địa phương.	5/5**
PLO8	Chứng tỏ sự trung thực, thích ứng, tự định hướng, phát triển chuyên môn nghề nghiệp, hướng dẫn nghiên cứu cho đồng nghiệp và tự học tập suốt đời.	5/5***

Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực: * Bloom: Kiến thức (1-6), **Dave: Kỹ năng (1-5), ***Krathwohl: đạo đức và trách nhiệm (1-5)

3.2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu đào tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu của chương trình đào tạo					
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1	x	x				
PLO2		x				
PLO3	x	x				
PLO4				x		
PLO5			x		x	
PLO6					x	
PLO7				x	x	x
PLO8						x

3.3. Sự phù hợp với khung trình độ quốc gia và chuẩn năng lực ngành

Chuẩn đầu ra CTĐT	Khung trình độ quốc gia Bậc 8 (Phụ lục 1)
PLO1	KT1, KT2
PLO2	TC1, TC2
PLO3	KT2
PLO4	KN1, KN2, TC2
PLO5	KN3, TC4
PLO6	KT3, KT4, KN5
PLO7	KN6
PLO8	TC3, TC5

IV. THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH

Theo quy định về tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ tại công văn số 442/TB-YDHP của trường ĐH Y Dược Hải Phòng ngày 28/5/2024 về Thông báo Bổ sung về việc tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ năm 2024- đợt 1.

4.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

4.2. Đối tượng tuyển sinh và điều kiện dự tuyển

1) Văn bằng:

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại Giỏi trở lên, ngành đúng hoặc phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển;

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II đúng ngành hoặc phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển đã được Hội đồng tuyển sinh, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng phê duyệt.

Danh mục ngành phù hợp:

- + Ngành tốt nghiệp đại học loại giỏi phù hợp: Y khoa, Y tế công cộng, Y học dự phòng
- + Ngành tốt nghiệp Bachelor 7 (Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú, Chuyên khoa II) không phải hoàn thiện học phần thạc sĩ: Y tế công cộng, Y học dự phòng, Dịch tễ học

+ Ngành tốt nghiệp Bachelor 7 cần hoàn thiện học phần Thạc sĩ (Chuyên khoa II/BSNT): Các ngành/chuyên ngành thuộc lĩnh vực sức khoẻ khác với Y tế công cộng, Y học dự phòng, Dịch tễ học (mã ngành 872 được quy định theo thông tư 09/2022/TT-BGDĐT).

2) Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học:

Ứng viên phải là tác giả của tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến ngành/chuyên ngành dự tuyển đã được đăng trên các tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phân biện trong thời hạn 24 tháng, tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3) Kinh nghiệm công tác chuyên môn

Ứng viên có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

4) Yêu cầu về ngoại ngữ

Ứng viên là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học các ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ Bachelor 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố trong thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021;
- Ứng viên là công dân nước ngoài học chương trình tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bachelor 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

5) Có đề cương nghiên cứu:

Đề cương nghiên cứu theo mẫu của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, chủ đề nghiên cứu tập trung vào lĩnh vực Y tế công cộng (ví dụ dịch tễ học, sức khỏe môi trường- nghề nghiệp, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, kinh tế y tế, quản lý và chính sách y tế, y tế dự phòng, nâng cao chăm sóc sức khỏe cho người dân, ...áp dụng trong chăm sóc sức khỏe cụ thể)

- 6) ***Có giấy chấp thuận hướng dẫn khoa học*** (theo mẫu của trường Đại học Y Dược Hải Phòng) của người đủ tiêu chuẩn hướng dẫn theo quy định;
- 7) ***Có thư giới thiệu*** đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu; hoặc 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng lĩnh vực và thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh.
- 8) ***Được cơ quan quản lý nhân sự giới thiệu cho đi dự tuyển;***
- 9) ***Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định;***
- 10) ***Hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;***
- 11) ***Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính*** đối với quá trình đào tạo theo qui định của cơ sở đào tạo
- 12) ***Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.***

4.3. Thông tin tuyển sinh và thời gian tuyển sinh

- Thời gian xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Hiệu trưởng tùy theo điều kiện thực tế ra quyết định.
- Thông báo tuyển sinh ít nhất 45 ngày trước khi thi tuyển.
- Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại Trường, gửi đến các đơn vị đào tạo của Nhà trường, các trường đào tạo nhân viên y tế, các cơ sở y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan và được đăng tải trên website của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

4.4. Cách thức tuyển sinh

- Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển thể hiện ở các nội dung: kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học và kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận; điểm công trình khoa học (qua các bài báo khoa học công bố trên các tạp chí khoa học, báo cáo khoa học được đăng trong trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia/quốc tế có bình duyệt và được xuất bản).
- Thí sinh được phỏng vấn trình độ chuyên môn, thẩm định trình độ ngoại ngữ và bảo vệ đề cương nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn.
 - + Điểm phần 1 (điểm đánh giá hồ sơ), tối đa 30 điểm: tối thiểu đạt ≥ 15 điểm. Các mục thành phần đều phải có điểm (không có mục nào 0 điểm).

+ Điểm phần 2 (điểm đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên) tối đa 70 điểm: Điểm tối thiểu đạt ≥ 35 điểm trong đó điểm đánh giá đề cương nghiên cứu phải đạt ≥ 25 điểm. Các mục thành phần đều phải có điểm (không có mục nào 0 điểm)

4.5. Trúng tuyển và nhập học

Xếp thứ tự tổng điểm của phần 1 và phần 2 từ cao đến thấp theo đợt xét tuyển, lấy đến hết chỉ tiêu.

Trường hợp trong 01 đợt xét tuyển cùng ngành ứng viên có tổng điểm bằng nhau. Xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên:

1. Tổng điểm phần 2 cao hơn.
2. Điểm bài báo và thành tích nghiên cứu khoa học cao hơn

- **Công nhận trúng tuyển:** Sau khi có kết quả thi tuyển, học viên trúng tuyển sẽ nhận được giấy báo nhập học từ Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học của trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình

- Với nghiên cứu sinh (NCS) chưa có bằng thạc sỹ, hoặc có bằng thạc sỹ chuyên ngành gần phù hợp (gồm các ngành thuộc khối ngành sức khỏe và các khối ngành còn lại trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sỹ, tiến sỹ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo Thông tư số 18/2021/TT BGDĐT ban hành ngày 28/06/2021), chương trình đào tạo là 120 tín chỉ.
- Với nghiên cứu sinh (NCS) có bằng thạc sỹ ngành đúng (YTCC), chương trình đào tạo là 90 tín chỉ.

5.2. Khung chương trình đào tạo

a) Các học phần bổ sung cho NCS có bằng tốt nghiệp Đại học

STT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1		Phần kiến thức chung cơ sở	8	5	3
		1. Triết học	3	3	0
		2. Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
		3. Thống kê y sinh	3	1	2
2		Học phần bắt buộc: môn cơ sở và hỗ trợ	6	4	2
		1. Dịch tễ học	3	2	1
		2. Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	2	1
3		Học phần chuyên ngành: học phần chọn ít nhất 2/4 học phần 4 tín chỉ và ít nhất 2/3 học phần 3 tín chỉ	14	8	6
		1. Sức khỏe môi trường	4	2	2
		2. Sức khỏe nghề nghiệp	4	2	2
		3. DD & ATTP	4	2	2
		4. Kinh tế y tế và bảo hiểm y tế	3	2	1
		5. Quản lý y tế và chính sách y tế	4	2	2
		6. Dịch tễ học bệnh mới nổi và tái nổi	3	2	1
		7. Quản lý các bệnh không lây nhiễm	3	2	1
4		Học phần tự chọn (học viên chọn ít nhất 01/7 học phần sau)	3	2	1
		1. SKTT-SKLT-SKSS	3	2	1
		2. Một sức khỏe	3	2	1
		3. Nghiện chất	3	2	1
		4. Y tế biển đảo	3	2	1
		5. Dân số và phát triển	3	2	1
		6. Biến đổi khí hậu và Thảm họa	3	2	1
		7. Tâm sinh lý lao động và Ergonomi	3	2	1
		Tổng số đơn vị học phần (tối thiểu)	31	19	12

b) Các học phần học bổ sung cho NCS có bằng tốt nghiệp tương đương bậc 7 (Thạc sĩ, BSCKII, BSNT) không đúng chuyên ngành (các ngành/chuyên ngành thuộc lĩnh vực sức

khác với YTCC, YHDP, DTH – mã ngành 872 được quy định theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT)

STT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1		Học phần học chung	8	5	3
		1. Triết học	3	3	0
		2. Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
		3. Thống kê y sinh	3	1	2
2		Học phần bắt buộc: học phần thuộc môn cơ sở và hỗ trợ	6	4	2
		1. Dịch tễ học	3	2	1
		2. Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	2	1
3		Học phần chuyên ngành: học phần chọn ít nhất 2/4 học phần 4 tín chỉ và ít nhất 2/3 học phần 3 tín chỉ	14	8	6
		1. Sức khỏe môi trường	4	2	2
		2. Sức khỏe nghề nghiệp	4	2	2
		3. DD & ATTP	4	2	2
		4. Kinh tế y tế và bảo hiểm y tế	3	2	1
		5. Quản lý y tế và chính sách y tế	4	2	2
		6. Dịch tễ học bệnh mới nổi và tái nổi	3	2	1
		7. Quản lý các bệnh không lây nhiễm	3	2	1
4		Học phần tự chọn (học viên chọn ít nhất 01/7 học phần sau)	3	2	1
		1. SKTT-SKLT-SKSS	3	2	1
		2. Một sức khỏe	3	2	1
		3. Nghiện chất	3	2	1
		4. Y tế biển đảo	3	2	1
		5. Dân số và phát triển	3	2	1
		6. Biến đổi khí hậu và Thảm họa	3	2	1
		7. Tâm sinh lý lao động và Ergonomi	3	2	1
5		Tổng số đơn vị học phần	31	19	12

c) Các học phần ở trình độ Tiến sĩ (Dành cho tất cả các đối tượng)

STT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1	Học phần chuyên ngành bắt buộc		5	3	2
		1. Phương pháp nghiên cứu kết hợp	2	1	1
		2. Thống kê nâng cao và phân tích số liệu	3	2	1
2	Học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 1 trong 2)		2	1	1
		3. Quản lý, Đánh giá các chương trình/dự án y tế	2	1	1
		4. Can thiệp hành vi trong truyền thông giáo dục sức khỏe	2	1	1
3	Học phần chuyên đề		9		
		Chuyên đề 1	2		
		Chuyên đề 2	2		
		Chuyên đề 3	2		
		Chuyên đề tổng quan	3		
4	Luận án		74		
		Kiểm tra số liệu			
		Bảo vệ luận án cấp cơ sở			
		Phản biện độc lập			
		Bảo vệ luận án cấp trường			
		Hoàn chỉnh luận án nộp về Nhà trường và thư viện quốc gia			
Tổng chung (tín chỉ)			90		

5.3. Tiến trình đào tạo

Thời gian	NCS có bằng tốt nghiệp loại giỏi ngành phù hợp (4 năm) Tối thiểu 120 tín chỉ**	NCS có bằng tốt nghiệp bậc 7 (ThS, BSCKII, BSNT) ngành không phù hợp * (4 năm) Tối thiểu 120 tín chỉ*	NCS có bằng tốt nghiệp bậc 7 (ThS, BSCKII, BSNT) ngành phù hợp (3 năm) 90 tín chỉ**

Năm thứ nhất	- Học phần bổ sung chương trình ThS YTCC	- Học phần bổ sung chương trình ThS YTCC	- Học phần bắt buộc chương trình tiến sĩ - Bảo vệ đạo đức đề cương NC - Chuyên đề 1: Tổng quan tài liệu
Năm thứ hai	- Học phần bắt buộc chương trình tiến sĩ - Bảo vệ đạo đức đề cương NC - Chuyên đề 1: Tổng quan tài liệu	- Học phần bắt buộc chương trình tiến sĩ - Bảo vệ đạo đức đề cương NC - Chuyên đề 1: Tổng quan tài liệu	- Học phần tự chọn chương trình tiến sĩ - Chuyên đề 2: Xây dựng bộ công cụ/kế hoạch phân tích số liệu - Thu thập số liệu
Năm thứ ba	- Học phần tự chọn chương trình tiến sĩ - Chuyên đề 2: Xây dựng bộ công cụ/kế hoạch phân tích số liệu - Thu thập số liệu	- Học phần tự chọn chương trình tiến sĩ - Chuyên đề 2: Xây dựng bộ công cụ/kế hoạch phân tích số liệu - Thu thập số liệu	- Phân tích số liệu, viết luận án, viết bài báo - Báo cáo luận án
Năm thứ tư	- Phân tích số liệu, viết luận án, viết bài báo - Báo cáo luận án	- Phân tích số liệu, viết luận án, viết bài báo - Báo cáo luận án	

5.4. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT

TT	Mã học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra của CTĐT							
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
			MÔN CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC							
1.		2	4	5	3	3	5	5	4	4
2.		3	3	3	3	3	5	4	4	4
			MÔN CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN							
3.		2	4	3	3	5	3	3	4	3
4.		2	4	3	3	3	3	5	4	3

TT	Mã học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra của CTĐT							
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
			CHUYÊN ĐỀ							
5.		2	4	4	4	4	4	4	4	4
6.		2	4	4	4	4	4	4	4	4
7.		2	4	4	4	4	4	4	4	4
8.		3	4	4	4	4	4	4	4	4
			LUẬN ÁN							
9.		74	5	5	5	5	5	5	5	5

Ghi chú:

1: không liên quan trực tiếp; 2: ít liên quan ; 3: liên quan; 4: liên quan chặt chẽ; 5: đặc biệt liên quan

5.5. Mô tả các học phần

a) Học phần bổ sung chương trình ThS YTCC

Tối thiểu 30 tín chỉ (10 tín chỉ học phần chung, 6 tín chỉ học phần bắt buộc, 11 tín chỉ học phần cơ sở và chuyên ngành, 3 tín chỉ học phần tự chọn)

TT	HỌC PHẦN	Mã học phần	Số TC
Học phần cơ sở và hỗ trợ			9
1	Triết học: Cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên đề chuyên sâu về triết học nói chung và chủ nghĩa Mác trong nghiên cứu y tế công cộng và phân tích các vấn đề xã hội.		3
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học: Cung cấp các kiến thức về nghiên cứu khoa học trong y học, để từ đó giúp học viên ứng dụng trong tìm hiểu vấn đề sức khỏe cộng đồng; xây dựng và triển khai được nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y tế công cộng.		2
3	Thống kê y sinh: Cung cấp cho học viên những cơ sở thiết yếu để hiểu và ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm		3

	<p>định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực. Điểm chính của môn học này là phát triển kỹ năng thống kê thực hành. Học viên sẽ được học cách phân tích số liệu bằng phần mềm Stata cũng như cách phiên giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.</p>		
Học phần cơ sở và hỗ trợ			
1	<p>Dịch tễ học: Cung cấp kiến thức để người học có thể áp dụng cách tiếp cận, các nguyên lý về dịch tễ học, các phương pháp nghiên cứu sức khỏe trong việc: đo lường mắc bệnh, tử vong, các chỉ số sức khỏe cơ bản, yếu tố nguy cơ, mối liên quan giữa các yếu tố nguy cơ và các vấn đề sức khỏe, bệnh, dịch bệnh; giải thích nguyên tắc và dự phòng các cấp, chiến lược dự phòng mức cá nhân, tiếp cận dự phòng dựa vào cộng đồng và tiếp cận dựa vào yếu tố nguy cơ cao trong phòng ngừa và nâng cao sức khỏe; đánh giá hiệu quả của các can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học; chẩn đoán, ra quyết định xử trí và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào bằng chứng.</p>		3
2	<p>Giáo dục sức khỏe- nâng cao sức khỏe: đề cập đến quá trình GDSK nhằm nâng cao kiến thức, thay đổi thái độ và hành vi của đối tượng theo hướng tích cực, có lợi cho sức khỏe. Cung cấp nội dung cơ bản của NCSK, các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe, những kỹ năng chính trong NCSK và triển khai các chương trình NCSK tại cộng đồng.</p>		3
Các học phần chuyên ngành			
1	<p>Sức khỏe môi trường: Cung cấp những khái niệm chính của sức khỏe môi trường, những yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe môi trường và sức khỏe cộng đồng; Cách tiếp cận nghiên cứu phát hiện và giải pháp giải quyết, dự phòng đối với sức khỏe môi trường và sức khỏe cộng đồng; Sự phối hợp các cơ quan liên quan trong giải quyết vấn đề môi trường và sức khỏe cộng đồng.</p>		4

2	Sức khỏe nghề nghiệp: Cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về hệ thống sức khỏe nghề nghiệp, các tác hại nghề nghiệp và biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp, từ đó đề xuất và áp dụng được các biện pháp cải thiện và nâng cao sức khỏe người lao động		4
3	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm: cung cấp kiến thức cơ bản về dinh dưỡng giúp học viên có khả năng đánh giá và giải quyết các vấn đề dinh dưỡng cho cộng đồng, cho học đường; tham gia các nghiên cứu dinh dưỡng, góp phần thực hiện các chiến lược quốc gia về dinh dưỡng. Đồng thời, học phần cung cấp kiến thức về an toàn thực phẩm giúp học viên có khả năng phối hợp với các bên liên quan trong hoạt động kiểm tra giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm.		4
4	Kinh tế y tế và bảo hiểm y tế: Cung cấp những kiến thức về chính sách về Y tế - Bảo hiểm xã hội liên, kinh tế y tế cũng như hoạt động chuyên môn của các bác sĩ hoạt động trong lĩnh vực điều trị và dự phòng.		3
5	Quản lý y tế-Chính sách y tế: Cung cấp kiến thức về chính sách, những kỹ năng về tổ chức, quản lý, giúp cho những cán bộ quản lý đang công tác ở các tuyến trong ngành y tế phát huy nội và ngoại lực tại các vùng, miền nơi công tác với hiệu quả cao nhất.		4
6	Dịch tễ học các bệnh mới nổi và tái nổi: cung cấp các kiến thức về các đặc điểm dịch tễ học và quá trình dịch của các bệnh nhiễm trùng mới nổi và tái nổi; giải thích được nguy cơ xuất hiện bệnh trên cộng đồng và đưa ra được chiến lược dự phòng các cấp cho các bệnh này		3
7	Quản lí các bệnh không lây nhiễm: cung cấp cho người học kiến thức và thực hành về dịch tễ học, yếu tố nguy cơ, biện pháp sàng lọc cũng như biện pháp dự phòng với một số bệnh mạn tính chủ yếu.		3
Học phần tự chọn (học viên chọn 01 trong 07 môn học sau)			

1	Sức khỏe tâm thần – sức khỏe lứa tuổi– Sức khỏe sinh sản: cung cấp kiến thức và thực hành cơ bản để học viên phân tích được nguy cơ sức khỏe phù hợp theo nhóm tuổi và những yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe sinh sản, sức khỏe tâm thần dễ tiếp cận và có thể dự phòng được.		3
2	Một sức khỏe: Một sức khỏe là một phương thức khuyến khích phối hợp liên ngành rại các cấp địa phương, quốc gia, quốc tế, và áp dụng kiến thức chuyên môn nhằm cải thiện tối đa sức khỏe của con người, động vật và môi trường. Học phần này trang bị cho học viên các khái niệm cơ bản và các năng lực cốt lõi về một sức khỏe, từ đó có khả năng xác định được các vấn đề một sức khỏe trong cộng đồng và đề xuất giải pháp giải quyết với sự tham gia của nhiều bên liên quan (y tế, thú y, môi trường và các ngành khác).		3
3	Nghiện chất: học phần này nhằm giúp học viên có được kiến thức tổng hợp và mối liên hệ trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế về các vấn đề liên quan đến nghiện chất như tâm thần, HIV và viêm gan vi rút để phục vụ cho công việc nâng cao sức khỏe cộng đồng.		3
4	Y tế biển đảo: Môn học cung cấp các kiến thức về ảnh hưởng của điều kiện môi trường lao động, môi trường vi xã hội tới sức khỏe đoàn thuyền viên; các phương pháp quản lý và dự phòng nâng cao sức khỏe nghề nghiệp cho thuyền viên và các đối tượng lao động biển khác.		3
5	Dân số và phát triển: Môn học giúp học viên phân tích mối quan hệ nhân - quả giữa dân số với kinh tế, dân số với xã hội, dân số với môi trường cả ở cấp độ toàn cầu, mỗi quốc gia cho đến các địa phương và cấp độ gia đình. Điều này cũng cho thấy vị trí quan trọng của công tác DS-KHHGD đối với chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình, mỗi địa phương và toàn xã hội. Môn học cũng giới thiệu cho học viên một số nội dung quản lý nhà nước về dân số – KHHGD. Những kiến thức và kỹ năng được đề cập trong học phần sẽ được áp dụng trong thực tế		3

	công việc sau này của người cán bộ y tế nói chung và cán bộ y tế hoạt động trong lĩnh vực YTCC nói riêng.		
6	Biến đổi khí hậu và thảm họa: Mục tiêu của môn học nhằm cung cấp kiến thức và xây dựng kỹ năng giúp học viên xác định, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa, đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành Y tế cũng như đưa ra các giải pháp ứng phó với những tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa ở các cấp nhằm giảm tác động của chúng đến sức khỏe cộng đồng đồng thời góp phần xây dựng môi trường sống an toàn hơn.		3
7	Tâm sinh lí lao động và Ergonomi: Môn học này sẽ cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và nâng cao về các biến đổi chức năng và khả năng của con người trong các điều kiện, hoàn cảnh nghề nghiệp và môi trường xã hội cụ thể, từ đó giúp phát hiện sớm những ảnh hưởng của điều kiện lao động, nhằm tìm ra các biện pháp tối ưu bảo vệ sức khỏe người lao động		3

b) Học phần bắt buộc trong chương trình Tiến sĩ YTCC

TT	HỌC PHẦN	Mã học phần	Số TC
1	Phương pháp nghiên cứu kết hợp: Cung cấp cho nghiên cứu sinh chương trình Tiến sĩ Y tế công cộng các kiến thức về phương pháp nghiên cứu kết hợp bao gồm lịch sử phát triển tự nhiên của nghiên cứu kết hợp, các thiết kế, cách tiến hành thu thập thông tin, phân tích kết quả, cách triển khai và báo cáo kết quả của một nghiên cứu kết hợp.		2

2	Thông kê nâng cao và phân tích số liệu: cung cấp cho nghiên cứu sinh những kiến thức và kỹ năng về những phương pháp thống kê và phân tích số liệu nâng cao nhằm giúp đáp ứng được các mục tiêu nghiên cứu trong luận án nói riêng và trong một đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao nói chung, như: các mô hình hồi quy, phân tích sống còn, phân tích đo lường lặp lại, phân tích giá trị chẩn đoán...		3
---	---	--	---

c) Học phần tự chọn trong chương trình Tiến sĩ YTCC

TT	HỌC PHẦN	Mã học phần	Số TC
1	Quản lý, Đánh giá các chương trình/dự án y tế: cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về quản lý, đánh giá chương trình, dự án y tế ; trên cơ sở đó người học có thể xác định được kết cấu nội dung cần có của một chương trình y tế, dự án y tế như : mục tiêu, chiến lược, chính sách... Từ đó, người học có thể xây dựng được kế hoạch đánh giá các chương trình y tế, dự án y tế đang thực hiện tại địa phương và có khả năng đề xuất các biện pháp phát huy và cải thiện các chương trình/dự án y tế đó.		2
2	Can thiệp hành vi trong truyền thông giáo dục sức khỏe: cung cấp cho người học các kiến thức về các chiến lược thực hiện nâng cao sức khỏe; nội dung của dự án TT-GDSK và nâng cao sức khỏe, trên cơ sở đó người học có thể xác định được kết cấu nội dung cần có của một chương trình can thiệp thay đổi hành vi sức khỏe và các kết quả từ chương trình can thiệp đó. Từ đó, người học có thể xây dựng được kế hoạch can thiệp hành vi bằng biện pháp TT-GDSK để giải quyết các vấn đề sức khỏe trong cộng đồng, có khả năng thực hiện được truyền thông phổ biến kết quả nghiên cứu đến các nhà chuyên môn, nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách, cộng đồng trong nước và quốc tế.		2

VI. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐIỂM, VĂN BẰNG

6.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Học viên được tham dự kỳ thi kết thúc môn học khi đủ các điều kiện sau:
 - a) Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chỉ tiết

môn học.

b) Tham dự đầy đủ các buổi thực tập, thực hành.

- Học viên học, thi chứng chỉ không đúng theo lịch của khoá phải chủ động liên hệ với Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học để học, thi vào thời gian thích hợp và phải tự túc kinh phí.

6.2. Điều kiện bảo vệ luận án tốt nghiệp

- Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học sẽ xếp lịch bảo vệ luận án cấp cơ sở và cấp trường cho học viên căn cứ vào đề nghị của đơn vị đào tạo.
- Học viên chỉ được bảo vệ luận án cấp trường khi có đủ các điều kiện:
 - o Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo;
 - o Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - o Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận án;
 - o Đóng học phí và lệ phí đầy đủ theo quy định.
 - o Có chứng chỉ Ngoại ngữ (bậc 4/6) theo quy định.

6.3. Điều kiện cấp bằng điểm, văn bằng

- Hiệu trưởng ra quyết định cấp bằng Tiến sĩ và bằng điểm cho học viên đủ điều kiện tốt nghiệp (Đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định; Đủ điều kiện bảo vệ luận án; Bảo vệ luận án đạt yêu cầu)
- Bằng điểm cấp cho học viên phải liệt kê đầy đủ tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm đánh giá học phần, điểm trung bình chung học tập toàn khóa, tên luận án tốt nghiệp, điểm luận án và danh sách Hội đồng chấm luận án.

VII. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO

7.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Tiến sĩ Y tế công cộng, học viên có khả năng đảm nhiệm công tác:

- Cán bộ nghiên cứu cao cấp làm việc trong các tổ chức liên quan đến nghiên cứu, đào tạo và áp dụng kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực y tế như: Bộ Y tế/các Cục chuyên ngành trực thuộc Bộ Y tế, Sở Y tế, Trung tâm kiểm soát bệnh tật/trung tâm y tế dự phòng, Bệnh viện, Tổ chức phi chính phủ địa phương và quốc tế, Tổ chức tư nhân và Trung tâm/đơn vị nghiên cứu địa phương hoặc liên kết với nước ngoài.
- Giảng viên chuyên ngành YTCC tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng thuộc khối ngành sức khỏe công lập và tư nhân.

7.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Tiến sĩ Y tế công cộng, học viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu sau tiến sĩ trong và ngoài nước:

- Tham gia các chương trình đào tạo, nghiên cứu sau tiến sĩ Y tế công cộng; Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện...
- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong lĩnh vực y tế công cộng.

VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

Học phần	Phương pháp dạy-học						Tổng số phương pháp
	Thuyết trình	Clicker	Thảo luận nhóm	Đóng vai/SBL	Quan sát/Kiến tập	Ca lâm sàng	
Các học phần bổ sung chương trình thạc sĩ YTCC							
1. Triết	x		x				2
2. Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		x				2
3. Thống kê y sinh	x		x				2
4. Dịch tễ học	x		x				2
5. Giáo dục sức khỏe - nâng cao sức khỏe	x	x	x	x			4
6. Sức khỏe môi trường	x		x	x			3
7. Sức khỏe nghề nghiệp	x		x	x	x		4
8. DD & ATTP	x		x	x	x		4
9. Kinh tế y tế và bảo hiểm y tế	x	x	x	x			4
10. Quản lý y tế và chính sách y tế	x		x	x			3
11. Dịch tễ học bệnh mới nổi và tái nổi	x		x				2
12. Quản lý các bệnh không lây nhiễm	x		x	x			3
13. SKTT-SKLT-SKSS	x		x				2
14. Một sức khỏe	x		x	x			3
15. Nghiện chất	x		x		x		3
16. Y tế biển đảo	x					x	2

Học phần	Phương pháp dạy-học						Tổng số phương pháp
	Thuyết trình	Clicker	Thảo luận nhóm	Đóng vai/SBL	Quan sát/Kiến tập	Ca lâm sàng	
17. Dân số và phát triển	x		x		x		3
18. Biến đổi khí hậu và Thảm họa	x		x	x			3
19. Tâm sinh lí lao động và Ergonomi	x		x		x		3
Học phần chuyên ngành bắt buộc							
1. Phương pháp nghiên cứu kết hợp	x		x				2
2. Thống kê nâng cao và phân tích số liệu	x		x				2
Học phần chuyên ngành lựa chọn							
1. Quản lý, đánh giá chương trình/Dự án y tế	x		x				2
2. Can thiệp hành vi trong truyền thông giáo dục sức khỏe	x		x				

IX. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

Học phần	Phương pháp lượng giá/đánh giá					Tổng số
	MCQ	Viết tự luận	Báo cáo/Tiểu luận	Bài tập/Tình huống	Vấn đáp/Bảng kiểm	
Các học phần bổ sung chương trình thạc sĩ YTCC						
1. Triết		x	x			2
2. Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		x			2
3. Thống kê y sinh	x			x		2
4. Dịch tễ học	x			x		2

Học phần	Phương pháp lượng giá/đánh giá					Tổng số phương pháp
	MCQ	Viết tự luận	Báo cáo/ Tiểu luận	Bài tập/ Tình huống	Vấn đáp/ Bảng kiểm	
Các học phần bổ sung chương trình thạc sĩ YTCC						
6. Giáo dục sức khỏe - nâng cao sức khỏe	x		x	x		3
7. Sức khỏe môi trường	x		x			2
8. Sức khỏe nghề nghiệp	x		x			2
9. DD & ATTP	x		x			2
10. Kinh tế y tế và bảo hiểm y tế	x		x			2
11. Quản lý y tế và chính sách y tế	x		x			2
12. Dịch tễ học bệnh mới nổi và tái nổi	x		x			2
13. Quản lí các bệnh không lây nhiễm	x			x		2
14. SKTT-SKLT-SKSS	x		x	x		3
15. Một sức khỏe	x		x			2
16. Nghiện chất			x		x	2
17. Y tế biển đảo	x				x	2
18. Dân số và phát triển	x		x			2
19. Biến đổi khí hậu và Thảm họa	x		x			2
20. Tâm sinh lí lao động và Ergonomi	x		x			2
Học phần chuyên ngành bắt buộc						
1. Phương pháp nghiên cứu kết hợp				x		1
2. Thống kê nâng cao và phân tích số liệu	x			x		2
Học phần chuyên ngành lựa chọn						
1. Quản lý, đánh giá chương trình/Dự án y tế	x		x			2
2. Can thiệp hành vi trong truyền thông giáo dục sức khỏe	x		x			2

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các hoạt động dạy – học do khoa Y tế công cộng chỉ đạo chuyên môn và thực hiện
- Phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học chịu trách nhiệm quản lý và phối hợp triển khai
- Chương trình được thiết kế gồm các học phần lý thuyết (bắt buộc và tự chọn), và luận án tiến sĩ:
 - + Hoạt động dạy-học lý thuyết được tổ chức tại các giảng đường truyền thống và giảng đường thông minh, chuyên biệt.

- + Thực hành các học phần: tại các phòng thực hành chức năng tại các bộ môn hoặc cơ sở thực hành.
- + Thực hiện luận án tiến sĩ: tại địa phương tiến hành nghiên cứu.

XI. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các chương trình đào tạo, tài liệu tham khảo trong quá trình xây dựng chương trình:

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 8) (xem phụ lục 1)
- Thông tư liên tịch 11/2015/TTLT-BYT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ ban hành (Hạng I), Thông tư 03/2022/TT-BYT về sửa đổi bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế (xem phụ lục 2)
- Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục đào tạo về Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ
- CTĐT và Chuẩn đầu ra trình độ tiến sĩ chuyên ngành Y tế công cộng – Trường Đại học Y tế công cộng năm 2022
(<https://dtdh.huph.edu.vn/sites/dtdh.huph.edu.vn/files/DTSDDH/TSYTCC/Chuong%20trinh%20Tien%20si%20Y%20te%20cong%20cong%202022.pdf>)
- CTĐT Tiến sĩ Y tế công cộng – Trường Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh năm 2022
(https://admin.ump.edu.vn/uploads/ckeditor/files/Truong/SauDaiHoc/ChuongTrinhDaoTaoTienSi/14_YTCC-2022-2025.pdf)
- CTĐT và Chuẩn đầu ra trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Y tế công cộng – Trường đại học Y Dược Huế năm 2020
(<https://huemed-univ.edu.vn/dao-tao/sau-dai-hoc/tien-si-y-te-cong-cong-121#>)

TRƯỞNG KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG


Hoàng Thị Giảng

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

XII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 8)

(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Chuẩn đầu ra – Người tốt nghiệp khóa đào tạo phải có:	
Kiến thức	
KT1	Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học
KT2	Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo.
KT3	Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.
KT4	Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.
Kỹ năng	
KN1	Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển
KN2	Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn.
KN3	Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo
KN4	Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển.
KN5	Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.
Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
TC1	Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới.
TC2	Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.
TC3	Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.
TC4	Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.
TC5	Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

Phụ lục 2: Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng chính hạng I (Thông tư liên tịch 11/2015/TTLT-BYT-BNV, Thông tư 03/2022/TT-BYT: sửa đổi bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế)

1. Hiểu biết quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và phương hướng phát triển của chuyên ngành y tế công cộng ở trong nước và trên thế giới;
2. Xác định được yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
3. Xác định được vấn đề sức khỏe cần ưu tiên của cộng đồng và đưa ra biện pháp giải quyết thích hợp;
4. Lập kế hoạch, xây dựng chiến lược, đánh giá chính sách, hệ thống tổ chức hoạt động bảo vệ chăm sóc sức khỏe cộng đồng khi được giao;
5. Đánh giá được việc thực hiện các chương trình sức khỏe tại cộng đồng;
6. Giám sát, phát hiện sớm bệnh dịch và tổ chức phòng chống dịch tại cộng đồng;
7. Có năng lực lồng ghép, huy động và phối hợp liên ngành để thực thi chiến lược, chính sách hiệu quả;
8. Chủ nhiệm hoặc thư ký hoặc tham gia chính (50% thời gian trở lên) đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ hoặc tương đương trở lên hoặc chủ nhiệm 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc sáng chế, phát minh khoa học chuyên ngành đã được nghiệm thu đạt;
9. Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh y tế công cộng chính (hạng II) lên chức danh y tế công cộng cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh y tế công cộng chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh y tế công cộng chính (hạng II) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.
10. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG**

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KẾT HỢP

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu kết hợp	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh Y tế công cộng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: pmkhue@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	0	2	0	
Số tiết	90	0	60	0	30
Số buổi	12		12		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh chương trình Tiến sĩ Y tế công cộng các kiến thức về phương pháp nghiên cứu kết hợp bao gồm lịch sử phát triển tự nhiên của nghiên cứu kết hợp, các thiết kế, cách tiến hành thu thập thông tin, phân tích kết quả, cách triển khai và báo cáo kết quả của một nghiên cứu kết hợp.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Giải thích được khái niệm và lịch sử phát triển tự nhiên của nghiên cứu kết hợp	PLO1, PLO5
CLO2	Phân tích được sự khác nhau giữa các thiết kế nghiên cứu kết hợp cơ bản	PLO1, PLO5
CLO3	Phân tích được các bước triển khai nghiên cứu kết hợp	PLO1, PLO5
CLO4	Phân tích được tiến trình và các yếu tố cần thiết của thu thập số liệu cho nghiên cứu kết hợp	PLO1, PLO5
CLO5	Giải thích được cách sử dụng các phân tích và phiên giải kết quả trong nghiên cứu kết hợp	PLO1, PLO5

CLO6	Phân tích được các yếu tố đánh giá một nghiên cứu kết hợp	PLO1, PLO5
------	---	------------

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Chiến lược lượng giá

a. Lượng giá giữa kỳ (LGGK):

- Hình thức: Làm bài tập phân tích thiết kế nghiên cứu kết hợp trong một tình huống cụ thể

- Thời điểm lượng giá: Kết thúc bài 2

- Rubric lượng giá

CĐR	Kém (0-29%)	Trung bình (30-59-%)	Khá (60-79%)	Tốt (80-100%)
CLO1, CLO2	- Không xác định được thiết kế nghiên cứu sử dụng trong nghiên cứu	- Xác định được thiết kế nghiên cứu - Giải thích được lý do lựa chọn thiết kế nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ	- Giải thích được đầy đủ lý do sử dụng thiết kế nghiên cứu	- Giải thích được tính hợp lý khi sử dụng thiết kế nghiên cứu (có sự so sánh với các thiết kế nghiên cứu khác)

b. Lượng giá cuối kỳ (LGCK):

- Hình thức: Báo cáo phân tích một nghiên cứu kết hợp cụ thể

- Thời gian: Sau khi học xong tất cả các nội dung

- Rubric lượng giá:

Nội dung	CĐR	Kém (0-29%)	Trung bình (30-59-%)	Khá (60-79%)	Tốt (80-100%)
Thiết kế nghiên cứu (4 điểm)	CLO1, CLO2	- Không xác định được thiết kế nghiên cứu sử dụng trong nghiên cứu	- Xác định được thiết kế nghiên cứu - Giải thích được lý do lựa chọn thiết kế nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ	- Giải thích được đầy đủ lý do sử dụng thiết kế nghiên cứu	- Giải thích được tính hợp lý khi sử dụng thiết kế nghiên cứu (có sự so sánh với các thiết kế nghiên cứu khác)
Triển khai nghiên cứu (1 điểm)	CLO3	- Không xác định được cách thức triển khai nghiên cứu - Xác định sai xác vai trò của	- Xác định được vai trò của các thiết kế nghiên cứu kết hợp trong triển khai nghiên cứu	- Phân tích được sự phù hợp của các thiết kế nghiên cứu kết hợp phù	- Phân tích được sự phù hợp của tiến trình triển khai nghiên cứu phù hợp

		các thiết kế nghiên cứu trong triển khai nghiên cứu	- Xác định được tiến trình triển khai nghiên cứu kết hợp	hợp với mục tiêu nghiên cứu	với mục tiêu nghiên cứu
Thu thập số liệu (2 điểm)	CLO4	- Không xác định được tiến trình thu thập số liệu - Xác định chưa chính xác tiến trình thu thập số liệu định tính và định lượng	- Xác định chính xác tiến trình thu thập số liệu định tính và số liệu định lượng cho nghiên cứu	- Phân tích được sự phù hợp của tiến trình thu thập số liệu	- Phân tích được các yếu tố cần thiết được sử dụng trong quá trình thu thập số liệu
Phân tích, phân giải kết quả nghiên cứu (1 điểm)	CLO5	- Không xác định được các kết quả quan trọng của nghiên cứu phù hợp với mục tiêu	- Xác định được kết quả nghiên cứu theo mục tiêu nghiên cứu - Xác định được chính xác các số liệu định tính và số liệu định lượng phù hợp cho nghiên cứu	- Phân tích được sự phù hợp của các số liệu theo mục tiêu nghiên cứu	- Phân tích được sự giải thích các số liệu phù hợp cho mục tiêu nghiên cứu
Viết và báo cáo kết quả nghiên cứu (2 điểm)	CLO6	- Không xác định được cấu trúc - Xác định cấu trúc của bài báo cáo không chính xác	- Xác định chính xác cấu trúc bài báo - Xác định được kết quả quan trọng của nghiên cứu	- Đánh giá được nghiên cứu nhưng chưa toàn diện	- Đánh giá được nghiên cứu phù hợp với mục tiêu nghiên cứu

c. Tổng kết học phần (TKHP):

$$TKHP = LGGK * 0.3 + LGCK * 0.7$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			CĐR học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Bài 1: Tổng quan về nghiên cứu kết hợp LLO1: Giải thích được khái niệm về nghiên cứu kết hợp	0	10	5	CLO1	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL

LLO2: Mô tả được sự hình thành và phát triển tự nhiên của nghiên cứu kết hợp					
Bài 2: Các thiết kế nghiên cứu kết hợp cơ bản LLO1: Phân tích được sự khác nhau giữa các thiết kế nghiên cứu kết hợp cơ bản (Thiết kế hội tụ- convergent design, thiết kế tuần tự giải thích-explanatory sequential design, thiết kế tuần tự khám phá- exploratory sequential design) LLO2: Phân tích được ưu nhược điểm và ứng dụng của các loại thiết kế nghiên cứu kết hợp	0	10	5	CLO2	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL
Bài 3: Triển khai nghiên cứu kết hợp LLO1: Giải thích được vai trò của các thiết kế nghiên cứu kết hợp trong triển khai nghiên cứu LLO2: Xác định được các loại phức hợp của nghiên cứu kết hợp LLO3: Phân tích được tiến trình triển khai nghiên cứu kết hợp	0	10	5	CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL
Bài 4: Thu thập số liệu trong nghiên cứu kết hợp LLO1: Phân tích được tiến trình thu thập số liệu định tính và số liệu định lượng cho nghiên cứu LLO2: Phân tích được các yếu tố cần thiết cho sự phối hợp số liệu trong nghiên cứu	0	10	5	CLO4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL
Bài 5: Phân tích và phiên giải kết quả trong nghiên cứu kết hợp LLO1: Mô tả được số liệu định tính và số liệu định lượng phù hợp với mục tiêu nghiên cứu LLO2: Phân tích được cách phân tích và giải thích dữ liệu phù hợp cho từng thiết kế nghiên cứu kết hợp LLO3: Phân tích được các vấn đề về tính hợp lệ cho từng thiết kế nghiên cứu	0	10	5	CLO5	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL

Bài 6: Viết và báo cáo kết quả nghiên cứu kết hợp LLO1: Phân tích được các cấu trúc trong viết một báo cáo cho một nghiên cứu kết hợp LLO2: Phân tích được các yếu tố đánh giá một nghiên cứu kết hợp	0	10	5	CLO6	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL
---	---	----	---	------	-----------------------------------

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

Tài liệu phát tay của giảng viên

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Schoonenboom J, Johnson RB. How to Construct a Mixed Methods Research Design. *Kolner Z Soz Sozpsychol.* 2017;69(Suppl 2):107-131. doi: 10.1007/s11577-017-0454-1. Epub 2017 Jul 5. PMID: 28989188; PMCID: PMC5602001.
2. Timans, R., Wouters, P. & Heilbron, J. Mixed methods research: what it is and what it could be. *Theor Soc* 48, 193–216 (2019). <https://doi.org/10.1007/s11186-019-09345-5>
3. John W. Creswell, Vicki L. Plano Clark (2018), *Designing and Conducting Mixed Methods Research*, Third Edition, SAGE Publications, Inc.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Minh Khuê	Khoa Y tế công cộng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thu Thảo	Khoa Y tế công cộng	nttthao@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, giảng đường

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

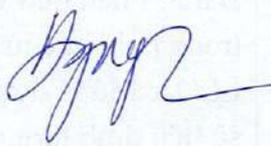
Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Minh Khuê

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Giang

THỐNG KÊ NÂNG CAO VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Thống kê nâng cao và phân tích số liệu	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh Y tế công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: nthanhhai@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0913513654	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	2	0	
Số tiết	75	15	60	0	60
Số buổi	15	3	12	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:

- Học phần học trước:

- Điều kiện khác: Nắm được cơ bản về phương pháp nghiên cứu, các thiết kế nghiên cứu cũng như thống kê và phân tích số liệu cơ bản. Biết sử dụng một phần mềm phân tích số liệu ở mức độ cơ bản.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

(Mô tả vị trí của học phần đối với chương trình đào tạo, những nội dung chính yếu của học phần).

Thống kê và phân tích số liệu là một bước quan trọng và là một thành phần không thể thiếu trong quá trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học, là cầu nối để chuyển hóa một đề cương nghiên cứu thành một sản phẩm khoa học. Cùng với xu hướng phát triển ngày càng phức tạp của thống kê và sự chú trọng vào “y học dựa vào bằng chứng” (Evidence-Based Medicine), chất lượng thống kê ứng dụng trong các nghiên cứu y học ngày càng được quan tâm, đặc biệt là trong đào tạo nghiên cứu sinh với trọng tâm là luận án y khoa. Các đề tài của một luận án mang tính khoa học và tính ứng dụng cao, đồng thời sử dụng rất nhiều các thiết kế nghiên cứu phức tạp và đan xen với những bộ dữ liệu lớn, đòi hỏi người nghiên cứu sinh cần phải có những kỹ năng cần thiết về thống kê nâng cao và phân tích số liệu.

Học phần này sẽ cung cấp cho nghiên cứu sinh những kiến thức và kỹ năng về những phương pháp thống kê và phân tích số liệu nâng cao nhằm giúp đáp ứng được các mục

tiêu nghiên cứu trong luận án nói riêng và trong một đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao nói chung, như: các mô hình hồi quy, phân tích sống còn, phân tích đo lường lặp lại, phân tích giá trị chẩn đoán...

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Mô tả được các bước trong phân tích hồi quy, phân tích sống còn, phân tích đo lường lặp lại theo thời gian và phân tích giá trị chẩn đoán	PLO1
CLO2	Phân tích, phiên giải và áp dụng được kết quả trong nghiên cứu có sử dụng các mô hình hồi quy	PLO5, PLO6, PLO7
CLO3	Phân tích, phiên giải và áp dụng được kết quả trong nghiên cứu có kết cục là biến số sống còn	PLO5, PLO6, PLO7
CLO4	Phân tích, phiên giải và áp dụng được kết quả trong nghiên cứu có kết cục được đo lường lặp lại theo thời gian	PLO5, PLO6, PLO7
CLO5	Phân tích, phiên giải và áp dụng được kết quả trong nghiên cứu nghiên cứu đánh giá giá trị chẩn đoán	PLO5, PLO6, PLO7
CLO6	Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của chất lượng dữ liệu trong nghiên cứu, của các thống kê và phân tích trong các trường hợp phức tạp	PLO8

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- (- Nêu rõ: chiến lược lượng giá, phương pháp, công cụ, tiêu chí và thời điểm lượng giá;
- Công thức tính điểm tổng kết học phần theo quy chế đào tạo).

3.1. Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc.

a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh, học viên không được nghỉ quá 20% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành.
- Thời gian: Trong suốt quá trình học học phần
- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá chuyên cần.

b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: Lý thuyết và thực hành

+ Lý thuyết: MCQ, 50 câu / 60 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ (%)	Hiểu (%)	Áp dụng (%)	Phân tích (%)	Tổng (Số câu)
CLO1 (20%)		3	4	3	10

CLO2 (20%)		3	4	3	10
CLO3 (20%)		3	4	3	10
CLO4 (20%)		3	4	3	10
CLO5 (20%)		3	4	3	10
Tổng (số câu)		15	20	15	50

+ Thực hành: học viên thi thực hành trên máy tính, cấu trúc đề thi theo ma trận sau :

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (25%)	-	-	x	-
CLO3 (25%)	-	-	x	-
CLO4 (25%)	-	-	x	-
CLO5 (25%)	-	-	x	-
Tổng (100%)	-	-	4	-

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} \cdot 0,5 + \text{TH} \cdot 0,5) / 2$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Bài 1: Tổng quan thống kê nâng cao và phân tích số liệu - LLO1 : Vai trò của thống kê và phân tích số liệu trong nghiên cứu y sinh và chăm sóc sức khỏe - LLO2 : Tổng quan về các phương pháp thống kê nâng cao	3	0	12	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận
Bài 2: Hồi quy logistics và hồi quy tuyến tính đa biến - LLO1: Các vấn đề cơ bản trong các mô hình hồi quy - LLO2: Một số mô hình hồi quy logistics phức tạp - LLO3: Một số mô hình hồi quy tuyến tính đa biến	3	15	12	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận/thực hành
Bài 3: Phân tích sống còn - LLO1: Khái niệm về biến sống	3	15	12	CLO2, CLO3	Thuyết trình/ thảo luận/ thực

<p>còn, đường cong Kaplan-Meier, phân tích với biến số sống còn, kiểm định log-rank</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO2: Mô hình hồi quy Cox đơn biến và đa biến. - LLO3: Ước lượng cỡ mẫu cho nghiên cứu với biến số kết cục là biến sống còn 					hành
<p>Bài 4: Phân tích đo lường lặp lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Khái niệm về nghiên cứu đo lường lặp lại, kiểu dữ liệu và thống kê mô tả - LLO2: Các kiểm định thống kê sử dụng trong đo lường lặp lại - LLO3: Mô hình cho kết cục định lượng và định tính đo lường lặp lại - LLO4: Ước lượng cỡ mẫu trong nghiên cứu đo lường lặp lại 	3	15	12	CLO2, CLO4	Thuyết trình/ thảo luận/ thực hành
<p>Bài 5: Phân tích giá trị chẩn đoán</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Khái niệm và phương pháp tính độ nhạy, độ đặc hiệu, giá trị tiên đoán dương, âm, độ khả dĩ, độ chính xác của chẩn đoán - LLO2: Đường cong ROC và diện tích dưới đường cong ROC - LLO3: Phương pháp chọn điểm cắt của biến số chẩn đoán là biến số liên tục, phân tích nghiên cứu đánh giá giá trị chẩn đoán - LLO4: Ước lượng cỡ mẫu trong nghiên cứu đánh giá giá trị chẩn đoán 	3	15	12	CLO2, CLO5	Thuyết trình/ thảo luận/ thực hành
Tổng số	15	60	60		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

(Bắt buộc: Sách, Giáo trình do Khoa, Bộ môn biên soạn hoặc của cơ sở giáo dục khác được Nhà trường phê duyệt).

Tài liệu do Khoa biên soạn

5.2. Tài liệu tham khảo

(Chỉ đưa vào đề cương những tài liệu Nhà trường có thể mua được hoặc có ký kết quyền khai thác nguồn học liệu của các Nhà xuất bản/tổ chức).

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS.TS. Phạm Minh Khuê	Khoa YTCC, Trường ĐH Y Dược HP	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thanh Hải	Khoa YTCC, Trường ĐH Y Dược HP	nthanhhai@hpmu.edu.vn
3	TS. Chu Khắc Tân	Khoa YTCC, Trường ĐH Y Dược HP	cktan@hpmu.edu.vn
4	TS. Nguyễn Hải Tuấn	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	nguyenhaituan@gmail.com

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Phòng thực hành

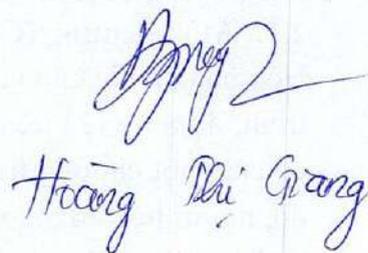
8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Minh Khuê

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

QUẢN LÝ, ĐÁNH GIÁ CÁC CHƯƠNG TRÌNH/ DỰ ÁN Y TẾ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Quản lý, đánh giá các chương trình/dự án y tế	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Tiến sĩ Y tế công cộng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: ntthao@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1	1	0	
Số tiết	45	15	30	0	30
Số buổi	9	3	6		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung (Course objective: CO)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về quản lý, đánh giá chương trình, dự án y tế; trên cơ sở đó người học có thể xác định được kết cấu nội dung cần có của một chương trình y tế, dự án y tế như: mục tiêu, chiến lược, chính sách... Từ đó, người học có thể xây dựng được kế hoạch đánh giá các chương trình y tế, dự án y tế đang thực hiện tại địa phương và có khả năng đề xuất các biện pháp phát huy và cải thiện các chương trình/dự án y tế đó.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân tích được vai trò, chức năng của quản lý chương trình/dự án y tế	PLO4: Giám sát và đánh giá việc triển khai các dịch vụ y tế, chương trình y tế, chính sách y tế và can thiệp y tế trong chăm sóc bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
CLO2	Phân tích được cơ cấu tổ chức của chương trình/dự án y tế	
CLO3	Phân tích được các nội dung cụ thể của quản lý chương trình/dự án y tế	
CLO4	Lập được kế hoạch giám sát chương trình/dự án y tế cụ thể	

CLO5	Xây dựng được quy trình quản lý, đánh giá hiệu quả của chương trình/dự án y tế cụ thể	
------	---	--

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá thực hành (LGTH)

* Hình thức: Lập kế hoạch giám sát/đánh giá một chương trình/dự án y tế cụ thể đang thực hiện tại địa phương/cơ quan công tác

* Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO4	-	-	x	-
CLO5	-	-	x	-
Tổng			100%	

- Tiêu chí đánh giá kế hoạch

Bảng Rubric lượng giá kế hoạch giám sát và đánh giá

CDR	Điểm	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71-100%)
Thế thức					
CLO5, CLO6	2	Trang bìa	Thiếu thông tin; layout không cân đối; sai chính tả; tên đề tài sai	Tất cả các thông tin được đưa ra và trình bày	Tất cả các thông tin được đã được đưa ra đầy đủ và trình bày cân đối
Nội dung					
CLO5, CLO6	10	Khái quát chung về chương trình/dự án	Không đưa ra	Có nhưng không đầy đủ rõ ràng	Có, đầy đủ rõ ràng
	40	Nội dung giám sát/đánh giá	Không có, hoặc lẻ tẻ, rời rạc	Đầy đủ, nhưng chưa cụ thể các nội dung, chưa logic	Đầy đủ nội dung, chi tiết cụ thể các vấn đề trong nội dung cần giám sát/đánh giá
	5	Người giám sát/đánh giá	Không có, hoặc ở mức độ sơ sài, không rõ ràng	Có; nhưng chưa chi tiết hóa được các yêu cầu về vai trò, nhiệm vụ	Có, đầy đủ, thể hiện chi tiết vai trò, nhiệm vụ của Giám sát viên/ người

					đánh giá
	10	Phương tiện giám sát/đánh giá	Không có, hoặc liệt kê thiếu, sơ sài	Có, liệt kê tương đối đầy đủ, nhưng chưa cụ thể chi tiết chính xác phương tiện	Có đầy đủ, liệt kê chính xác và thể hiện được chi tiết giá trị công cụ đó
	10	Phương pháp giám sát/đánh giá	Không thể hiện được phương pháp cho từng nội dung	Có, thể hiện được phương pháp cho từng nội dung	Có, đầy chủ và chi tiết hóa phương pháp và việc thực hiện phương pháp đó
	15	Quy trình	Không có/Sơ sài, không thực hiện được	Có, đầy đủ tuy nhiên chưa có tính logic trong quy trình	Có, đầy đủ các quy trình, logic rõ ràng cho từng bước, từng giai đoạn
Kết luận					
CLO5, CLO6	8	Kết luận	Không đề cập	Có kết luận, nhưng chưa rõ ràng	Kết luận rõ ràng về ưu nhược điểm cụ thể và đề xuất giải pháp

3.2. Lượng giá kết thúc (LGKT)

- Hình thức: Tự luận
- Thời gian thi: 90 phút
- Tổng số câu: 3 câu

Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO 1	-	1 câu	-	35%
CLO 2	-	1 câu	-	35%
CLO 3,4	-	1 câu	-	30%
Tổng		3 câu		100%

3.3. Công thức tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LGTH} * 0.5 + \text{LGKT} * 0.5.$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Bài	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
1	Tổng quan về quản lý dự án - Giới thiệu	3	0	6	CLO1, CLO2,	- Thuyết trình

	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và đặc điểm của dự án - Chu kỳ sống của dự án - Nhà quản lý dự án - Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả dự án 				CLO3, CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm
2	<ul style="list-style-type: none"> Cơ cấu tổ chức dự án/chương trình y tế - Các mô hình tổ chức chương trình/dự án y tế - Ban quản lý dự án 	2	5	4	CLO2, CLO3,	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm
3	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý tổng thể chương trình/dự án y tế - Giới thiệu - Phát triển văn kiện chương trình/dự án y tế - Phát triển kế hoạch quản lý dự án/chương trình y tế - Chỉ đạo và quản lý thực hiện dự án/chương trình y tế - Theo dõi và giám sát các hoạt động dự án/chương trình y tế - Quản lý sự thay đổi dự án/chương trình y tế - Kết thúc dự án/chương trình y tế 	3	5	6	CLO3, CLO4, CLO5	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
4	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý phạm vi dự án/chương trình y tế - Giới thiệu - Thu thập yêu cầu - Xác định phạm vi - Kiểm soát phạm vi 	2	5	4	CLO3, CLO4, CLO5	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
5	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý tiến độ chương trình/dự án y tế - Quản lý tiến độ - Xác định trình tự thực hiện công việc - Ước tính nguồn lực và thời gian thực hiện - Phát triển tiến độ 	3	5	6	CLO3, CLO4, CLO5	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm

	- Kiểm soát tiến độ - Theo dõi và phân tích tiến độ					
6	Quản lý chi phí dự án/chương trình y tế - Quản lý chi phí - Ước tính chi phí - Lập kế hoạch ngân sách dự án - Kiểm soát chi phí	2	5	4	CLO3, CLO4, CLO5	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
	Tổng	15	30	30		-

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu phát tay: Quản lý các chương trình/dự án y tế (dùng cho học viên nghiên cứu sinh Y tế công cộng)- Trường đại học Y Dược Hải Phòng 2023

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình quản lý dự án – Viện Công nghệ thông tin , Đại học Quốc gia Hà Nội. Tài liệu online: <http://voer.edu.vn/c/10d828a4>
2. Những nguyên tắc cơ bản về giám sát và đánh giá. Nina Frankel. Tài liệu online: https://www.measureevaluation.org/resources/publications/ms-07-20-vn/at_download/document

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY.

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS Hoàng Thị Giang	Khoa Y tế công cộng	htgiang@hpmu.edu.vn
2	PGS.TS Nguyễn Thị Thắm	Khoa Y tế công cộng	nttham@hpmu.edu.vn
3			

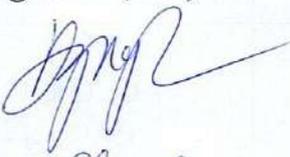
7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

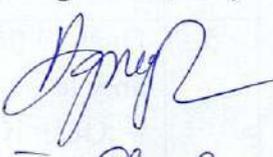
Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Giang

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Giang

CAN THIỆP HÀNH VI TRONG TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHOẺ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Can thiệp hành vi trong truyền thông giáo dục sức khỏe	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Tiến sĩ Y tế công cộng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: tttha@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1	1	0	
Số tiết	45	15	30	0	30
Số buổi	9	3	6		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung (Course objective: CO)

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về các chiến lược thực hiện nâng cao sức khỏe; nội dung của dự án TT-GDSK và nâng cao sức khỏe, trên cơ sở đó người học có thể xác định được kết cấu nội dung cần có của một chương trình can thiệp thay đổi hành vi sức khỏe và các kết quả từ chương trình can thiệp đó. Từ đó, người học có thể xây dựng được kế hoạch can thiệp hành vi bằng biện pháp TT-GDSK để giải quyết các vấn đề sức khỏe trong cộng đồng, có khả năng thực hiện được truyền thông phổ biến kết quả nghiên cứu đến các nhà chuyên môn, nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách, cộng đồng trong nước và quốc tế.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân tích được các mô hình thay đổi hành vi sức khỏe	PLO4: Giám sát và đánh giá việc triển khai các dịch vụ y tế, chương trình y tế, chính sách y tế và
CLO2	Phân tích được kết cấu nội dung của chương trình can thiệp thay đổi hành vi sức khỏe.	

CLO3	Lập được kế hoạch can thiệp hành vi để giải quyết một vấn đề sức khỏe cụ thể.	can thiệp y tế trong chăm sóc bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
CLO4	Các phương pháp đánh giá thay đổi hành vi và hiệu quả của truyền thông tích cực.	PLO6 : Thực hiện được truyền thông phổ biến kết quả nghiên cứu đến các nhà chuyên môn, nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách, cộng đồng trong nước và quốc tế.
CLO5	Lập kế hoạch truyền thông kết quả chương trình can thiệp hành vi.	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá thực hành (LGTH)

* Hình thức: Lập kế hoạch can thiệp hành vi và truyền thông kết quả chương trình can thiệp hành vi để giải quyết một vấn đề sức khỏe tại địa phương/ đơn vị.

* Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO3	-	-	x	-
CLO5	-	-	x	-
Tổng			100%	

- Tiêu chí đánh giá kế hoạch

Bảng Rubric lượng giá kế hoạch giám sát và đánh giá

CĐR	Điểm	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71-100%)
Thể thức					
CLO3, CLO5	5	Trang bìa	Thiếu thông tin; layout không cân đối; sai chính tả; tên đề tài sai	Tất cả các thông tin được đưa ra và trình bày	Tất cả các thông tin được đưa ra đầy đủ và trình bày cân đối
Nội dung					
CLO3, CLO5	10	Mục tiêu kế hoạch	Không đưa ra	Có nhưng không đầy đủ rõ ràng	Có, đầy đủ rõ ràng
	10	Xác định nguồn lực	Không đưa ra	Có nhưng không đầy đủ rõ ràng	Có, đầy đủ rõ ràng
	30	Nội dung các can	Không có	Đầy đủ, nhưng chưa cụ thể các nội	Đầy đủ nội dung

		thiệt		dung	
30	Xác định kết quả cần truyền thông	Không có, hoặc ở mức độ sơ sài, không rõ ràng	Có; nhưng chưa chi tiết	Có, đầy đủ.	
10	Liệt kê các hoạt động	Không có, hoặc liệt kê thiếu, sơ sài	Có, liệt kê tương đối đầy đủ, nhưng chưa cụ thể chi tiết chính xác phương tiện	Có đầy đủ, liệt kê chính xác và thể hiện được chi tiết giá trị công cụ đó	
5	Biện pháp truyền thông	Không có tính thực tế (khó thực hiện được)	Có thể thực hiện, tuy nhiên chưa thật sự phù hợp	Có tính thực tế, phù hợp, khả thi	

3.2. Lượng giá kết thúc (LGKT)

- Hình thức: Tự luận
- Thời gian thi: 90 phút
- Tổng số câu: 2 câu

Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO 1	-	1 câu	-	50%
CLO 2	-	1 câu	-	50%
Tổng		2 câu		100%

3.3. Công thức tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LGTH} * 0.5 + \text{LGKT} * 0.5$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Bài	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
1	Các mô hình thay đổi hành vi sức khỏe	3	0	6	CLO1	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
2	Truyền thông thay đổi hành vi và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả truyền thông thay đổi hành vi	3	6	6	CLO1, CLO2, CLO3,	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm

3	Các phương pháp đánh giá thay đổi hành vi	3	6	6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
4	Một số phương pháp nghiên cứu khoa học áp dụng trong truyền thông	3	6	6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
5	Những nghiên cứu về hiệu quả của truyền thông tích cực	3	12	6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
	Tổng	15	30	30		-

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.3. Tài liệu học tập

- Tài liệu phát tay: Can thiệp hành vi trong truyền thông giáo dục sức khỏe (dùng cho học viên nghiên cứu sinh Y tế công cộng)- Trường đại học Y Dược Hải Phòng 2023
- Sách chuyên khảo: Những yếu tố liên quan và dự phòng hen phế quản ở công nhân dệt, may (2023). Tác giả Trần Thị Thúy Hà, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, NXB Y học, 2023.

5.4. Tài liệu tham khảo

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY.

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. Trần Thị Thúy Hà	Khoa Y tế công cộng	tttha@hpmu.edu.vn
2	PGS.TS. Dương Thị Hương	Khoa Y tế công cộng	dthuong@hpmu.edu.vn
3			

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thuý Hoa

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hoàng Thị Giang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

MỤC LỤC

TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN.....	3
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	8
THỐNG KÊ Y SINH	17
DỊCH TỄ HỌC.....	26
GIÁO DỤC SỨC KHỎE – NÂNG CAO SỨC KHỎE	35
SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG	42
SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP	49
DINH DƯỠNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM.....	56
KINH TẾ Y TẾ VÀ BẢO HIỂM Y TẾ.....	61
QUẢN LÝ Y TẾ - CHÍNH SÁCH Y TẾ.....	68
DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH MỚI NỔI VÀ TÁI NỔI	75
QUẢN LÝ BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM	79
SỨC KHỎE LỬA TUỔI – SỨC KHỎE SINH SẢN – SỨC KHỎE TÂM THẦN.....	84
MỘT SỨC KHỎE.....	91
NGHIỆN CHẤT.....	96
Y TẾ BIÊN ĐẢO	101
DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN	107
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THÂM HỌA	112
TÂM SINH LÝ LAO ĐỘNG VÀ ÉC-GÔ-NÔ-MI	118

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Triết học	
Mã học phần: CHYTCC.MC.01	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input checked="" type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: - Bộ môn LLCT - GV phụ trách: TS.GVC Trịnh Thị Thủy.	
Email liên hệ: ttthuy@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0916626226	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	3	0	0	
Số tiết	45	45	0	0	90
Số buổi	09	09	0	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

- Học phần Triết học được bố trí giảng dạy – học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo sau đại học nhằm mục đích nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học và nghiên cứu sinh. Học phần bồi dưỡng tư duy triết học; định hướng người học xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học; củng cố cơ sở lý luận triết học trong đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Kế thừa được những kiến thức đã học ở trình độ đại học và phát triển sâu thêm những nội dung cơ bản trong Lịch sử triết học và trong Triết học Mác – Lênin.	PLO2
CLO2	Giải thích được vai trò TGQ, phương pháp luận	PLO2

	của triết học và mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lênin và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ hiện đại, với những vấn đề do thời đại và đất nước ta đặt ra.	
CLO3	Phân tích được các nội dung của Triết học Mác – Lênin ảnh hưởng đến các lĩnh vực đời sống của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	PLO2
CLO4	Vận dụng được thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong quá trình phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành nghiên cứu, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.	PLO2

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

a. Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module....

b. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Tiểu luận
- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

c. Lượng giá cuối kỳ

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} * 0.1 + \text{LTGK} * 0.2 + \text{LTKT} * 0.7.$$

- Hình thức: + Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc.

Mục tiêu	Nhớ: (20%)	Hiểu: (30%)	Áp dụng: (20%)	Phân tích: (30%)	Đánh giá (...%)	Sáng tạo (...%)	Tổng (%)
CLO1 (20%)	1						20
CLO2 (40%)		1					40
CLO3 (20%)				1			20
CLO4 (20%)			1				20
Tổng							100

+ Thực hành: Không

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			CDR HP (CLO)	PP dạy học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
<p>Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC</p> <p>I. Triết học là gì?</p> <p>II. Triết học phương Đông</p> <p>III. Triết học phương Tây hiện đại</p> <p>IV. Tư tưởng Triết học Việt Nam</p>	15	0	30	<p>CLO1:</p> <p>CLO4:</p> <p>CLO5:</p>	<p>- Phương pháp thuyết trình</p> <p>- Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..</p>
<p>CHƯƠNG 2. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN</p> <p>I. Sự ra đời triết học Mác – Lênin</p> <p>II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>IV. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay</p>	15	0	30	<p>CLO2:</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4:</p> <p>CLO5:</p>	<p>- Phương pháp thuyết trình</p> <p>- Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..</p>
<p>CHƯƠNG 3. MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC</p> <p>I. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học</p> <p>II. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học</p>	10	0	20	<p>CLO2:</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4:</p> <p>CLO5:</p>	<p>- Phương pháp thuyết trình</p> <p>- Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..</p>
<p>CHƯƠNG 4. VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</p> <p>I. Ý thức khoa học</p> <p>II. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</p>	5	0	10	<p>CLO2:</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4:</p> <p>CLO5:</p>	<p>- Phương pháp thuyết trình</p> <p>- Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại,</p>

III. Khoa học công nghệ ở Việt Nam					xêmina,..
------------------------------------	--	--	--	--	-----------

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1]. Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho đào tạo trình độ Ths, TS các ngành KHXH-NV không chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản ĐHSP, 2020.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. C.MÁC và PH. ĂNG-GHEN Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản LLCT, 2007

[3]. Một số tạp chí chuyên ngành và một số trang web:

<http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi>

<http://www.tapchidangcongsan.org.vn>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, giảng đường, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác.

- Phòng thực hành/thí nghiệm

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Trịnh Thị Thủy

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHỤ LỤC**1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.GVC Trịnh Thị Thủy	BM LLCT	ttthuy@hpmu.edu.vn
2	Th.s Lại Thị Mai	BM LLCT	ltmai@hpmu.edu.vn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học	
Mã học phần: CHYTCC.MC.02	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input checked="" type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Trung tâm Giáo dục Y học-Nghiên cứu khoa học	
Email liên hệ: giaoducyhoc@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1	1	0	
Số tiết	45	15	30	0	45
Số buổi	11	4	7		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Dịch tễ học, Xác suất thống kê, Tin học ứng dụng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung (Course objective: CO)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh, trên cơ sở đó người học có thể thực hiện được các bước xây dựng và hoàn thiện một đề cương nghiên cứu, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, đối tượng, biến số nghiên cứu; cách viết tổng quan tài liệu, trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, viết và trình bày đề cương nghiên cứu.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Vận dụng được tiêu chí FINER, SMART và các khái niệm cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học để lựa chọn được chủ đề, viết mục tiêu và thiết kế nghiên cứu phù hợp.	PLO10
CLO2	Vận dụng được khái niệm về biến số/chi số nghiên cứu, mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để tính được cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu cụ thể và thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp	PLO10
CLO3	Lựa chọn được tài liệu tham khảo trích dẫn phù hợp	PLO10

CLO4	Vận dụng được các khái niệm về sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu để đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp	PLO10
CLO5	Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một phương pháp thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể	PLO10
CLO6	Vận dụng được nguyên tắc sử dụng bảng và biểu đồ để thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả nghiên cứu	PLO10
CLO7	Viết được đề cương nghiên cứu khoa học	PLO10
CLO8	Sử dụng được một số phần mềm hỗ trợ nghiên cứu (bao gồm phần mềm thống kê, phần mềm quản lý tài liệu tham khảo, hệ thống tra cứu tài liệu)	PLO10
CLO9	Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu	PLO15

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá thực hành (LGTH)

* Hình thức: Viết đề cương

Hạn nộp đề cương: 2 tuần sau khi kết thúc học lý thuyết

* Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO1	-	-	x	-
CLO2	-	-	x	-
CLO3	-	-	x	-
CLO4	-	-	x	-
CLO 5	-	-	x	-
CLO 6	-	-	x	-
CLO 7	-	-	x	-
CLO 8	-	-	x	-
CLO 9	-	-	x	-
Tổng			100%	

- Tiêu chí đánh giá đề cương: Rubric

Bảng Rubric lượng giá đề cương

CĐR	Điểm	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
Thể thức					
CLO7	2	Trang bìa; phụ bìa	Thiếu thông tin; layout không cân	Tất cả các thông tin được đưa ra và trình bày	Tất cả các thông tin được đã được đưa đưa ra đầy đủ

			đôi; sai chính tả; tên đề tài sai		và trình bày cân đối
	1	Danh mục từ viết tắt	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Mục lục	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Danh mục hình/bảng	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	5	Font chữ; cỡ chữ; căn lề	Không theo yêu cầu	Không đồng nhất	Tuân thủ yêu cầu trình bày
Đặt vấn đề (1-1,5 trang)					
CLO1, CLO7, CLO8	2	Khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Không đưa ra khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Đã trình bày một số khái niệm quan trọng trong nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ/rõ ràng	Tất cả các khái niệm cơ bản quan trọng liên quan đến vấn đề nghiên cứu được định nghĩa và trình bày rõ ràng
	8	Lý do chọn lựa vấn đề nghiên cứu	Không có phần giới thiệu về vấn đề nghiên cứu (các số liệu thể hiện tính cấp bách)	Thiếu các yêu cầu của giới thiệu vấn đề nghiên cứu: các số liệu thể hiện tính cấp bách; tính mới; tính ứng dụng...	Có đầy đủ nội dung yêu cầu giới thiệu vấn đề nghiên cứu; trình bày được tầm quan trọng; cơ sở lý luận và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu
	3	Câu hỏi nghiên cứu	Không có câu hỏi nghiên cứu	Có; nhưng không rõ ràng cụ thể.	Câu hỏi nghiên cứu được trình bày rõ ràng.
	7	Mục tiêu nghiên cứu	Không có mục tiêu nghiên cứu; hoặc mục tiêu nghiên cứu không không bắt đầu bằng động từ nghiên cứu	Có mục tiêu nghiên cứu; mục tiêu được viết bằng động từ nhưng chưa rõ ràng; không trả lời được câu hỏi nghiên cứu; chưa thể hiện rõ tiêu chí SMART	Mục đích của nghiên cứu được trình bày rõ ràng; phù hợp câu hỏi nghiên cứu; sử dụng các động từ hợp lý theo tiêu chí SMART

Tổng quan tài liệu (5-10 trang)					
CLO3, CLO7, CLO8	10	Các khái niệm về vấn đề được nghiên cứu	Không đề cập các khái niệm liên quan vấn đề được nghiên cứu	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập chi tiết; rõ ràng và có sắp xếp hợp lý
	15	Tham khảo bằng chứng nghiên cứu trước đây có liên quan	Mỗi đoạn văn tóm tắt kết quả của một nghiên cứu mà không có đánh giá, tích hợp hoặc tổng hợp.	Tài liệu liên quan bao gồm các bằng chứng thực nghiệm và lý thuyết cần thiết để hỗ trợ giả thuyết được mô tả.	Các kết quả của nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết trước đó được tích hợp, đánh giá và tổng hợp để làm rõ luận điểm về giả thuyết nghiên cứu
	5	Trích dẫn tài liệu tham khảo	Không có trích dẫn	Trích dẫn chưa đầy đủ/chính xác nguồn thông tin tham khảo; trích dẫn nguồn thông tin không có giá trị	Trích dẫn đầy đủ chính xác và có giá trị nguồn thông tin tham khảo

Phương pháp nghiên cứu (5-10 trang)					
CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.	3	Đối tượng NC	Không xác định được đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC nhưng chưa trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC; trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC
	2	Địa điểm NC	Không có/Không chính xác	Có địa điểm NC	Xác định cụ thể và giới thiệu về địa điểm NC
	2	Thời gian NC	Không có	Có nhưng không chính xác	Cỡ; rõ ràng; chính xác
	3	Thiết kế nghiên cứu	Không có	Không phù hợp với mục tiêu nghiên cứu	Xác định thiết kế phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	10	Cỡ mẫu- chọn mẫu	Không có	Có; nhưng chưa phù hợp với NC	Có; phù hợp với mục tiêu NC

	10	Biến số- Chỉ số nghiên cứu	Không có	Có; không đầy đủ; rõ ràng; không giải thích được khái niệm của biến số; chưa phù hợp với mục tiêu	Có; đầy đủ; rõ ràng; giải thích được khái niệm của biến số, phù hợp với mục tiêu
	10	Phương pháp thu thập thông tin	Không có bộ công cụ; Không xây dựng các bước thu thập thông tin	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin; nhưng chưa đầy đủ/hợp lý	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	3	Sai số NC	Không có/Xác định sai	Trình bày được các sai số có thể có của nghiên cứu	Trình bày được đủ/rõ ràng các sai số có thể có của nghiên cứu và cách khống chế sai số
	5	Xử lý- Phân tích số liệu	Không trình bày cách quản lý số liệu; Không có/Sai test thống kê	Trình bày được các bước quản lý; làm sạch số liệu; xác định được test thống kê sử dụng cho nghiên cứu	Trình bày được đầy đủ/rõ ràng các bước nhập liệu; làm sạch số liệu; quản lý số liệu và xác định chính xác test thống kê phù hợp với nghiên cứu
	5	Đạo đức nghiên cứu	Không trình bày	Liệt kê được các vấn đề đạo đức liên quan cần chú ý	Trình bày được đầy đủ các nội dung liên quan đến đạo đức nghiên cứu cần thiết
Dự kiến kết quả; bàn luận; khuyến nghị					
CLO6, CLO7, CLO8	15	Kết quả nghiên cứu	Không trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả NC theo	Trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả nghiên cứu theo mục tiêu; nhưng sơ sài và	Thiết kế được các bảng/hình dự kiến kết quả nghiên cứu phù hợp với mục tiêu

			mục tiêu	chưa phù hợp	
CLO7	2	Bàn luận; khuyến nghị	Không có	Có; không thể hiện được bàn luận và dự kiến khuyến nghị theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu	Trình bày dự kiến bàn luận và dự kiến khuyến nghị đầy đủ rõ ràng theo mục tiêu và kết quả NC
Lập kế hoạch nghiên cứu					
CLO7	5	Kế hoạch nghiên cứu	Không xác định được kế hoạch tiến hành nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được rõ ràng nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu; Thiết kế được biểu đồ GANTT thể hiện kế hoạch NC
Tài liệu tham khảo					
CLO7, CLO8, CLO9	5	Tài liệu tham khảo	Không có danh mục tài liệu tham khảo	Có danh mục tài liệu tham khảo nhưng chưa đầy đủ	Có danh mục đầy đủ tài liệu tham khảo và trích dẫn đúng yêu cầu

3.2. Lượng giá kết thúc (LGKT)

- Hình thức: MCQ
 - Thời gian thi: 40 phút
 - Tổng số câu: 30 câu
- Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO1	-	-	6 câu	20%
CLO2	-	-	6 câu	20%
CLO4	-	-	5 câu	16%
CLO 5	-	-	5 câu	17%
CLO 6	-	-	5 câu	17%
CLO 9	-	-	3 câu	10%
Tổng			30 câu	100%

3.3. Công thức tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LGTH} * 0.5 + \text{LGKT} * 0.5.$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Bài	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
1	<p>Chủ đề, mục tiêu nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Áp dụng các tiêu chí cơ bản của một vấn đề sức khỏe ưu tiên để lựa chọn được chủ đề nghiên cứu. - LLO1: Áp dụng tiêu chí FINER để lựa chọn được vấn đề nghiên cứu phù hợp. - LLO2: Áp dụng được tiêu chí SMART để viết được mục tiêu cho một nghiên cứu cụ thể 	1	4	4	CLO1, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
2	<p>Tổng quan tài liệu trong nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Lựa chọn được vấn đề trích dẫn phù hợp cho nghiên cứu - LLO2: Sử dụng được cơ bản phần mềm quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo 	1	4	4	CLO1, CLO3, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
3	<p>Thiết kế nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học để lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp 	2	4	6	CLO1, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
4	<p>Mẫu và cỡ mẫu nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về cỡ mẫu để tính toán được cỡ mẫu cần thiết cho một NC cụ thể - LLO2: Xác định được phương pháp chọn mẫu thích hợp cho NC cụ thể 	1	2	3	CLO2, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
5	<p>Thiết kế công cụ thu thập thông tin</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Phân loại được các biến số nghiên cứu theo bản chất của biến số 	1	3	3	CLO2, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm

	- LLO2: Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp					- Báo cáo bài tập nhóm
6	Sai số và nhiễu Mục tiêu: - LLO1: Xác định được sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu - LLO2: Đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp cho nghiên cứu - LLO2: Xác định được nhiễu và đề xuất được phương pháp khống chế nhiễu trong NC	1	2	3	CLO4, CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
7	Nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu Mục tiêu: - LLO1: Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một test kiểm định thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể.	2	4	6	CLO5, CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
8	Đạo đức trong nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Phân tích được những vấn đề đạo đức cơ bản trong các nghiên cứu y sinh học - LLO2: Ý thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành các nghiên cứu y sinh học	2	0	4	CLO1 0	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
9	Trình bày kết quả nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả NC.	1	2	3	CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
10	Lập kế hoạch nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Lập được kế hoạch nghiên cứu cho một nghiên cứu cụ thể	1	4	4	CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm

11	<p>Cách viết đề cương nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Xác định được các nội dung cần thiết trong một đề cương nghiên cứu - LLO2: Viết được đề cương nghiên cứu cụ thể 	1	4	4	<p>CLO7, CLO8, CLO9</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
----	--	---	---	---	---------------------------------	--

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- [1] Lưu Ngọc Hoạt (2017). Nghiên cứu khoa học, Tập 1, Phương pháp viết đề cương nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- [2] Lưu Ngọc Hoạt (2017). Nghiên cứu khoa học, Tập 2, Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thy Khuê (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản dành cho bác sĩ lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, TP Hồ Chí Minh
- [2] Peter Manson, Pamela Wright, Lưu Ngọc Hoạt (2017). *Viết và xuất bản bài báo khoa học quốc tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY.

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS. TS. Phạm Minh Khuê	Khoa Y tế công cộng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Phạm Văn Hán	Khoa Y tế công cộng	pvhhan@hpmu.edu.vn
3	PGS. Dương Thị Hương	Khoa Y tế công cộng	dthuong@hpmu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thu Thảo	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH-NCKH	ntthao@hpmu.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thanh Hải	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH-NCKH	nthanhhai@hpmu.edu.vn
4	TS. Phạm Thanh Hải	Khoa Răng Hàm Mặt Trung tâm GDYH-NCKH	pthai@hpmu.edu.vn
5	PGS.TS. Hoàng Đức Hạ	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh Trung tâm GDYH-NCKH	hdha@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

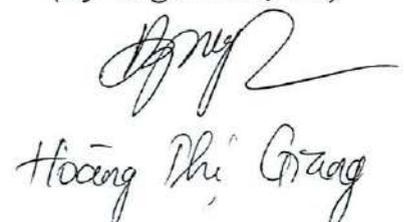
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Bình

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

THỐNG KÊ Y SINH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Thống kê Y sinh	
Mã học phần: CHYTCC.CSHT.03	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Nhóm Thống kê Y sinh - Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: nthanhhai@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0913 513 654	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	2	0	
Số tiết	75	15	60	0	60
Số buổi	15	3	12	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

(Mô tả vị trí của học phần đối với chương trình đào tạo, những nội dung chính yếu của học phần).

Thống kê y sinh là một môn khoa học ứng dụng. Ứng dụng của nó có thể từ sinh học phân tử, sinh lý học, giải phẫu, tế bào học đến nghiên cứu lâm sàng và sức khỏe cộng đồng và từ đó cung cấp bằng chứng cho thực hành y khoa. Thống kê do đó ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thực hành y khoa và là phần không thể thiếu trong nghiên cứu y học. Cùng với xu hướng phát triển ngày càng phức tạp của thống kê và sự chú trọng vào “y học dựa vào bằng chứng”, chất lượng thống kê ứng dụng trong các nghiên cứu y học ngày càng được quan tâm.

Môn học này sẽ cung cấp cho học viên những cơ sở thiết yếu để hiểu và ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực. Điểm chính của môn học này là phát triển kỹ năng thống kê thực hành. Học viên sẽ được học cách phân tích số liệu bằng phần mềm Stata cũng như cách phiên giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.

- Các khái niệm then chốt (nếu có) *(các khái niệm chính yếu, then chốt bắt buộc sinh viên phải nhớ sau khi học xong module/học phần)*

- Quản lý và xử lý số liệu
 - Thống kê mô tả
 - Thống kê suy luận
 - Ước lượng điểm, ước lượng khoảng
 - Độ tin cậy của một nghiên cứu
 - Khoảng tin cậy
 - Ngưỡng ý nghĩa thống kê α
 - Giá trị p
 - Kiểm định giả thuyết thống kê
 - Nhiều
 - Cỡ mẫu
- Sơ đồ khái niệm then chốt (nếu có)

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân biệt được các loại thiết kế nghiên cứu định lượng cơ bản (các loại nghiên cứu quan sát, thực nghiệm)	PLO6: Thiết kế và thực hiện được một số nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực Y tế công cộng
CLO2	Mô tả được quá trình chuẩn bị bộ số liệu, các nguyên tắc mã hoá số liệu	
CLO3	Giải thích được các loại hình thống kê mô tả thích hợp với các loại biến số, lập luận được lý do lựa chọn các thống kê mô tả phù hợp.	
CLO4	Giải thích được lý do cơ bản của việc dùng các phép tính toán của mỗi kiểm định thống kê suy luận.	
CLO5	Phân biệt được nhiễu và việc sai lệch kết quả khi có nhiễu.	
CLO6	Mô tả được cách tiếp cận thông thường để tính cỡ mẫu cần thiết cho một câu hỏi nghiên cứu.	
CLO7	Xây dựng được kế hoạch chuẩn bị bộ số liệu, làm sạch và quản lý số liệu trên phần mềm máy	

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
	tính	
CLO8	Tính toán và vẽ biểu đồ thị được các thống kê mô tả qua sử dụng phần mềm thống kê.	
CLO9	Chọn được kiểm định thống kê phù hợp để so sánh các kiểu dữ liệu khác nhau và phiên giải được các kết quả phân tích số liệu cho mỗi loại kiểm định	
CLO10	Thực hiện được việc phân tích phân tầng và xây dựng mô hình đa biến đơn giản cho khứ nhiều.	
CLO11	Thực hiện được tính cỡ mẫu cho một đề cương hoặc báo cáo nghiên cứu.	
CLO12	Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của thống kê trong nghiên cứu y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	PLO9: Nhận thức được vị trí, vai trò của người bác sĩ chuyên khoa cấp I Y tế công cộng trong thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học và trong chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân
CLO13	Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật thống kê y sinh để đảm bảo tính giá trị của những thông tin y học.	PLO6: Thiết kế và thực hiện được một số nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực Y tế công cộng PLO9: Nhận thức được vị trí, vai trò của người bác sĩ chuyên khoa cấp I Y tế công cộng trong thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học và trong chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- (- Nêu rõ: chiến lược lượng giá, phương pháp, công cụ, tiêu chí và thời điểm lượng giá;
- Công thức tính điểm tổng kết học phần theo quy chế đào tạo).

3.1. Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc.

a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh, học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành.

- Thời gian: Trong suốt quá trình học học phần
- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá chuyên cần.

b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: Lý thuyết và thực hành
- + Lý thuyết: MCQ, 30 câu / 40 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Tổng (Số câu)
CLO1 (120%)	4	2	0		6
CLO2 (13,33%)	1	1	2		4
CLO3 (20%)	2	2	2		6
CLO4 (16,67%)	1	2	2		5
CLO5 (16,67%)	1	2	2		5
CLO6 (13,33%)	1	1	2		4
Tổng (số câu)	10	10	10	0	30

+ Thực hành: học viên thi thực hành trên máy tính, 60 phút, cấu trúc đề thi theo ma trận sau :

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CĐRHP7 (20%)	-	-	x	-
CĐRHP8 (20%)	-	-	x	-
CĐRHP9 (25%)	-	-	x	-
CĐRHP10 (25%)	-	-	x	-
CĐRHP11 (10%)	-	-	x	-
Tổng (100%)	-	-	5	-

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm (*quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm*):

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \times 0.5 + \text{LTCK} \times 0.5$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Thống kê và vai trò trong nghiên cứu và thực hành y sinh	2	0	4	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 2: Sơ lược các phương pháp nghiên cứu định lượng	1	0	2	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 3: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng	2	0	4	CLO6	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 4: Quản lý số liệu bằng stata	2	0	4	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 5: Phân tích thống kê mô tả	2	0	4	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 6: Phân tích thống kê suy luận	4	0	8	CLO4	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 7: Nhiều và không chế nhiều	2	0	4	CLO5	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Tổng	15	0	30		

4.2. Thực hành

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cỡ mẫu dựa trên ước lượng đo lường vấn đề nghiên cứu với độ chính xác nhất định	0	5	2,5	CLO11	Quan sát/Thực hành
Bài 2: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cỡ mẫu cho một số nghiên cứu dựa trên kiểm định giả thuyết hoặc chứng minh sự khác biệt có ý nghĩa	0	5	2,5	CLO11	Quan sát/Thực hành
Bài 3: Quản lý số liệu	0	10	5	CLO7	Quan sát/Thực hành

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 4: Phân tích thống kê mô tả- Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định lượng trong STATA	0	2,5	1,75	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 5: Phân tích thống kê mô tả- Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định tính trong STATA	0	2,5	1,75	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 6: Phân tích thống kê mô tả- Vẽ đồ thị thống kê mô tả trong STATA	0	2,5	1,75	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 7: Phân tích thống kê mô tả- Trình bày kết quả phân tích thống kê mô tả	0	2,5	1,75	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 8: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả các kiểm định trung bình	0	5	2,5	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 9: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả các kiểm định tỷ lệ	0	5	2,5	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 10: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy logistic nhị phân	0	5	2,5	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 11: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy đa biến	0	5	2,5	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 12: Nhiều và không chế nhiều: Lập bảng 2x2 thô, xác định yếu tố nhiều tiềm ẩn và phân tầng theo yếu tố nhiều	0	5	2,5	CLO10	Quan sát/Thực hành
Bài 13: Nhiều và không chế nhiều: Các tính toán hiệu chỉnh và phiên giải.	0	5	2,5	CLO10	Quan sát/Thực hành
Tổng	0	60	30		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.3. Tài liệu học tập

[1]. Phạm Minh Khuê (2021). Giáo trình thống kê y sinh ứng dụng, NXB Y học, Hà Nội.

5.4. Tài liệu tham khảo

[1]. Phạm Việt Cường (2004). Thống kê Y tế công cộng, Phần II – Phân tích số liệu định lượng, NXB Y học, Hà Nội.

[2] Statistics and data analytics for health data management / Nadinia Davis. - 1st edition. - Missouri : Elsevier, 2017. - 247p

[3] Toán học và thống kê trong khoa học y tế (Mathematics and statistics in the Health Sciences). Tuyển tập các chủ đề cơ bản về Y tế cộng đồng. Nhóm biên soạn: Klaus Krickeberg, Phan Vũ Diễm Hằng, Nguyễn Văn Sơn, 2017.

[4] Nguyễn Văn Tuấn (2019). Y học thực chứng (Evidence – Based Medicine). Nhà xuất bản Tổng hợp TP HCM, 2019.

Công trình NCKH đã công bố có liên quan:

[1] Thanh Hai Nguyen, Duc Luan Hoang, Thi Giang Hoang, Minh Khue Pham, Julie Bodin, Jean Dominique Dewitte, Yves Roquelaure, "Prevalence and Characteristics of Multisite Musculoskeletal Symptoms among District Hospital Nurses in Haiphong, Vietnam", BioMed Research International, vol. 2020, Article ID 3254605, 11 pages, 2020. <https://doi.org/10.1155/2020/3254605>

[2] Nguyen TH, Hoang DL, Hoang TG, et al. Quality of life among district hospital nurses with multisite musculoskeletal symptoms in Vietnam. J Occup Health. 2020;62:e12161. <https://doi.org/10.1002/1348-9585.12161>.

[3] Thi Tham Nguyen, Thanh Hai Nguyen, Duc Luan Hoang, Thi Giang Hoang, Minh Khue Pham, "Effectiveness of Interventions to Prevent Musculoskeletal Disorders among District Hospital Nurses in Vietnam", BioMed Research International, vol. 2022, Article ID 1539063, 10 pages, 2022. <https://doi.org/10.1155/2022/1539063>

[4] Hoang Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Pham Thu Xanh, et al., "Musculoskeletal Disorders: Prevalence and Associated Factors among District Hospital Nurses in Haiphong, Vietnam," BioMed Research International, vol. 2018, Article ID 3162564, 9 pages, 2018. <https://doi.org/10.1155/2018/3162564>

[5] Hoand Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Nguyen Thuy Ngan, Pham Thanh Hai, Pham Minh Khue (2019). "Prevalence of musculoskeletal disorders and its impact on quality of life among district hospitals nurses in Hai Phong, Vietnam", Journal of Preventive Medicine, Volume XXIX, No 9 (35). (Article in Vietnamese).

[6] Hoand Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Nguyen Thi Ha Thu, Pham Thanh Hai, Pham Minh Khue (2019). "Current situation and related factors of musculoskeletal disorders among nurses at 7 district hospitals in Hai Phong, 2019", Journal of Preventive Medicine, Volume XXIX, No 9 (27). (Article in Vietnamese).

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường, phấn, bảng, bút viết bảng...
- Phòng thực hành (phòng máy tính)

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

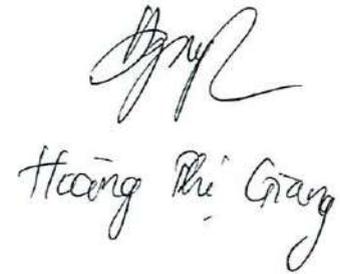
(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Hải Khuê

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS.TS Phạm Minh Khuê	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	TS Hoàng Thị Giang	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	hoanggiang0708@gmail.com
3	TS Nguyễn Thanh Hải	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	nthanhhai@hpmu.edu.vn
4	TS Nguyễn Hải Tuấn	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	nguyenhaituan@gmail.com

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Quang Đức	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	Trợ giảng thực hành
2	ThS. Nguyễn Thanh Bình	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	Trợ giảng thực hành

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DỊCH TỄ HỌC**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Dịch tễ học	
Mã học phần: CHYTCC.CSHT.04	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Dịch tễ học	
Email liên hệ: chukhactan@gmail.com	
Điện thoại liên hệ: 0902086658	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	-	-
Số tiết	60	30	30		75
Số buổi	16	8	8	-	-

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Sau khi học xong học phần này học viên có khả năng: Áp dụng cách tiếp cận, các nguyên lý về dịch tễ học, các phương pháp nghiên cứu sức khỏe trong việc: đo lường mắc bệnh, tử vong, các chỉ số sức khỏe cơ bản, yếu tố nguy cơ, mối liên quan giữa các yếu tố nguy cơ và các vấn đề sức khỏe, bệnh, dịch bệnh; giải thích nguyên tắc và dự phòng các cấp, chiến lược dự phòng mức cá nhân, tiếp cận dự phòng dựa vào cộng đồng và tiếp cận dựa vào yếu tố nguy cơ cao trong phòng ngừa và nâng cao sức khỏe; đánh giá hiệu quả của các can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học; chẩn đoán, ra quyết định xử trí và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào bằng chứng.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Giải thích được các khái niệm, mục tiêu, vai trò và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học trong chăm sóc sức khỏe	PLO2
CLO2	Vận dụng cách tiếp cận, các nguyên lý về dịch tễ học, các phương pháp nghiên cứu sức khỏe trong việc: tính số đo mắc bệnh, tử vong, các chỉ số sức khỏe cơ bản (các loại tỉ	PLO2, PLO7

	lệ hiện mắc, mới mắc, tử vong. . .)	
CLO3	Vận dụng các nguyên lý và phương pháp nghiên cứu dịch tễ học để đánh giá sự phù hợp của một thiết kế nghiên cứu đối với một giả thuyết kiểm định mối quan hệ nhân quả trong các trường hợp cụ thể	PLO2, PLO7
CLO4	Giải thích được vai trò của các nguyên lý dịch tễ học, phương pháp nghiên cứu dịch tễ học trong chẩn đoán, ra quyết định xử trí và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào bằng chứng	PLO2
CLO5	Giải thích được vai trò của các nguyên lý dịch tễ học, phương pháp nghiên cứu dịch tễ học trong đánh giá hiệu quả các can thiệp y tế dựa trên bằng chứng	PLO2
CLO6	Vận dụng nguyên lý dịch tễ học, nguyên tắc và dự phòng các cấp, các cách tiếp cận dự phòng, để đề xuất chiến lược dự phòng và nâng cao sức khỏe	PLO2
CLO7	Tính toán được các số đo mắc bệnh và tử vong trong tình huống cụ thể	PLO2
CLO8	Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp để trả lời những câu hỏi cụ thể liên quan đến nguyên nhân gây bệnh, lịch sử tự nhiên, chẩn đoán, phòng bệnh và đánh giá phương pháp điều trị và các can thiệp khác để phòng và kiểm soát bệnh	PLO2, PLO7
CLO9	Phiên giải kết quả trong nghiên cứu cụ thể.	PLO2
CLO10	Thực hiện được tính toán cỡ mẫu, chọn mẫu trong một tình huống cụ thể.	PLO2, PLO7
CLO11	Trình bày các dữ kiện dịch tễ học trong tình huống cụ thể	PLO2

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1 Lượng giá học phần gồm:

a. Lượng giá thực hành

- Hình thức: Bài luận giải quyết tình huống
- Thời gian: Sau khi kết thúc học phần thực hành
- Chiến lược lượng giá thực hành:

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO7: Tính toán được các số đo mắc bệnh và tử vong trong tình huống cụ thể. (20%)	-	-	x	-
CLO8: Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp để trả lời những câu hỏi cụ thể liên quan đến nguyên nhân gây	-	-	x	-

bệnh, lịch sử tự nhiên, chẩn đoán, phòng bệnh và đánh giá phương pháp điều trị và các can thiệp khác để phòng và kiểm soát bệnh (20%)				
CLO9: Phân giải kết quả trong nghiên cứu cụ thể (20%)	-	-	x	-
CLO10: Thực hiện được tính toán cỡ mẫu, chọn mẫu trong một tình huống cụ thể (20%)	-	-	x	-
CLO11: Trình bày các dữ kiện dịch tễ học trong tình huống cụ thể (20%)	-	-	x	-
Tổng	-	-	100%	-

b. Lượng giá lý thuyết cuối kỳ

- Hình thức: Trắc nghiệm MCQ

- Thời gian: Sau khi kết thúc toàn bộ học phần, sinh viên đạt phần thi thực hành

- Chiến lược lượng giá lý thuyết cuối kỳ:

Ma trận cấu trúc đề thi

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO1: Giải thích được các khái niệm, mục tiêu, vai trò và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học trong chăm sóc sức khỏe	0	5% (3 câu)	0	10% (3 câu)
CLO 2: Vận dụng cách tiếp cận, các nguyên lý về dịch tễ học, các phương pháp nghiên cứu sức khỏe trong việc: tính số đo mắc bệnh, tử vong, các chỉ số sức khỏe cơ bản (các loại tỉ lệ hiện mắc, mới mắc, tử vong. . .)	0	0	10% (2 câu)	5% (2 câu)
CLO 3: Vận dụng các các nguyên lý và phương pháp nghiên cứu dịch tễ học để đánh giá sự phù hợp của một thiết kế nghiên cứu đối với một giả thuyết kiểm định mối quan hệ nhân quả trong các trường hợp cụ thể	0	0	30% (8 câu)	30% (8 câu)
CLO 4: Giải thích được vai trò của các nguyên lý dịch tễ học, phương pháp nghiên cứu dịch tễ học trong chẩn đoán, ra quyết định xử trí và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào bằng chứng	0	25% (7 câu)	0	25% (7 câu)
CLO 5: Giải thích được vai trò của các nguyên lý dịch tễ học, phương pháp nghiên cứu dịch tễ học trong đánh giá hiệu quả các can thiệp y tế dựa trên bằng chứng	0	15% (5 câu)	0	15% (5 câu)

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO 6: Vận dụng nguyên lý dịch tễ học, nguyên tắc và dự phòng các cấp, các cách tiếp cận dự phòng, đề đề xuất chiến lược dự phòng và nâng cao sức khỏe	0	0	15% (5 câu)	15% (5 câu)
Tổng (30 câu, 40 phút)	0	50% (15 câu)	50% (15 câu)	100% (30 câu)

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \times 0,4 + \text{LTCK} \times 0,6$$

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 5,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 5,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	TH	Tự học		
1	Bài 1: Đại cương về dịch tễ học Mục tiêu bài học: LLO1. Giải thích được các khái niệm, mục tiêu, vai trò của dịch tễ học LLO2. Giải thích được các nguyên lý của dịch tễ học trong chăm sóc sức khỏe	1		2	CLO1	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
2	Bài 2: Số đo mắc bệnh và tử vong Mục tiêu bài học: LLO1. Phân tích được ý nghĩa và ứng dụng của các số đo mắc bệnh, tử vong và các chỉ số sức khỏe cơ bản LLO2. Giải thích được mối liên quan giữa tỷ suất hiện mắc và tỷ suất mới mắc. LLO3. Tính được các số đo mắc bệnh; tử vong và chỉ số sức khỏe cơ bản trong tình huống cụ thể	1	4	4	CLO2; CLO7	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
3	Bài 3: Các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học Mục tiêu bài học: LLO1. Phân loại các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học LLO2. Giải thích được giá trị bằng chứng của các thiết kế nghiên cứu	2		4	CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	TH	Tự học		
	LLO3. Phân tích được các tiêu chuẩn chọn lựa loại nghiên cứu thích hợp. LLO4. Giải thích được các yêu cầu về tính tin cậy và tính giá trị của kết					
4	Bài 4: Nguy cơ và tính nguyên nhân Mục tiêu bài học: LLO1. Vận dụng các khái niệm về nguy cơ và căn nguyên để giải thích được các bước trong phân giải mối quan hệ nhân quả của một trường hợp cụ thể LLO2. Tính toán được những số đo kết hợp gồm nguy cơ tương đối, tỷ suất chênh, nguy cơ qui thuộc, nguy cơ qui thuộc quần thể LLO3. Phân giải được ý nghĩa của các số đo (để xác định được một nguyên nhân gây bệnh và lượng giá tác động của nguyên nhân đó với sức khỏe)	2	4	4	CLO3; CLO4; CLO5; CLO8	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
5	Bài 5: Phương pháp nghiên cứu dịch tễ học mô tả (Descriptive study) Mục tiêu bài học: LLO1. Phân biệt được các loại thiết kế nghiên cứu mô tả trong các trường hợp nghiên cứu cụ thể. LLO2. Lựa chọn được thiết kế mô tả phù hợp trong một số trường hợp nghiên cứu cụ thể LLO3. Giải thích được các nội dung mô tả trong các trường hợp nghiên cứu cụ thể. LLO4. Phân tích được các ưu, nhược điểm của nghiên cứu mô tả trong một số tình huống nghiên cứu	2	2	3	CLO3; CLO4; CLO5; CLO8; CLO9	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
6	Bài 6: Phương pháp nghiên cứu ngang phân tích (Cross-sectional study) Mục tiêu bài học: LLO1. Giải thích được các bước tiến hành của một nghiên cứu ngang cụ thể LLO2. Phân giải được kết quả trong	2	2	3	CLO3; CLO4; CLO5; CLO8; CLO9	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	TH	Tự học		
	<p>ngiên cứu ngang</p> <p>LLO3. Phân tích được các ưu, nhược điểm của nghiên cứu ngang trong một số tình huống nghiên cứu</p>					
7	<p>Bài 7: Phương pháp nghiên cứu bệnh-chứng (Case-control study)</p> <p>Mục tiêu bài học:</p> <p>LLO1. Phân loại được thiết kế nghiên cứu bệnh chứng trong các trường hợp cụ thể</p> <p>LLO2. Giải thích được các bước thiết kế nghiên cứu bệnh chứng trong một tình huống cụ thể</p> <p>LLO3. Phân giải được kết quả trong nghiên cứu bệnh chứng</p> <p>LLO4. Phân tích được các ưu, nhược điểm của nghiên cứu bệnh chứng trong một số tình huống nghiên cứu</p> <p>LLO5. Giải thích được các sai số trong nghiên cứu bệnh chứng cụ thể</p>	2	4	5	CLO3; CLO4; CLO5; CLO8; CLO9	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
8	<p>Bài 8: Phương pháp nghiên cứu thuần tập (Cohort-Study)</p> <p>Mục tiêu bài học:</p> <p>LLO1. Phân loại được thiết kế nghiên cứu thuần tập trong các trường hợp cụ thể</p> <p>LLO2. Giải thích được các bước thiết kế nghiên cứu thuần tập trong một tình huống cụ thể</p> <p>LLO3. Phân giải được kết quả trong nghiên cứu thuần tập</p> <p>LLO4. Phân tích được các ưu, nhược điểm của nghiên cứu thuần tập trong một số tình huống nghiên cứu</p> <p>LLO5. Giải thích được các sai số trong nghiên cứu thuần tập cụ thể</p>	2	4	4	CLO3; CLO4; CLO5; CLO8; CLO9	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
9	<p>Bài 9: Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm (Experimental study)</p> <p>Mục tiêu bài học:</p> <p>LLO1. Phân loại được thiết kế nghiên cứu thực nghiệm trong các trường hợp cụ thể</p> <p>LLO2. Giải thích được các bước</p>	2	2	3	CLO3; CLO4; CLO5; CLO8; CLO9	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	TH	Tự học		
	thiết kế nghiên cứu thực nghiệm trong một tình huống cụ thể LLO3. Phân giải được kết quả trong nghiên cứu thực nghiệm cụ thể LLO4. Phân tích được các ưu, nhược điểm của nghiên cứu thực nghiệm trong một số tình huống nghiên cứu LLO5. Giải thích được các sai số trong nghiên cứu thực nghiệm cụ thể LLO6. Xác định được các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu thực nghiệm cụ thể					
10	Bài 10: Sai số và nhiễu trong nghiên cứu Mục tiêu bài học: LLO1. Phân loại được các sai số trong nghiên cứu cụ thể LLO2. Giải thích được các biện pháp khống chế sai số trong nghiên cứu cụ thể LLO3. Giải thích được sự ảnh hưởng và biện pháp khống chế và khử nhiễu trong nghiên cứu LLO4. Đề xuất được các biện pháp hạn chế sai số và nhiễu trong nghiên cứu	2	2	3	CLO3; CLO4; CLO5; CLO9; CLO10	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
11	Bài 11: Nghiên cứu dịch tễ học trên mẫu Mục tiêu bài học: LLO1. Phân tích được ưu nhược điểm của kỹ thuật chọn mẫu cho một nghiên cứu cụ thể LLO2. Phân tích được các tiêu chuẩn của một mẫu tốt trong một nghiên cứu cụ thể LLO3. Đề xuất được một kỹ thuật chọn mẫu và các bước tiến hành cho một nghiên cứu cụ thể	2	2	4	CLO3; CLO4; CLO5; CLO9	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
12	Bài 12: Trình bày dữ kiện dịch tễ học Mục tiêu bài học: LLO1. Đề xuất được phương án trình bày cho dữ kiện dịch tễ học cụ	2	2	3	CLO3; CLO4; CLO5; CLO9; CLO11	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	TH	Tự học		
	thể LLO2. Thiết kế được các bảng/hình/sơ đồ/biểu đồ/ bản đồ phù hợp với dữ kiện cụ thể					
13	Bài 13: Nghiệm pháp sàng lọc và chẩn đoán Mục tiêu bài học: LLO1. Phân biệt nghiệm pháp sàng lọc và nghiệm pháp chẩn đoán trong một tình huống LLO2. Giải thích được mục đích, vai trò và ứng dụng của sàng lọc phát hiện bệnh trong trường hợp cụ thể LLO3. Phân giải được kết quả trong sàng lọc và chẩn đoán (độ nhạy, độ đặc hiệu, giá trị dự báo) LLO4. Đề xuất được một nghiệm pháp sàng lọc/chẩn đoán phù hợp với một tình huống cụ thể	2	4	4	CLO3; CLO4; CLO5;C LO8	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
14	Bài 14: Dịch tễ học lâm sàng Mục tiêu bài học: LLO1. Giải thích được vai trò của các chứng cứ y học trong chẩn đoán trường hợp sức khỏe cụ thể LLO2. Giải thích được vai trò của các chứng cứ y học trong ra quyết định điều trị trường hợp cụ thể LLO3. Giải thích được vai trò của các chứng cứ y học trong dự phòng một vấn đề sức khỏe cụ thể	2		4	CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
15	Bài 15: Dịch tễ học và phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm Mục tiêu bài học: LLO1. Phân tích được các yếu tố của một quá trình dịch cụ thể LLO2. Phân tích các hình thái và mức độ dịch trong tình huống cụ thể LLO3. Đề xuất được các bước cần tiến hành trong điều tra và kiểm soát một vụ dịch cụ thể	2		3	CLO6	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
16	Bài 16: Dịch tễ học và phòng ngừa các bệnh không lây Mục tiêu bài học:	2		3	CLO6	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	TH	Tự học		
	LLO1. Phân tích được vai trò của dịch tễ học trong dự phòng các bệnh không lây trong trường hợp cụ thể LLO2. Đề xuất được biện pháp dự phòng các bệnh không lây trong tình huống cụ thể					huống

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1- Giáo trình do bộ môn biên soạn: *Dịch tễ học cơ bản*, BM Dịch tễ học, Khoa Y tế công cộng, trường đại học Y Dược Hải Phòng (2020)

5.2. Tài liệu tham khảo

- 1- Trường Đại học Y Hải phòng. Dịch tễ học, NXB Y học, 2012.
- 2- Tổ chức Y tế thế giới - Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, NXB Y học, 2009
- 3- Ruth Bonita. Basic epidemiology. 2nd Edition. World Health Organization; 2006

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. Chu Khắc Tân	BM. Dịch tễ học	cktan@hpmu.edu.vn
2	PGS.TS. Phạm Văn Hán	BM. Dịch tễ học	pvhan@gmail.com
3	TS. Nguyễn Thị Thu Thảo	BM. Dịch tễ học	nttthao@hpmu.edu.vn

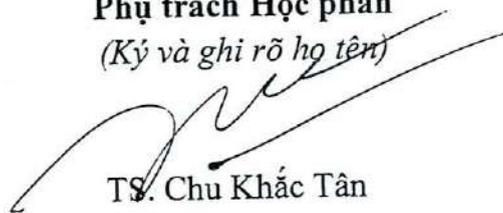
7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng, phấn, giảng đường

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Chu Khắc Tân

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

GIÁO DỤC SỨC KHỎE – NÂNG CAO SỨC KHỎE

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	
Mã học phần: CHYTCC.CSHT.05	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn YHXX – Khoa YTCC Email liên hệ: ttbhoi@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 090 723 9666	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1		
Số tiết	60	30	30		75
Số buổi	16	8	8		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Thực tế để hình thành, duy trì bền vững hành vi sức khỏe lành mạnh, điều mà chúng ta mong muốn ở đối tượng, đối tượng cần được tác động từ nhiều yếu tố. Quá trình này phải diễn ra và tích hợp trong những môi trường thuận lợi, với những chính sách thích hợp, đồng thời các cá nhân tham gia phải có những kỹ năng cần thiết. Môn học Giáo dục sức khỏe và Nâng cao sức khỏe tập trung đề cập đến quá trình GDSK nhằm nâng cao kiến thức, thay đổi thái độ và hành vi của đối tượng theo hướng tích cực, có lợi cho sức khỏe. Đồng thời, nội dung học phần này cũng bao gồm những nội dung cơ bản của NCSK, các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe, những kỹ năng chính trong NCSK và triển khai các chương trình NCSK tại cộng đồng. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong các lĩnh vực công tác sau này của người cán bộ y tế đặc biệt là cán bộ y tế hoạt động trong lĩnh vực Y tế công cộng.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân tích được các yếu tố xã hội quyết định sức khỏe, các yếu tố tác động đến hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi sức khỏe.	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh. PLO3. Áp dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội theo đặc thù của từng khu vực trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng; PLO8. Lập kế hoạch, thực
CLO2	Hiểu biết được các nguyên tắc chính của Nâng cao sức khỏe. Giải thích những chiến lược hành động chính của Nâng cao sức khỏe ở các nước đang phát triển.	
CLO3	Hiểu biết được các cách tiếp cận trong nâng cao sức khỏe và các mô hình nâng cao sức khỏe.	
CLO4	Hiểu biết Phương pháp truyền thông sức khỏe và các kỹ năng truyền thông giao tiếp	
CLO5	Hiểu biết các phương pháp và kỹ năng cần thiết trong đánh giá nhu cầu sức khỏe và các bước của đánh giá nhu cầu sức khỏe.	
CLO6	Giải thích được các tiêu chuẩn của mục tiêu và các loại mục tiêu, phân tích được các bước trong bản kế hoạch hành động cho chương trình NCSK	
CLO7	Phân tích được các loại đánh giá, phương pháp và kỹ năng cần thiết trong thực hiện đánh giá một chương trình giáo dục, nâng cao sức khỏe.	
CLO8	Phân tích được mục tiêu và ý nghĩa của Phát triển cộng đồng trong Nâng cao sức khỏe, giải thích được cách thiết kế một dự án Phát triển cộng đồng trong Nâng cao sức khỏe.	
CLO9	Vận dụng các phương pháp truyền thông sức khỏe và các kỹ năng truyền thông giao tiếp để thực hiện một buổi TT – GDSK (cho cá nhân hoặc cộng đồng)	
CLO10	Vận dụng các phương pháp và kỹ năng	

	cần thiết trong đánh giá nhu cầu sức khỏe để phân tích được các bước của đánh giá nhu cầu sức khỏe.	hiện và đánh giá các chương trình can thiệp y tế công cộng.
CLO11	Xây dựng được các mục tiêu, chiến lược cho một chương trình NCSK. Lập được bản kế hoạch hành động cho chương trình NCSK.	PLO12. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm) trong thực hiện công việc.
CLO12	Viết được các câu hỏi chính và xác định được các chỉ số cho từng loại đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe.	
CLO13	Thiết kế một dự án Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe	
CLO14	Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của Nâng cao sức khỏe trong chiến lược chăm sóc sức khỏe cộng đồng	PLO16. Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng. PLO17. Tôn trọng ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng.
CLO15	Sẵn sàng áp dụng những phương pháp, kỹ thuật và triển khai các chương trình NCSK để nâng cao sức khỏe cộng đồng	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức: điểm danh, làm bài tập nhóm.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (LT*2 + TH*1)/3$$

- Hình thức:

+ Lý thuyết: Trắc nghiệm (MCQs) có cấu trúc

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng (số câu)
CLO1 (22,2%)	5	5		10
CLO2 (22,2%)	5	5		10
CLO3 (0,89%)	2	2		4

CLO4 (0,89%)	2	2	4
CLO5,6 (0,2%)	5	4	9
CLO7 (0,89%)	2	2	4
CLO8 (0,89%)	2	2	4
Tổng	23	22	45

+ Thực hành: khi kết thúc học phần học viên thực hiện 2 bài thực hành

- Lượng giá CLO9: Chia nhóm đóng vai
- Lượng giá CLO10, CLO11, CLO12, CLO13: Bài thu hoạch cuối học phần (nộp cá nhân)

Mục tiêu	Hình thức lượng giá	Tổng (số chủ đề)	Nội dung thi (số chủ đề)
CLO9 (20%)	Chia nhóm đóng vai	1	1
CLO10 (20%)	Bài thu hoạch	1	1
CLO11 (20%)	Bài thu hoạch	1	
CLO12 (20%)	Bài thu hoạch	1	
CLO13 (20%)	Bài thu hoạch	1	
Tổng		5	2

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm....

- Tính chuyên cần trong học tập, tuân thủ nội qui môn học
- Kỹ năng tự học hiệu quả

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết:

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	TH/LS	Tự học		
Bài 1: Các yếu tố xã hội quyết định sức khỏe	4		8	CLO1	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 2: Giới thiệu về nâng cao sức khỏe	3		6	CLO2	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống

Bài 3: Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	4		8	CLO1	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 4: Các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe	4		8	CLO3	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 5: Phương pháp truyền thông sức khỏe	3		6	CLO4	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 6: Đánh giá nhu cầu sức khỏe	3		6	CLO5	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 7: Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe	3		6	CLO6	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 8: Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe	3		6	CLO7	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 9: Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe	3		6	CLO8	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống

4.2. Thực hành

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	TH/LS	Tự học		
Bài 1: Phương pháp truyền thông sức khỏe		6	3	CLO9, CLO14, CLO15	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm việc nhóm, đóng vai
Bài 2: Đánh giá nhu cầu sức khỏe		6	3	CLO10, CLO14, CLO15	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm việc nhóm
Bài 3: Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe		6	3	CLO11, CLO14, CLO15	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm việc nhóm
Bài 4: Đánh giá chương		6	3	CLO12,	Thuyết trình; Clicker;

trình nâng cao sức khỏe				CLO14, CLO15	Thảo luận tình huống Làm việc nhóm
Bài 5: Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe		6	3	CLO13, CLO14, CLO15	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm việc nhóm

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập:

[1] Bộ môn Y học xã hội. *Tài liệu phát tay “Các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe – Nâng cao sức khỏe”, năm 2020.*

5.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe. Sách dùng đào tạo cử nhân YTCC. Nhà xuất bản Y học, 2006 (chỉ đạo biên soạn Bộ Y tế, Vụ khoa học và Đào tạo).
- [2] Bộ Y tế (2007). Giáo dục và nâng cao sức khỏe. Nhà xuất bản Y học.
- [3] Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe. Sách dùng đào tạo cử nhân YTCC / Nguyễn Văn Hiến. – Nhà xuất bản Y học, 2006.
- [4] Klaus Krickeberg và CS (2014). Giáo dục sức khỏe. Nhà xuất bản Y học.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

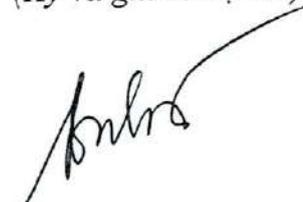
7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường: bán ghế, các phương tiện cho làm việc nhóm

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)


Trần Thị Bình Hoa

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Giang

PHỤ LỤC**1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	BSCCKII. Trần Thị Bích Hồi	Khoa YTCC	
2.	TS. Trần Thị Thúy Hà	Khoa YTCC	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Sức khỏe môi trường	
Mã học phần: CHYTCC.CN.06	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: BM. Sức khỏe môi trường - Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: ntmngoc@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0934 433 789	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	2	0	
Số tiết	90	30	60	0	75
Số buổi	20	8	12	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: DTH bệnh mới nổi và tái nổi
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Sức khỏe môi trường là lĩnh vực trong y tế công cộng mà giải quyết các yếu tố lý, hoá học, sinh học và tâm lý xã hội trong môi trường nhằm kiểm soát và dự phòng các mối nguy môi trường cũng như thúc đẩy sức khỏe tình trạng thoải mái thông qua các chiến lược môi trường. Học phần nhằm cung cấp cho học viên những khái niệm chính của sức khỏe môi trường, những yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe môi trường và sức khỏe cộng đồng; Cách tiếp cận nghiên cứu phát hiện và giải pháp giải quyết, dự phòng đối với sức khỏe môi trường và sức khỏe cộng đồng; Sự phối hợp các cơ quan liên quan trong giải quyết vấn đề môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Mục tiêu học phần: Vận dụng kiến thức các môn chuyên ngành để xác định và đánh giá nguy cơ do phơi nhiễm với các tác nhân ô nhiễm môi trường, trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp can thiệp và dự phòng tác động đến môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

Các khái niệm then chốt

- **Sức khỏe môi trường:** Là sự nghiên cứu các yếu tố trong môi trường ảnh hưởng sức khỏe con người.

- **Độc chất học môi trường:** Nghiên cứu cơ chế giữa việc phơi nhiễm các độc chất trong môi trường dẫn đến bệnh tật.
- **Dịch tễ học môi trường:** Tìm hiểu mối liên quan giữa phơi nhiễm các yếu tố môi trường và sức khỏe
- **Nguy cơ:** Xác suất một hậu quả xấu sẽ xảy ra trong một khoảng thời gian nào đó, trên một người, một nhóm người, hay trên cây cối, động vật hay hệ sinh thái của một vùng nào đó do phơi nhiễm với một yếu tố nguy cơ ở một liều hay nồng độ nhất định
- **Mối quan hệ liều lượng- hậu quả:** Liều lượng phơi nhiễm càng cao thì hậu quả càng nghiêm trọng
- **Mối quan hệ liều lượng-đáp ứng:** Khi liều lượng gia tăng tỉ lệ đối tượng có một tác động nhất định (đáp ứng sẽ gia tăng)
- **Đánh giá nguy cơ sức khỏe môi trường:** Là một quy trình và phương pháp nhằm ước lượng những tác động tiềm tàng của việc phơi nhiễm với một yếu tố nguy cơ hóa học, vật lý, sinh học, hay tâm lý xã hội lên một cộng đồng cụ thể dưới một số điều kiện và trong một khoảng thời gian xác định

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

a. Về kiến thức:

CĐRHP1: Mô tả một số vấn đề sức khỏe môi trường hiện tại và tương lai trên thế giới và Việt Nam

CĐRHP 2: Giải thích các khái niệm cơ bản về nguy cơ, yếu tố nguy cơ sức khỏe môi trường; phương pháp đánh giá tác động sức khỏe và đánh giá nguy cơ sức khỏe và sức khỏe môi trường

b. Về kỹ năng:

CĐRHP3: Áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái Ecohealth và One Health trong phát hiện, đánh giá nguy cơ và kiểm soát một số vấn đề sức khỏe môi trường

CĐRHP4: Vận dụng cách tiếp cận Ecohealth, OneHealth và y học thực chứng để xây dựng một số giải pháp phòng ngừa và kiểm soát một số vấn đề về sức khỏe môi trường

c. Về thái độ/ Về mức tự chủ/chịu trách nhiệm:

CĐRHP5: Tích cực, chủ động và có trách nhiệm trong các hoạt động học tập cá nhân và nhóm.

CĐRHP6: Tôn trọng ý kiến của các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe môi trường của cộng đồng.

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Mô tả các vấn đề sức khỏe môi trường hiện tại và tương lai ở Việt Nam	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh.
CLO2	Giải thích các khái niệm cơ bản về nguy cơ, yếu tố nguy cơ sức	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức

	khỏe môi trường; phương pháp đánh giá tác động sức khỏe và đánh giá nguy cơ sức khỏe và sức khỏe môi trường	khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh.
CLO3	Áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái Ecohealth và One Health trong phát hiện, đánh giá nguy cơ và kiểm soát một số vấn đề sức khỏe môi trường	PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng;
CLO4	Vận dụng cách tiếp cận Ecohealth, OneHealth và y học thực chứng để xây dựng một số giải pháp phòng ngừa và kiểm soát một số vấn đề về sức khỏe môi trường	PLO12. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm) trong thực hiện công việc. PLO13. Xây dựng năng lực tự nghiên cứu, học tập suốt đời.
CLO5	Tích cực, chủ động, có trách nhiệm và hợp tác trong các hoạt động học tập cá nhân và nhóm.	PLO15. Trung thực và có trách nhiệm trong học thuật, nghiên cứu và làm việc.
CLO6	Tôn trọng ý kiến của các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe môi trường của cộng đồng.	PLO17. Tôn trọng ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức: bài tập cá nhân/bài tập nhóm
- + Tham gia các buổi học lý thuyết, nghỉ không quá 20%
- + Tham gia đầy đủ buổi thực hành, bài tập nhóm
- + Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm

3.1. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (LT + TH)/2$$

- Hình thức:
- + Lý thuyết: Câu hỏi thi MCQ (50 câu/60 phút) hoặc Báo cáo chuyên đề

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Tổng
CLO1	5	10			15
CLO2	3	5	7		15
CLO3	3	5	7		15
Tổng	11	20	14		45

- + Thực hành: trình bày báo cáo SBL theo cá nhân và nhóm

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CĐRHP3 (50%)		1 (50%)		
CĐRHP4 (50%)			1 (50%)	
Tổng			2 (100%)	

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Bài 1: Đại cương và chính sách về sức khoẻ môi trường ở Việt Nam và trên thế giới	3		6	CĐRHP1	Thuyết trình; Thảo luận
Bài 2: Dịch tễ học môi trường <i>Phát triển đề cương NC dịch tễ học môi trường</i>	4	10	8	CĐRHP2 CĐRHP3 CĐRHP4	Thuyết trình; Thảo luận SBL
Bài 3: Cách tiếp cận hệ sinh thái đối với các vấn đề sức khoẻ - Ecohealth <i>Thảo luận trường hợp về tiếp cận hệ sinh thái đối với các vấn đề sức khoẻ - Ecohealth</i>	3	10	6	CĐRHP2 CĐRHP3 CĐRHP4	Thuyết trình; Thảo luận SBL
Bài 4: Cách tiếp cận một sức khoẻ trong phòng chống các bệnh truyền lây giữa động vật và người <i>Thảo luận trường hợp về tiếp cận một sức khoẻ trong phòng chống các bệnh truyền lây giữa động vật và người</i>	4	10	8	CĐRHP2 CĐRHP3 CĐRHP4	Thuyết trình; SBL
Bài 5: Phát triển bền vững và các vấn đề sức khoẻ môi trường/Biến đổi khí hậu và sức khỏe	4		8	CĐRHP1 CĐRHP3 CĐRHP4	Thuyết trình; Thảo luận
Bài 6: Thuốc bảo vệ thực vật và các hợp chất hữu cơ bền vững trong môi trường <i>Đánh giá nguy cơ sức khoẻ do thuốc bảo vệ thực vật và các hợp chất hữu cơ bền vững trong môi trường</i>	4	10	8	CĐRHP1 CĐRHP3 CĐRHP4	Thuyết trình; Thảo luận SBL

Bài 7: Đánh giá tác động sức khỏe <i>Thảo luận đánh giá nguy cơ sức khỏe</i>	4	10	8	CĐRHP2 CĐRHP3 CĐRHP4	Thuyết trình; Thảo luận SBL
Bài 8: Đánh giá nguy cơ sức khỏe môi trường <i>Thảo luận đánh giá nguy cơ sức khỏe môi trường</i>	4	10	8	CĐRHP2 CĐRHP3 CĐRHP4	Thuyết trình; Thảo luận SBL

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1. Lê Thị Thanh Hương (chủ biên) 2016. *Sức khỏe môi trường (Giáo trình giảng dạy cao học và chuyên khoa I Y tế công cộng)*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Quốc hội (2020), *Luật bảo vệ môi trường*.
3. Trường Đại học Y Hải Phòng (2012). *Sức khỏe môi trường*, NXB Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đức Hình, Lê Thị Hương và nhóm tác giả Mạng lưới Một sức khỏe các trường Đại học Việt Nam (VOHUN) (2015). *Giáo trình Một sức khỏe trong y học dự phòng và y tế công cộng - Dành cho sinh viên năm thứ sáu*. – Tài trợ bởi Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Việt Hùng, Trần Thị Tuyết Hạnh (2016). *Tiếp cận hệ sinh thái đối với sức khỏe (Ecohealth) - Lý thuyết và áp dụng trong nghiên cứu Sức khỏe môi trường tại Việt Nam*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- [3] Nguyen Thi Minh Ngoc, Nguyen Van Chuyen, Nguyen Thi Thu Thao et al (2020). Chromium, Cadmium, Lead, and Arsenic Concentrations in Water, Vegetables, and Seafood Consumed in a Coastal Area in Northern Vietnam, *Environmental Health Insights*; Volume 14: 1–9
- [4] Van den Berg H, Gu B, Grenier B et al (2020). Pesticide lifecycle management in agriculture and public health: Where are the gaps? *Sci Total Environ*. 2020 Nov 10;742:140598. doi: 10.1016/j.scitotenv.2020.140598. Epub 2020 Jun 30. PMID: 32629272; PMCID: PMC7487288.
- [5] Vera-Herrera L, Sadutto D, Picó Y. Non-Occupational Exposure to Pesticides: Experimental Approaches and Analytical Techniques (from 2019) (2021). *Molecules*. 2021;26(12):3688. Published 2021 Jun 16. doi:10.3390/molecules26123688
- [6] F Racioppi, M Martuzzi, S Matic, M Braubach, G Morris, M Krzyzanowski, D Jarosińska, O Schmoll, D Adamonytė (2020), Reaching the sustainable development goals through healthy environments: are we on track?, *European Journal of Public Health*, Volume 30, Issue Supplement_1, March 2020, Pages i14–i18, <https://doi.org/10.1093/eurpub/ckaa028>
- [7] Nu Quy Linh Tran, Huynh Thi Cam Hong Le, Cong Tuan Pham et al (2023). Climate change and human health in Vietnam: a systematic review and additional analyses on current impacts, future risk, and adaptation. *The Lancet Regional Health - Western Pacific* 2023; 40: 10094. <https://doi.org/10.1016/j.lanwpc.2023.100943>.

- [8] Wu H, Hou J, Wang X. A review of microplastic pollution in aquaculture: Sources, effects, removal strategies and prospects. *Ecotoxicol Environ Saf.* 2023 Mar 1;252:114567. doi: 10.1016/j.ecoenv.2023.114567. Epub 2023 Jan 26. PMID: 36706522.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, máy tính
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...đề sinh viên thực hành/ thực tập (phụ lục).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

PHỤ LỤC**1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Dương Thị Hương	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	dthuong@hpmu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	ntmngoc@hpmu.edu.vn
3	Trần Thị Tuyết Hạnh	Trường ĐH Y tế công cộng	tth2@huph.edu.vn
4	Phạm Đức Phúc	Trường ĐH Y tế công cộng, VOHUN	pdp@huph.edu.vn
5	Nguyễn Quang Đức	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	nqduc@hpmu.edu.vn
6	Đông Trung Kiên	CDC Hải Phòng	
7	Phùng Thị Tường Vy	CDC Hải Phòng	
8	Nguyễn Thị Tuyết Lan	CDC Hải Phòng	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Bùi Thị Hương	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	Hỗ trợ hướng dẫn thực tập
2	Nguyễn Bích Phương	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	Hỗ trợ hướng dẫn thực tập

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Sức khỏe nghề nghiệp	
Mã học phần: CHYTCC.CN.07	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: TS Hoàng Thị Giang - Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: htgiang@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0904 135 488	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	2	0	
Số tiết	90	30	60	0	90
Số buổi	22	7	15	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Học phần thuộc môn cơ sở và hỗ trợ
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Người lao động luôn có nguy cơ phơi nhiễm với nhiều yếu tố tác hại nghề nghiệp trong môi trường lao động, ảnh hưởng không chỉ đến sức khỏe người lao động mà còn gây tổn kém chi phí điều trị và giảm năng suất lao động. Việc thực hiện đánh giá các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động, áp dụng các biện pháp dự phòng sớm nhằm khống chế các yếu tố nguy cơ đó có vai trò rất quan trọng trong dự phòng sớm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, cải thiện sức khỏe và nâng cao năng suất lao động. Môn học này sẽ giúp học viên có những kiến thức cơ bản và nâng cao về hệ thống sức khỏe nghề nghiệp, các tác hại nghề nghiệp và biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp, từ đó đề xuất và áp dụng được các biện pháp cải thiện và nâng cao sức khỏe người lao động.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO 1	Phân tích được bộ máy tổ chức quản lí sức khỏe và công tác an toàn vệ sinh lao động cho các cơ sở sử dụng lao động theo các quy định pháp lý tại Việt Nam.	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh.
CLO 2	Phân tích được các yếu tố tác hại nghề nghiệp và ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động tới sức khỏe và an toàn của người lao động.	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh. PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
CLO 3	Phân tích được các biện pháp quản lý nguy cơ, phòng chống tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp tại nơi làm việc	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh. PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
CLO 4	Xác định được các yếu tố nguy cơ tác hại nghề nghiệp trong quá trình lao động.	PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
CLO 5	Lập được hồ sơ quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.	PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
CLO 6	Đề xuất được các giải pháp phòng chống thích hợp nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng chống tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất.	PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
CLO 7	Thực hành quan trắc môi trường, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc tại các cơ sở sản xuất	PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
CLO 8	Áp dụng được nội dung cơ bản của dịch tễ học trong thiết kế các nghiên cứu về lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp	PLO10. Xây dựng và thực hiện các nghiên cứu cơ bản trong giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng. PLO13. Xây dựng năng lực tự

		nghiên cứu, học tập suốt đời.
CLO 9	Có thái độ nghiêm túc trong đề xuất và áp dụng các giải pháp nhằm bảo vệ sức khỏe, phòng chống tai nạn lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất.	<p>PLO15. Trung thực và có trách nhiệm trong học thuật, nghiên cứu và làm việc.</p> <p>PLO16. Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng.</p>

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức:
 - o điểm danh: học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành
 - o bài tập cá nhân/bài tập nhóm cho các buổi lý thuyết
- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá quá trình.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} \cdot 2 + \text{TH} \cdot 1) / 3$$

- Hình thức:

+ Lý thuyết: thi trắc nghiệm MCQs, cấu trúc đề thi theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng (số câu)
CLO1 (25%)	2 câu	3 câu	2 câu	7 câu/23,3%
CLO2 (25%)	3 câu	3 câu	2 câu	8 câu/26,7%
CLO3 (25%)	3 câu	3 câu	2 câu	8 câu/26,7%
CLO4 (25%)	2 câu	3 câu	2 câu	7 câu/23,3%
Tổng	10 câu/33,3%	12 câu/40%	8 câu/26,7%	30 câu/100%

+ Thực hành: Học viên nộp báo cáo thực hành cho từng nội dung bài học, chấm và lấy điểm trung bình các bài là điểm thực hành cuối học phần theo ma trận sau:

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO5 (25%)	-	-	x	-
CLO6 (25%)	-	-	x	-
CLO7 (25%)	-	-	x	-
CLO8 (25%)	-	-	x	-

Tổng (100%)	-	-	4	-
--------------------	---	---	----------	---

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

ST T	Nội dung/Tên bài	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học
		LT	Tự học		
1	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý sức khỏe và công tác an toàn, vệ sinh lao động tại Việt nam	4	8	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
2	Tổ chức bộ máy quản lí và thực hiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động, trách nhiệm và quyền hạn về công tác ATVSLĐ tại cơ sở làm việc	4	8	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
3	Quản lý các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong môi trường lao động	4	8	CLO2	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
	3.1. Ảnh hưởng các yếu tố tác hại nghề nghiệp tới sức khỏe.				
	3.2. Phương pháp quản lý nguy cơ trong sức khỏe và nghề nghiệp				
4	Đại cương về bệnh nghề nghiệp	4	8	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
	4.1. Khái niệm, phân loại, nguyên tắc chẩn đoán				
	4.2. Danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng chế độ bảo hiểm tại Việt Nam				
	4.3. Quản lý bệnh nghề nghiệp				
5	Đại cương về tai nạn lao động	4	8	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
	5.1. Khái niệm, phân loại				
	5.2. Dịch tễ học tai nạn lao động trên thế giới và tại Việt Nam				
	5.3. Chỉ số giám sát tai nạn lao động				
	5.4. Các chiến lược phòng chống tai nạn lao động				

6	Giám sát môi trường và tình trạng sức khỏe công nhân	4	8	CLO2,3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
	6.1. Nguyên lý giám sát môi trường lao động				
	6.2. Lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động				
	6.3. Quản lý sức khỏe người lao động				
7	Ứng dụng DTH trong nghiên cứu thuộc lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp	6	12	CLO4	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
	Tổng	30	60		

4.2. Thực hành

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		TH	Tự học		
1	Thực hành đánh giá các yếu tố tác hại nghề nghiệp tại nơi làm việc và lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động	16	8	CLO5-CLO7	Quan sát/kiến tập/báo cáo
2	Thực hành lập kế hoạch quản lý sức khỏe người lao động	16	8	CLO5-CLO7	Quan sát/kiến tập/báo cáo
3	Thực hành lập kế hoạch phòng chống dịch bệnh tại cơ sở y tế	8	4	CLO5-CLO7	Quan sát/kiến tập/báo cáo
4	Thiết kế đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp	20	10	CLO8	Thảo luận nhóm/báo cáo
	Tổng	60	30		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1] Tài liệu phát tay – Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1] Ảnh hưởng một số nguy cơ nghề nghiệp trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa đến sức khỏe người lao động và giải pháp can thiệp / Nguyễn Thị Hồng Tú, Nhà xuất bản Y học, 2003.

- [2] Bệnh nghề nghiệp: Tập 2 / Lê Trung. - Nhà xuất bản Y học, 1990.
- [3] Bệnh nghề nghiệp: Tập 3 / Lê Trung. - Nhà xuất bản Y học, 2000.
- [4] Khoa học môi trường và sức khoẻ môi trường: Phần sức khoẻ nghề nghiệp: sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế. - Nhà xuất bản Y học, 2007
- [5] Sức khỏe nghề nghiệp: Giáo trình đào tạo Y tế công cộng và quản lý bệnh viện / Nguyễn Thúy Quỳnh. - H.: Y học, 2016.
- [6] Tâm sinh lí lao động và Ec-gô-nô-mi/ Bộ Y tế - Viện Y học lao động và vệ sinh môi trường – Nhà xuất bản Y học, 2002.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (Phụ lục)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu,
- Giảng đường, phấn, bảng,

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

PHỤ LỤC**1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS.TS Phạm Minh Khuê	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	khuepm@gmail.com
2	TS Hoàng Thị Giang	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	hoanggiang0708@gmail.com
3	TS Nguyễn Thanh Hải	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	nguyenthanhhai@hpmu.edu.vn
4	TS Hà Lan Phương	Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường – BYT	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Phạm Thị Ngọc	BM SKNN	ptngoc@hpmu.edu.vn
2			

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DINH DƯỠNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	
Mã học phần: CHYTCC.CN.08	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Bộ môn: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	
Email liên hệ: nttham@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0987137697	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Tín chỉ	4	2	2	
Số tiết	90	30	60	90
Số buổi	23	8	15	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khóa học, Giáo dục sức khỏe và Nâng cao sức khỏe
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm cung cấp kiến thức cơ bản về dinh dưỡng giúp học viên có khả năng đánh giá và giải quyết các vấn đề dinh dưỡng cho cộng đồng, cho học đường; tham gia các nghiên cứu dinh dưỡng, góp phần thực hiện các chiến lược quốc gia về dinh dưỡng. Đồng thời, học phần cung cấp kiến thức về an toàn thực phẩm giúp học viên có khả năng phối hợp với các bên liên quan trong hoạt động kiểm tra giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Xác định vấn đề vấn đề dinh dưỡng cộng đồng và an toàn thực phẩm ưu tiên	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh. PLO6. Xác định được các yếu tố môi

		trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng;
CLO2	Đề xuất giải pháp và lập kế hoạch can thiệp cho một số vấn đề dinh dưỡng cộng đồng ưu tiên	PLO3. Áp dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội theo đặc thù của từng khu vực trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân PLO8. Lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chương trình can thiệp y tế công cộng.
CLO3	Đánh giá được điều kiện an toàn thực phẩm trong các cơ sở dịch vụ ăn uống	PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
CLO4	Lắng nghe, khuyến khích và hỗ trợ đồng nghiệp và các bên liên quan trong thực hiện nhiệm vụ	PLO17. Tôn trọng ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng. PLO18. Khuyến khích, tạo ảnh hưởng tới đồng nghiệp trong học tập và phát triển chuyên môn liên tục.

3. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \cdot 0,4 + \text{LT} \cdot 0,6$$

Lý thuyết (60%): MCQs, 40 câu trong thời gian 45 phút, cấu trúc ma trận như sau:

CDR học phần	Nhớ (%)	Hiểu (%)	Áp dụng (%)	Phân tích (%)	Tổng số (%)
CLO1	17	5	2	0	24
CLO2	12	3	1	0	16
Tổng số	29	8	3	0	40

Thực hành (40%): Bài thu hoạch về 1 hoạt động dinh dưỡng hoặc an toàn thực phẩm mà học viên được tham gia tại cơ sở thực hành.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		

Dinh dưỡng hợp lý với sức khỏe và bệnh tật			4		Tự học
Chương trình chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng-nhu cầu khuyến nghị	4		4	CLO1	Thuyết trình Thảo luận
Dinh dưỡng cho 1000 ngày đầu đời	4		4	CLO1	Thuyết trình Thảo luận
Dinh dưỡng trong dự phòng một số bệnh mạn tính			10		Tự học
Dinh dưỡng học đường	4		4	CLO1	Thuyết trình Thảo luận
Dinh dưỡng và hoạt động thể lực trong nâng cao sức khoẻ và phòng bệnh.	4		5	CLO1	Thuyết trình Thảo luận
Truyền thông giáo dục dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	4	8	4	CLO1, CLO2	Thuyết trình Thảo luận
Can thiệp dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	4		4	CLO1, CLO2	Thuyết trình Thảo luận
Giám sát dinh dưỡng	2		4	CLO1	Thuyết trình Thảo luận
Các mối nguy an toàn thực phẩm, nguy cơ và tác động sức khoẻ	4	4	4	CLO2	Thuyết trình Thảo luận
Đảm bảo an toàn thực phẩm trong cơ sở dịch vụ ăn uống		4	8	CLO2	Thuyết trình Thảo luận
Xác định các vấn đề dinh dưỡng, thực phẩm ở cộng đồng		8	8	CLO1	Tình huống cộng đồng
Lựa chọn các phương pháp can thiệp dinh dưỡng, thực phẩm ở cộng đồng		8	4	CLO2	Tình huống cộng đồng
Lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng, thực phẩm tại cộng đồng		24	4	CLO1, CLO3	Tình huống cộng đồng

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm (2022). Giáo trình Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Tài liệu học tập

[2] Bộ môn Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm (2022). Tài liệu thực hành Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Tài liệu học tập

5.2. Tài liệu tham khảo

[3] Phần mềm WHO Anthro 3.2 của Tổ chức Y tế thế giới- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi. <https://who-anthro.software.informer.com/3.2/>

[4] Phần mềm WHO Anthro Plus 3.2 của Tổ chức Y tế thế giới- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ từ 5-19 tuổi. <http://who-anthroplus.freedownloadscenter.com/>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (*phụ lục*).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, phấn bảng, giấy A0, bút dạ
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,... để học viên thực hành (*phụ lục*).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thảo

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

PHỤ LỤC**1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS Nguyễn Thị Thắm	BM Dinh dưỡng&ATTP	nttham@hpmu.edu.vn
2	TS Nguyễn Thị Thuỳ Linh	BM Dinh dưỡng&ATTP	ntthuylinh@hpmu.edu.vn
3	PGS.TS Trương Tuyết Mai	Viện Dinh dưỡng Quốc gia	truongmai1976@yahoo.com
4	BSCCK2 Nguyễn Bích Diệp	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS Cáp Minh Đức	BM Dinh dưỡng&ATTP	cmduc@hpmu.edu.vn
2	ThS Bùi Thị Thu Hường	CDC Hải Phòng	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ Y TẾ VÀ BẢO HIỂM Y TẾ**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Kinh tế Y tế và Bảo hiểm Y tế	
Mã học phần: CHYTCC.CN.09	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: ttbhoi@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0907239666	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	0	
Số tiết	60	30	30	0	75
Số buổi	16	8	8	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

(Mô tả vị trí của học phần đối với chương trình đào tạo, những nội dung chính yếu của học phần).

Những chính sách về Y tế - Bảo hiểm xã hội liên quan chặt chẽ đến các nội dung của kinh tế y tế cũng như hoạt động chuyên môn của các bác sĩ hoạt động trong lĩnh vực điều trị và dự phòng. Việc trang bị kiến thức Kinh tế y tế trở nên cần thiết, không chỉ đối với các nhà hoạch định chính sách, những cán bộ quản lý mà cho cả cán bộ y tế, các cán bộ hoạt động trong lĩnh vực YTCC. Kinh tế Y tế là một lĩnh vực quản lý kinh tế trong ngành y tế, nó sử dụng lý thuyết kinh tế học nhằm nâng cao năng lực hoạch định chính sách, điều hành trong lĩnh vực y tế, nhằm sử dụng có hiệu quả nhất nguồn lực của ngành y tế để chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng, đảm bảo sự công bằng và phát triển xã hội.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Xác định được các đặc điểm cơ bản (về chi phí cơ hội, cân bằng cung cầu) của thị trường chăm sóc sức khỏe.	PLO3. Áp dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội theo đặc thù của từng khu vực trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân
CLO2	Mô tả các bước tính chi phí. Giải thích được vai trò của phân tích chi phí trong quản lý và giám sát, trong đánh giá hiệu quả và lập kế hoạch.	
CLO3	Mô tả đặc điểm và khả năng áp dụng, phân tích được các bước của 3 phương pháp đánh giá kinh tế y tế.	
CLO4	Mô tả các bước tính toán đánh giá gánh nặng bệnh tật.	
CLO5	Giải thích được sự khác biệt giữa các mô hình tài chính y tế. Phân tích được tình hình tài chính y tế Việt Nam hiện nay.	PLO1. Áp dụng được kiến thức về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước và chính sách y tế trong thực hành nghề nghiệp. PLO3. Áp dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội theo đặc thù của từng khu vực trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân
CLO6	Hiểu biết nguyên lý của bảo hiểm y tế, các vấn đề gặp phải khi thực hiện bảo hiểm y tế. Phân tích tác động tích cực và tiêu cực của viện phí. Hiểu biết các nguyên tắc để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.	
CLO7	Vận dụng các khái niệm thị trường, cung, cầu, cân bằng cung - cầu để lý giải và thực hiện các bài toán về thị trường, thị trường chăm sóc sức khỏe	
CLO8	Thực hiện được cách tính chi phí cho một trường hợp mắc bệnh và cho một chương trình chăm sóc sức khỏe	PLO8. Lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chương trình can thiệp y tế công cộng. PLO12. Áp dụng hiệu quả các
CLO9	Tính toán và đưa ra quyết định của bài tập phân tích chi phí - hiệu quả, chi phí - lợi ích,	

	chi phí – thỏa dụng. Làm các bài tập tính toán QALYs	kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm) trong thực hiện công việc.
CLO10	Làm các bài tập tính toán đơn giản các thành phần của DALY	
CLO11	Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của Kinh tế y tế trong quản lý và giám sát, trong đánh giá hiệu quả và lập kế hoạch	PLO16. Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng. PLO18. Khuyến khích, tạo ảnh hưởng tới đồng nghiệp trong học tập và phát triển chuyên môn liên tục.
CLO12	Sẵn sàng áp dụng những phương pháp, kỹ thuật trong Kinh tế y tế trong các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức: điểm danh, làm bài tập nhóm.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (LT*2 + TH*1)/3$$

- Hình thức:

+ Lý thuyết: trắc nghiệm (MCQs) có cấu trúc

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Tổng (số câu)
CLO1 (24,4%)	6	5	11
CLO2 (17,7%)	3	5	8
CLO3 (22,2%)	5	5	10
CLO4 (13,3%)	2	4	6
CLO5 (11,2%)	2	3	5
CLO6 (11,2%)	2	3	5
Tổng	20	25	45

+ Thực hành: Bài thu hoạch khi kết thúc học phần:

Mục tiêu	Hình thức thi	Bài thu hoạch (số câu/ tình huống/ bài tập)
CLO7 (25%)	Bài tập tình huống/ tính toán	2
CLO8 (25%)	Bài tập tình huống/ tính toán	2
CLO9 (25%)	Bài tập tình huống/ tính toán	2
CLO10 (25%)	Bài tập tình huống/ tính toán	2
Tổng		8

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm...

- Tính chuyên cần trong học tập, tuân thủ nội qui môn học
- Kỹ năng tự học hiệu quả

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Kinh tế học và kinh tế học trong y tế	4		8	CLO 1	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 2: Phân tích chi phí	2		4	CLO 2	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 3: Thẩm định kinh tế - Đo lường kết quả 1. Thẩm định kinh tế 2. Phân tích chi phí – hiệu quả 3. Phân tích chi phí – lợi ích 4. Phân tích giá thành và thỏa dụng	8		16	CLO 3	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống

Bài 4: Đo lường và đánh giá gánh nặng bệnh tật của cộng đồng trong phân tích kinh tế	4		8	CLO 4	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 5: Tài chính y tế	4		8	CLO 5	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 6: Viện phí	4		8	CLO 6	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 7: Bảo hiểm y tế	4		8	CLO 6	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 1: Kinh tế học và kinh tế học trong y tế		6	3	CLO 7, CLO 11, CLO 12	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm các bài tập giả định về KTYT
Bài 2: Phân tích chi phí		6	3	CLO 8, CLO 11, CLO 12	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm các bài tập giả định về KTYT
Bài 3: Thẩm định kinh tế - Đo lường kết quả 1. Phân tích chi phí – hiệu quả 2. Phân tích chi phí – lợi ích 3. Phân tích giá thành và thỏa dụng		12	6	CLO 9, CLO 11, CLO 12	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm các bài tập giả định về KTYT
Bài 4: Đo lường và đánh giá gánh nặng bệnh tật của cộng đồng trong phân tích kinh tế		6	3	CLO 10, CLO 11, CLO 12	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình

					huống Làm các bài tập giả định về KTYT
--	--	--	--	--	--

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập:

[1] Bộ môn Y học xã hội (2015). Tài liệu phát tay “Kinh tế y tế”

5.2 Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Y tế, (2007). Kinh tế y tế và bảo hiểm y tế. Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, Hà Nội: Nhà xuất bản Y học.

[2] Bộ Y tế, Kinh tế y tế (2008): Sách đào tạo Cử nhân Y tế công cộng, Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.

[3] Bài giảng Kinh tế y tế (2002), Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội, Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.

[4] Vũ Xuân Phú (2012), Khái niệm cơ bản về kinh tế y tế và tài chính y tế: Tài liệu đào tạo liên tục cho cán bộ quản lý ngành y tế tuyến tỉnh và tuyến trung ương. Nhà xuất bản Lao động xã hội.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phục lục)

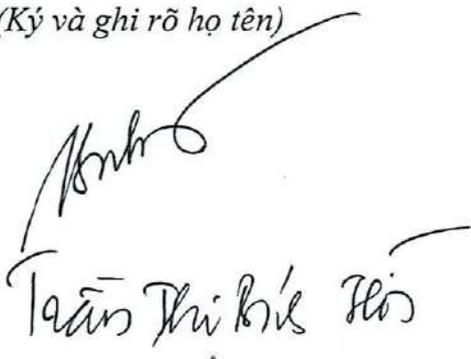
7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng, bút viết bảng
- Giảng đường: bán ghế, các phương tiện cho làm việc nhóm

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)


Trần Thị Bích Hòa

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Giang

PHỤ LỤC**1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	BSCCKII. Trần Thị Bích Hôi	Khoa YTCC	
2.	TS. Nguyễn Thanh Hải	Khoa YTCC	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ Y TẾ - CHÍNH SÁCH Y TẾ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Quản lý y tế và chính sách y tế	
Mã học phần: CHYTCC.CN.10	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa phụ trách: Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: tttha@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0903 267 059	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Tín chỉ	4	2	2	
Số tiết	90	30	60	90
Số buổi	23	8	15	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Môn học Quản lý y tế - chính sách y tế giữ vai trò quan trọng trong công tác quản lý của ngành y tế. Môn học này trang bị cho học viên những kiến thức về chính sách, những kỹ năng về tổ chức, quản lý, giúp cho những cán bộ quản lý đang công tác ở các tuyến trong ngành y tế phát huy nội và ngoại lực tại các vùng, miền nơi công tác với hiệu quả cao nhất.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân tích được các cấu phần và cấu trúc cơ bản của hệ thống y tế Việt Nam.	PLO5. Hiểu biết các cấu phần và cấu trúc cơ bản của hệ thống y tế Việt Nam.
CLO2	Vận dụng được các quan điểm của	PLO1. Áp dụng được kiến thức về

	Đảng, và Chính sách của Nhà nước vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân	quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước và chính sách y tế trong thực hành nghề nghiệp.
CLO3	Phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh. PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng;
CLO4	Lập được bản kế hoạch giải quyết một vấn đề sức khỏe cộng đồng	PLO3. Áp dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội theo đặc thù của từng khu vực trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân PLO8. Lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chương trình can thiệp y tế công cộng.
CLO5	Tôn trọng ý kiến của đồng nghiệp và các bên liên quan trong công việc	PLO16. Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức:
 - o Điểm danh: học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành
- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá quá trình.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} \cdot 2 + \text{TH} \cdot 1) / 3$$

- Hình thức:

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Tổng (câu)
CLO1 (20%)	0	4	2	0	0	6
CLO2 (80%)	0	16	8	0	0	24
Tổng	0	20	10	0	0	30

+ Lý thuyết: MCQ gồm 60 câu, cấu trúc đề thi theo ma trận sau:

+ Thực hành: học viên đi thực hành và viết báo cáo thực hành cho mỗi buổi theo nhóm.

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO3 (40%)	-	-	x	-
CLO4 (30%)	-	-	x	-
CLO5 (30%)	-	-	x	-
Tổng	0	0	3	0

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
<p>Bài 1. Đại cương về tổ chức và hệ thống y tế</p> <p>LLO1. Phân tích được các thành phần cơ bản của Hệ thống y tế</p> <p>LLO2. Phân tích được các đặc điểm của mô hình Hệ thống y tế Việt Nam.</p> <p>LLO3. Phân tích được khái quát bộ phận tổ chức của các tuyến trong hệ thống tổ chức y tế Việt Nam</p>	3		6	CLO1	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
<p>Bài 2. Đại cương về quản lý và quản lý y tế</p> <p>LLO1. Trình bày được các khái niệm và bản chất quản lý</p> <p>LLO2. Trình bày được chu trình và các chức năng cơ bản của quản lý</p>	2	2	6	CLO4 CLO5	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm

<p>LLO3. Liệt kê một số nguyên tắc chính của quản lý</p> <p>LLO4. Trình bày được các nội dung chính của quản lý trong 1 cơ sở y tế</p> <p>LLO5. Nêu được một số năng lực phẩm chất cơ bản của người quản lý</p>					
<p>Bài 3. Người cán bộ lãnh đạo và quản lý</p> <p>LLO1. Trình bày một số khái niệm về lãnh đạo và quản lý, vai trò của lãnh đạo và quản lý</p> <p>LLO2. Trình bày phân loại cán bộ quản lý</p> <p>LLO3. Phân tích được các kỹ năng và phẩm chất người lãnh đạo và quản lý cần có</p>	2	2	6	CLO5	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận
<p>Bài 4. Phân tích các vấn đề sức khỏe y tế công cộng</p> <p>LLO1. Trình bày được khái niệm vấn đề sức khỏe công cộng, xác định vấn đề sức khỏe công cộng</p> <p>LLO2. Trình bày được mục đích và phương pháp xác định các vấn đề sức khỏe công cộng</p>	3	8	14	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
<p>Bài 5. Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên và xây dựng mục tiêu trong y tế công cộng</p> <p>LLO1. Trình bày những điều cần lưu ý trong xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên.</p> <p>LLO2. Phân tích thang điểm cơ bản và các yếu tố để xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên</p> <p>LLO3. Trình bày vai trò của xác định mục tiêu đúng trong y tế công cộng</p> <p>LLO4. Áp dụng viết được các loại mục tiêu y tế</p>	3	8	14	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
<p>Bài 6. Xây dựng kế hoạch y tế</p> <p>LLO1. Giải thích được những khái niệm</p>	3	6	12	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình

<p>ơ bản kế hoạch và lập kế hoạch. LLO2. Trình bày được nội dung và các bước lập kế hoạch y tế. LLO3. Xây dựng được một bản kế hoạch hành động cho kế hoạch y tế cụ thể. LLO4. Thực hành đánh giá một bản kế hoạch y tế.</p>					<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận - Phân tích tình huống
<p>Bài 7. Theo dõi và giám sát trong y tế công cộng LLO1. Trình bày được định nghĩa, mục tiêu và phân loại giám sát LLO2. Trình bày được các nguyên tắc, công cụ trong giám sát LLO3. Mô tả được quy trình giám sát và các tiêu chuẩn, chức năng của giám sát viên</p>	3	6	12	CLO5	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
<p>Bài 8. Khái niệm về đánh giá và vai trò của hoạt động y tế LLO1. Giải thích được khái niệm về đánh giá và vai trò của đánh giá trong hoạt động y tế. LLO2. Phân tích được các chỉ số cần cho đánh giá và trình bày các phương pháp thu thập thông tin cho đánh giá LLO3. Trình bày được các bước cơ bản của đánh giá và phân tích được giá trị của đánh giá có sử dụng nhóm đối chứng</p>	3	8	14	CLO4 CLO5	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
<p>Bài 9. Khái niệm cơ bản về chính sách y tế LLO1. Mô tả các khái niệm về chính sách y tế. LLO2. Nêu được các yếu tố chính tác động đến chính sách y tế công cộng LLO3. Liên hệ với một số chính sách y tế địa phương</p>	3	6	2	CLO2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận
<p>Bài 10. Chính sách y tế công cộng LLO1. Phân tích được khái niệm và các yếu tố cơ bản quyết định tới chính sách</p>	3	6	12	CLO2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận

y tế. LLO2. Giải thích được việc xác định mục tiêu cơ bản của chính sách và các đề suất chiến lược thực hiện các mục tiêu của chính sách.					luận
Bài 11. Phân tích, đánh giá chính sách y tế LLO1. Trình bày sự cần thiết phải điều chỉnh chính sách y tế LLO2. Phân tích được các chính sách y tế hiện nay LLO3. Trình bày nội dung điều chỉnh chính sách y tế	2	8	12	CLO2	- Thuyết trình - Thảo luận
Tổng	30	60	90		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Y học xã hội (2021). Quản lý y tế và Chính sách y tế. Tài liệu dành cho Thạc sỹ Y tế công cộng.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách y tế. Sách đào tạo cử nhân Y tế công cộng. NXB Y học.

<https://thuvienhoc.edu.vn/2019/10/16/to-chuc-quan-ly-va-chinh-sach-y-te-dung-dao-cao-cu-nhan-y-te-cong-cong-bo-y-te/>

[3] Bộ Y tế (2011), Tổ chức và quản lý y tế. Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, NXB Y học

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu.
- Giảng đường.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Thuý Nga

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

PHỤ LỤC**1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. Trần Thị Thúy Hà	Khoa YTCC	tttha@hpmu.edu.vn
2	BS.CKII. Trần Thị Bích Hôi	Khoa YTCC	ttbhoi@hpmu.edu.vn
3	BS.CKII. Nguyễn Bá Dụng	Khoa YTCC	dungyxh@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH MỚI NỔI VÀ TÁI NỔI

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Dịch tễ học các bệnh mới nổi và tái nổi	
Mã học phần: CHYTCC.CN.11	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: pmkhue@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	0	
Số tiết	60	30	30	0	75
Số buổi	16	8	8		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Với xu thế ngày càng phát triển của xã hội, nhiều bệnh nhiễm trùng và không nhiễm trùng bắt đầu xuất hiện và phát triển. Kèm theo đó, một số bệnh đã thoái lui trước đây bắt đầu xuất hiện và bùng phát trở lại. Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng hiểu được các đặc điểm dịch tễ học và quá trình dịch của các bệnh nhiễm trùng và không nhiễm trùng mới nổi và tái nổi; giải thích được nguy cơ xuất hiện bệnh trên cộng đồng và đưa ra được chiến lược dự phòng các cấp cho các bệnh này.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Trình bày được các khái niệm, nguyên nhân và đặc điểm quá trình dịch của bệnh mới nổi và tái nổi	PLO2, PLO4
CLO2	Giải thích được đặc điểm dịch tễ học và quá trình dịch của một số bệnh mới nổi và tái nổi cụ thể	PLO2, PLO4
CLO3	Vận dụng nguyên lý dịch tễ học, nguyên tắc và dự phòng các cấp, các cách tiếp cận dự phòng, để đề xuất được chiến lược dự phòng các bệnh mới nổi và tái nổi cụ thể	PLO2, PLO4

CLO4	Thiết kế được chiến lược dự phòng các cấp phù hợp cho dự phòng bệnh mới nổi và tái nổi trong tình huống cụ thể	PLO8
CLO5	Xây dựng được chiến lược giám sát và quản lý các bệnh mới nổi và tái nổi	PLO8

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá thực hành

a. Hình thức:

- Viết bài thu hoạch cá nhân
- Thời gian: Sau khi kết thúc học phần 1 tuần

b. Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập	Dạy được người khác
CLO4 (50%)	0	0	x	0
CLO5 (50%)	0	0	x	0
Tổng	0	0	100%	0

3.2. Lượng giá lý thuyết:

a. Hình thức: MCQ

b. Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Trọng số (số câu)	Nhớ	Hiểu	Áp dụng
CLO1	30%	30%	0	0
CLO2	40%	0	40%	0
CLO3	30%	0	0	30%
Tổng	100% (60 câu)	18 câu	24 câu	18 câu

3.3. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LT} \times 0.5 + \text{TH} \times 0.5$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Bài 1: Đại cương về dịch tễ học các bệnh mới nổi và tái nổi. LLO1: Trình bày được khái niệm về dịch tễ học bệnh mới nổi và tái nổi LLO1: Trình bày được nguyên nhân và đặc điểm quá trình dịch của bệnh mới nổi và tái nổi	4	0	8	CLO1	Thuyết trình

<p>Bài 2: Dịch tễ học và dự phòng bệnh Lao LLO1: Giải thích được đặc điểm dịch tễ học của bệnh Lao LLO2: Giải thích được nguyên tắc của chiến lược phòng chống Lao quốc gia LLO3: Đề xuất được chiến lược giám sát và kiểm soát Lao tại địa phương cụ thể.</p>	4	4	10	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo
<p>Bài 3: Dịch tễ học và dự phòng HIV/AIDS LLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của HIV/AIDS qua các thời kỳ. LLO2: Giải thích được nguyên tắc của chiến lược phòng chống HIV/AIDS LLO3: Xây dựng được chiến lược giám sát và kiểm soát HIV/AIDS tại địa phương</p>	4	4	10		Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo
<p>Bài 4: Dịch tễ học và dự phòng bệnh Sốt Dengue/Sốt xuất huyết Dengue LLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của bệnh Sốt Dengue/Sốt xuất huyết Dengue. LLO2: Xây dựng được chiến lược giám sát và dự phòng bệnh Sốt Dengue/Sốt xuất huyết Dengue tại địa phương</p>	2	4	6		Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo
<p>Bài 5: Dịch tễ học và dự phòng bệnh Viêm gan Virus LLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của bệnh viêm gan virus. LLO2: Xây dựng được chiến lược giám sát và quản lý bệnh viêm gan virus</p>	4	4	10		Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo
<p>Bài 6: Dịch tễ học và dự phòng bệnh Đại LLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của bệnh Đại. LLO2: Xây dựng được chiến lược giám sát và dự phòng bệnh Đại</p>	2	4	6		Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo
<p>Bài 7: Dịch tễ học và dự phòng bệnh viêm đường hô hấp cấp do SARS-CoV2 LLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của bệnh viêm đường hô hấp cấp do SARS-CoV2. LLO2: Đề xuất được chiến lược dự phòng bệnh viêm đường hô hấp cấp do SARS-</p>	5	5	13		Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo

CoV2 tại địa phương					
Bài 8: Dịch tễ học và dự phòng một số bệnh mạn tính không lây phổ biến LLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của một số bệnh mạn tính không lây phổ biến. LLO2: Đề xuất được chiến lược giám sát, quản lý và dự phòng một số bệnh mạn tính không lây phổ biến tại địa phương	5	5	12		Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu phát tay của giảng viên

5.2. Tài liệu tham khảo

- Đào Thị Minh An (2020), *Giáo trình Dịch tễ học một số bệnh phổ biến*. Nhà xuất bản Y học.
- Roberts S.L. (2019) Emerging and Re-emerging Diseases. In: Romaniuk S., Thapa M., Marton P. (eds) *The Palgrave Encyclopedia of Global Security Studies*. Palgrave Macmillan, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-319-74336-3_531-1
- World Health Organization. Regional Office for South-East Asia. (2014). A brief guide to emerging infectious diseases and zoonoses. WHO Regional Office for South-East Asia. <https://apps.who.int/iris/handle/10665/204722>
- National Institutes of Health (US) (2007); Biological Sciences Curriculum Study.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY.

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS.TS.Phạm Minh Khuê	Khoa Y tế công cộng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	TS.Nguyễn Thị Thu Thảo	Khoa Y tế công cộng	nttthao@hpmu.edu.vn
3	BSCCKII.Nguyễn Duy Hùng	Trung tâm CDC	
4	PGS.TS. Dương Thị Hương	Khoa Y tế công cộng	dthuong@hpmu.edu.vn
5	TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc	Khoa Y tế công cộng	ntmngoc@hpmu.edu.vn

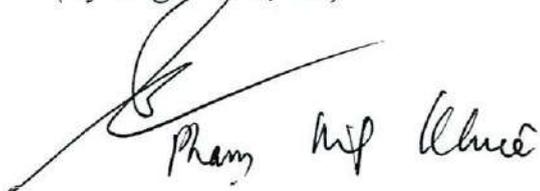
7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng, phấn

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Minh Khuê

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Quản lý bệnh không lây nhiễm	
Mã học phần: CHYTCC.CN.12	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế Công cộng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa Y tế Công Cộng	
Email liên hệ: nttham@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0987137697	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	
Số tiết	60	30	30	75
Số buổi	15	8	7	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Việt Nam đang đối mặt với sự gia tăng của các bệnh không lây nhiễm như: các bệnh tim mạch, đái tháo đường, bệnh hô hấp mạn tính ung thư... gây ra rất nhiều hệ lụy nặng nề. Tổ chức hệ thống dự phòng, phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị, quản lý các BKLN từ Trung ương đến cấp xã trong cả nước giúp kiểm soát bệnh một cách hiệu quả. Học phần này cung cấp cho người học kiến thức và thực hành về dịch tễ học, yếu tố nguy cơ, biện pháp sàng lọc cũng như biện pháp dự phòng với một số bệnh mạn tính chủ yếu.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Trình bày dịch tễ học bệnh không lây nhiễm	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh.

		PLO4. Hiểu biết được các vấn đề sức khỏe đặc thù của cộng đồng.
CLO2	Áp dụng được các biện pháp sàng lọc phát hiện sớm một số bệnh (Tăng huyết áp, đái tháo đường, một số bệnh ung thư)	PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng;
CLO3	Phân tích được các yếu tố nguy cơ để đề xuất được các biện pháp dự phòng bệnh không lây nhiễm	PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng; PLO8. Lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chương trình can thiệp y tế công cộng.
CLO4	Sẵn sàng áp dụng kiến thức trong sàng lọc và phòng chống bệnh không lây nhiễm cho cộng đồng	PLO16. Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng.

3. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Tham gia các buổi học lý thuyết, nghỉ không quá 10% số buổi học
- Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành
- Hoàn thành các bài tập cá nhân/nhóm

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \cdot 0,4 + \text{LT} \cdot 0,6$$

- Hình thức:

+ Lý thuyết: MCQs, 40 câu trong thời gian 45 phút, cấu trúc ma trận như sau:

CĐR học phần	Nhớ (%)	Hiểu (%)	Áp dụng (%)	Phân tích (%)	Tổng số (%)
CLO1	8	2			10
CLO2	8	8	2		18
CLO3	5	5	2		12
Tổng số	21	15	4		40

+ Thực hành: Bài thu hoạch cá nhân/nhóm

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2			x	
CLO3			x	
Tổng				

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Tổng quan và biện pháp phòng ngừa bệnh không lây nhiễm	4		8	CLO1, CLO3	Thuyết trình; Tình huống, Thảo luận
Bệnh tim mạch	6		10	CLO1, CLO3	
Bệnh đái tháo đường	4		8	CLO1, CLO3	
Bệnh tăng huyết áp	4		8	CLO1, CLO3	
Một số bệnh ung thư	6		10	CLO1, CLO3	
Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	4		8	CLO1, CLO3	
Bệnh tâm thần	2		8	CLO1, CLO3	
Sàng lọc một số bệnh không lây nhiễm: Tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản, COPD		8	5	CLO2	Tình huống cộng đồng, Làm việc nhóm
Sàng lọc một số bệnh ung thư		4	3	CLO2	
Phân tích yếu tố nguy cơ và đề xuất giải pháp dự phòng cho một vấn đề cụ thể		18	7	CLO3	Tình huống giả định/cơ sở y tế học viên công tác/địa phương sinh sống, làm việc nhóm

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Trường đại học Y Dược Hải Phòng (2020). Tài liệu học tập Bệnh mạn tính không lây

5.2. Tài liệu tham khảo

- Trường Đại học Y tế Công Cộng (2016). Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm. Nhà xuất bản Y học
- Nguyễn Quốc Triệu, Phạm Lê Tuấn (2019) Dinh dưỡng dự phòng và điều trị một số bệnh mạn tính. Nhà xuất bản Y học
- Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/1/2022 Quyết định phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025. Truy cập

<https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205279>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, phấn bảng, giấy A0, bút dạ

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phân

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thảo

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hoàng Thị Giang

PHỤ LỤC**1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	PGS. Ts. Dương Thị Hương	Đại học Y Dược Hải Phòng	dthuong@hpmu.edu.vn
2.	PGS. TS. Phạm Minh Khuê	Đại học Y Dược Hải Phòng	pmkhue@hpmu.edu.vn
3.	Ts. Nguyễn Thị Thắm	Đại học Y Dược Hải Phòng	nttham@hpmu.edu.vn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

SỨC KHỎE LỬA TUỔI – SỨC KHỎE SINH SẢN – SỨC KHỎE TÂM THẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Sức khoẻ lứa tuổi -sức khoẻ sinh sản – sức khoẻ tâm thần	
Mã học phần: CHYTCC.TC.13	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: PGS.TS Dương Thị Hương – Khoa YTCC	
Email liên hệ: dthuong@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0912759743	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1		
Số tiết	60	30	30		75
Số buổi	14	7	7		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Học phần thuộc môn cơ sở và hỗ trợ
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu tổng quát

Môn Sức khỏe lứa tuổi và sức khỏe sinh sản, sức khỏe tâm thần nhằm cung cấp kiến thức và thực hành cơ bản để học viên phân tích được nguy cơ sức khỏe phù hợp theo nhóm tuổi và những yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe sinh sản, sức khỏe tâm thần để tiếp cận và có thể dự phòng được

Sơ đồ khái niệm then chốt:

- Đặc điểm sinh lý phát triển thể lực theo lứa tuổi
- Các nhóm bệnh tật hay gặp theo lứa tuổi
- Giới tính và các thay đổi phát triển giới tính theo tuổi
- Các bệnh lây nhiễm theo đường tình dục thường gặp

- Các khái niệm về bệnh lý tâm thần, biểu hiện và nhận biết bệnh
- Kỹ năng phát hiện các yếu tố nguy cơ và bệnh liên quan, xây dựng được đề cương nghiên cứu đánh giá yếu tố nguy cơ và bệnh liên quan và các phương án dự phòng phù hợp

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (CĐRHP)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Diễn giải sức khỏe, bệnh thường gặp sức khỏe theo các lứa tuổi ; sức khỏe sinh sản sức khỏe tâm thần và một số rối loạn tâm thần thường gặp.	PLO4. Hiểu biết được các vấn đề sức khỏe đặc thù của cộng đồng.
CLO2	Phân tích mối liên quan giữa yếu tố nguy cơ và bệnh liên quan đến các vấn đề sức khỏe lứa tuổi, sức khỏe sinh sản và sức khỏe tâm thần trong cộng đồng	PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
CLO3	Diễn giải qui trình đánh giá nguy cơ và bệnh liên quan đến các vấn đề sức khỏe lứa tuổi sức khỏe sinh sản và sức khỏe tâm thần trong cộng đồng.	PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng;
CLO4	Diễn giải lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng về vấn đề sức khỏe lứa tuổi và sức khỏe sinh sản và sức khỏe tâm thần trong cộng đồng	
CLO5	Lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng về sức khỏe lứa tuổi, sức khỏe tâm thần	PLO8. Lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chương trình can thiệp y tế công cộng.
CLO6	Thực hiện được đo lường các chỉ số đánh giá nguy cơ và bệnh liên quan đến sức khỏe	PLO10. Xây dựng và thực hiện các nghiên cứu cơ bản

	lứa tuổi, sức khỏe sinh sản và sức khỏe tâm thần trong cộng đồng	trong giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng.
CLO7	Xây dựng được công cụ thu thập thông tin về nguy cơ và bệnh phù hợp, khả thi	
CLO8	Xây dựng được một đề cương đánh giá nguy cơ và bệnh liên quan trong sức khỏe lứa tuổi, sức khỏe sinh sản và sức khỏe tâm thần.	
CLO9	Triển khai được các hoạt động đánh giá nguy cơ và bệnh liên quan đến sức khỏe lứa tuổi, sức khỏe sinh sản và sức khỏe tâm thần.	
CLO10	Tự học và nghiên cứu được để tham gia các hoạt động học lý thuyết và thực hành	PLO13. Xây dựng năng lực tự nghiên cứu, học tập suốt đời.
CLO11	Phối hợp với các bên liên quan để triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng	PLO17. Tôn trọng ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng.
CLO12	Tôn trọng và cung cấp thông tin phối hợp cùng cộng đồng tìm giải pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp và khả thi dựa vào cộng đồng	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức: điểm danh, làm bài tập nhóm.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} \cdot 2 + \text{TH} \cdot 1) / 3$$

- Hình thức:
- + Lý thuyết: MCQ

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Đề thi (số câu)
CLO1	5	5		10
CLO2	5	5		10
CLO3		10		10
CLO4		10	5	15
	10	30	5	45

+ Thực hành: khi kết thúc học phần học viên thực hiện 1 bài thực hành

- Lượng giá thực hành cuối kỳ: Bài thu hoạch cuối học phần (nộp cá nhân)

Mục tiêu	Hình thức lượng giá	Tổng (số chủ đề)	Nội dung thi (số chủ đề)
CLO5	Chia nhóm thảo luận chọn vấn đề	1	
CLO6	Bài thu hoạch	1	
CLO7	Bài thu hoạch	1	
CLO8	Bài thu hoạch (chấm điểm thực hành)	1	1
CLO9	Bài thu hoạch	1	

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm,....

Tính chuyên cần trong học tập, tuân thủ nội qui môn học

Kỹ năng tự học hiệu quả

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

TT	Nội dung	Số tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
1	Bài 1. Sức khỏe lứa tuổi và các nguyên lý dự phòng theo lứa tuổi	2	CLO1 CLO2	Thuyết trình; thảo luận
2	Bài 2. Sức khỏe lứa tuổi học đường, sức khỏe vị thành niên và các yếu tố nguy cơ sức khỏe	2	CLO1 CLO3	Thuyết trình; thảo luận
3	Bài 3. Sức khỏe người cao tuổi và yếu tố nguy cơ	2	CLO1 CLO2	Thuyết trình; thảo luận

4	Bài 4. Sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục theo lứa tuổi và chăm sóc sức khỏe phụ nữ	4	CLO1 CLO2	Thuyết trình; thảo luận
5	Bài 5. Bình đẳng giới trong chăm sóc sức khỏe	2	CLO1 CLO2	Thuyết trình; thảo luận
6	Bài 6. Vấn đề sức khỏe sinh sản, tình dục và các yếu tố nguy cơ theo lứa tuổi	2	CLO1 CLO2	Thuyết trình; thảo luận
7	Bài 6. Sức khỏe tâm thần và các rối loạn tâm thần phổ biến: rượu, stress,	2	CLO1 CLO2	Thuyết trình; thảo luận
8	Bài 7. Các rối loạn tâm thần thường gặp và các yếu tố nguy cơ	2	CLO1 CLO2	Thuyết trình; thảo luận
9	Bài 9. Lựa chọn vấn đề ưu tiên trong sức khỏe lứa tuổi và lượng giá nguy cơ	4	CLO3 CLO4	Thuyết trình; thảo luận
10	Bài 10. Lựa chọn vấn đề ưu tiên trong sức khỏe sinh sản và lượng giá nguy cơ	4	CLO4	Thuyết trình; thảo luận
11	Bài 11. Lựa chọn vấn đề ưu tiên trong sức khỏe tâm thần và lượng giá nguy cơ	4	CLO4	Thuyết trình; thảo luận

4.2. Thực hành

TT	Nội dung	Số tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
1	Bài 1. Xây dựng các biến số thu thập đánh giá sức khỏe vị thành niên	4	CLO5 – CLO9	thảo luận nhóm theo chủ đề, bài tập xây dựng biến số
2	Bài 2. Xây dựng các biến số thu thập đánh giá sức khỏe người cao tuổi	4	CLO5 – CLO9	thảo luận nhóm theo chủ đề; bài tập xây dựng biến số
3	Bài 3. Xây dựng các biến số thu thập đánh giá sức khỏe phụ nữ mãn kinh và tiền mãn tính	4	CLO5 – CLO9	thảo luận nhóm theo chủ đề; bài tập xây dựng biến số

4	Bài 4. Xây dựng biên số đánh giá hiểu biết về bệnh lây nhiễm qua đường tình dục cho đối tượng tuổi vị thành niên	4	CLO5 – CLO9	thảo luận nhóm theo chủ đề; bài tập xây dựng biên số
5	Bài 5. Xây dựng biên số đánh giá nguy cơ và rối loạn thần ở người nghiện ma túy/ nghiện rượu	4	CLO5 – CLO9	thảo luận nhóm theo chủ đề bài tập xây dựng biên số
6	Bài 5. Áp dụng viết đề cương nghiên cứu cho một vấn đề sức khỏe ở cộng đồng quan tâm	5	CLO5 – CLO9	thảo luận nhóm theo chủ đề; viết đề cương
7	Bài 6. Triển khai được các hoạt động đánh giá nguy cơ và bệnh liên quan đến sức khỏe lứa tuổi, sức khỏe sinh sản và sức khỏe tâm thần.	5	CLO5 – CLO9	Thảo luận nhóm lập kế hoạch

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- [1] Khoa y tế công cộng. 2012. Tài liệu học tập môn học sức khỏe lứa tuổi
- [2] Khoa y tế công cộng. 2012. Tài liệu học tập môn sức khỏe sinh sản
- [3] Khoa y tế công cộng. 2012. Tài liệu học tập môn sức khỏe tâm thần

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Dương Đình Thiện / Hoàng Tích Mịch (1981) Dịch tễ học từng bệnh. NXB Y học, 1981.
- [2] Bùi Thị Tú Quyên (2014) Dịch tễ thống kê nâng cao : Dành cho đối tượng học viên sau ĐH NXB : Y học, 2014. - 146tr.
- [3] Trần Thanh Dương Cục y tế dự phòng (2010) Hướng dẫn phòng chống một số bệnh, tật phổ biến ở tuổi học đường. 152Tr.;
- [4] Đào Ngọc Phong, Nguyễn Hữu Chính (2002) Sức khỏe lứa tuổi T3 . NXB : Y học, 2002. - 295 tr.
- [5] The health of young people: A challenge and a promise / World health organization. - Geneva : HO, 1993. - 109p. ;

- [6] Paul D.Sarvela. - NewYork : MCGraw-Hill (199) Health education evaluation and measurement: a practitioner's perspective - 334p. ;
- [7] Marlene B. Goldman (2013) Women & health /. - 2nd ed. - NewYork : Elsevier, 2013. - 1581p.
- [8] Donald R.Coustan Ray V..(1995) Human reproduction : Growth and development / - London : Little, 1995. - 498p. ;

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	PGS. TS. Dương Thị Hương	Khoa YTCC	dthuong@hpmu.edu.vn
2.	BSCCKII Trần Việt Phương	BM Sản	tvphuong@hpmu.edu.vn
3.	Ts. Nguyễn Thị Thắm	Khoa YTCC	nttham@hpmu.edu.vn
4.	Ts. Hoàng Thị Giang	Khoa YTCC	htgiang@hpmu.edu.vn
5.	Ths. Lê Sao Mai	BM tâm thần	lsmmai@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, máy tính
- Giảng đường, phấn, bảng
- Phòng thực hành/thí nghiệm

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

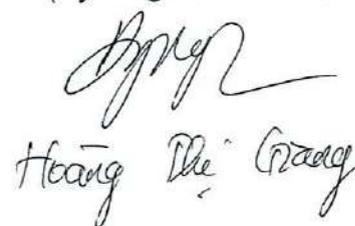
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS. TS Dương Thị Hương

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MỘT SỨC KHỎE

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Một sức khỏe	
Mã học phần: CHYTCC.TC.14	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bất buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Bộ môn: Khoa Y tế Công Cộng	
Email liên hệ: nttham@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0987137697	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	
Số tiết	60	30	30	75
Số buổi	15	8	7	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản để giải quyết vấn đề Một sức khỏe cụ thể trong cộng đồng bao gồm các phương thức tiếp cận đa ngành, liên ngành hoặc xuyên ngành, Học phần này trang bị cho học viên các năng lực cốt lõi về một sức khỏe, từ đó có khả năng xác định được các vấn đề một sức khỏe trong cộng đồng và đề xuất giải pháp giải quyết với sự tham gia của nhiều bên liên quan (y tế, thú y, môi trường và các ngành liên quan khác). Học phần gồm 2 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân tích được mối nguy và nguy cơ các bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng.	PLO3. Áp dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội theo đặc thù của từng khu vực trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân

CLO2	Áp dụng năng lực cốt lõi của Một sức khỏe trong xác định và giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên	PLO9. Vận động cộng đồng và các bên liên quan tham gia một cách chủ động vào giải quyết các vấn đề sức khỏe dựa trên tiếp cận đa ngành. PLO12. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm) trong thực hiện công việc.
CLO3	Sẵn sàng phối hợp đa ngành, liên ngành hoặc xuyên ngành trong xác định và giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng	PLO16. Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng.

3. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Tham gia các buổi học lý thuyết, nghỉ không quá 10% số buổi học
- Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành
- Hoàn thành các bài tập cá nhân/nhóm

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \cdot 0,4 + \text{LT} \cdot 0,6$$

- Hình thức:

+ Lý thuyết (60%): MCQs, 40 câu trong thời gian 45 phút, cấu trúc ma trận như

sau:

CĐR học phần	Nhớ (%)	Hiểu (%)	Áp dụng (%)	Phân tích (%)	Tổng số (%)
CLO1	10	8	2		20
CLO2	10	8	2		20
Tổng số	20	16	4		40

+ Thực hành: Bài thu hoạch cá nhân/nhóm

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2			x	
Tổng				

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Tổng quan và các khái niệm cơ bản của một sức khỏe	4		4	CLO1, CLO2	Thuyết trình; Thảo luận
Bệnh truyền lây giữa người và động vật	4		4	CLO1	Thuyết trình; Thảo luận Bài tập tình huống Làm việc nhóm
Phân tích nguy cơ và quản lý nguy cơ bệnh truyền nhiễm	2	2	6	CLO1	
Tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và các kỹ thuật cơ bản chẩn đoán nhanh tại cộng đồng trong một sức khỏe	4	4	6	CLO1	
Tư duy hệ thống và một sức khỏe	4		6	CLO2	
Chính sách liên quan đến một sức khỏe	4		4	CLO2	
Yếu tố văn hóa và một sức khỏe	2		6	CLO2	
Hợp tác trong một sức khỏe	4		4	CLO2	
Kinh tế một sức khỏe	2		5	CLO2	
Làm việc nhóm trong một sức khỏe		4	10	CLO2	Bài tập tình huống, làm việc nhóm
Xác định và đề xuất giải pháp giải quyết một vấn đề ưu tiên tại cộng đồng		20	20	CLO1, CLO2	

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Trường đại học Y Hà Nội (2015). Một sức khỏe trong y học dự phòng và y tế công cộng. Nhà xuất bản y học

5.2. Tài liệu tham khảo

- Mạng lưới Một sức khỏe các trường Đại học Việt Nam (2016), Năng lực cốt lõi Một sức khỏe, NXB Y học, Truy cập tại: https://vohun.org/wp-content/uploads/2019/03/Sach-A5-VOHUN_final-1.pdf
- Horst W.J. Rittel and Melvin M. Webber (1973), "Dilemmas in a General Theory of Planning", Policy Sciences 4, (1973), (pp. 155-169). Retrieved from <http://link.springer.com/article/10.1007/BF01405730>.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

– Máy chiếu, phấn bảng, giấy A0, bút dạ

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thảo

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

PHỤ LỤC**1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
4.	PGS. Ts. Dương Thị Hương	Đại học Y Dược Hải Phòng	dthuong@hpmu.edu.vn
5.	Ts. Nguyễn Đức Phúc	Mạng lưới một sức khỏe các trường đại học Việt Nam	pdp@vohun.org
6.	Ts. Nguyễn Thị Thắm	Đại học Y Dược Hải Phòng	nttham@hpmu.edu.vn
7.	Ts. Trần Thị Thúy Hà	Đại học Y Dược Hải Phòng	tttha@hpmu.edu.vn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NGHIÊN CHẤT

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Nghiên chất	
Mã học phần: CHYTCC.TC.15	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: TS Hoàng Thị Giang - Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: htgiang@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0904 135 488	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	0	
Số tiết	60	30	30	0	60
Số buổi	14	7	7	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Học phần thuộc môn cơ sở và hỗ trợ
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Tệ nạn ma túy có tác hại rất lớn đến kinh tế, chính trị, xã hội, hạnh phúc, giống nòi, làm suy thoái về đạo đức, lối sống, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm như trộm cắp, cướp của giết người, lừa đảo, cưỡng đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng..., đồng thời cũng là nguyên nhân chính dẫn đến đại dịch HIV của thế giới.

Ma túy và sử dụng ma túy diễn biến phức tạp trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Sự gia tăng về số lượng, chủng loại các loại ma túy và thay đổi trong xu thế sử dụng ma túy của cộng đồng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, khả năng mắc bệnh, tăng nguy cơ tử vong ở các mức độ khác nhau của người sử dụng ma túy.

Tiêm chích ma túy làm gia tăng sự lây nhiễm các bệnh truyền nhiễm như viêm gan vi rút, HIV/AIDS trong cộng đồng người nghiện ma túy và nguy cơ lan truyền rộng trong cộng đồng. Chuyên đề này nhằm giúp học viên có được kiến thức tổng hợp và mối liên hệ trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế về các vấn đề liên quan đến nghiện chất như tâm thần, HIV và viêm gan vi rút để phục vụ cho công việc nâng cao sức khỏe cộng đồng.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân tích được các đặc điểm dịch tễ học cơ bản và gánh nặng bệnh tật xã hội của nghiện chất.	PLO4. Hiểu biết được các vấn đề sức khỏe đặc thù của cộng đồng.
CLO2	Mô tả được các phương pháp chẩn đoán và mô hình điều trị nghiện	PLO4. Hiểu biết được các vấn đề sức khỏe đặc thù của cộng đồng.
CLO3	Phân tích được tác động của các chính sách và biện pháp can thiệp giảm hại với nghiện chất.	PLO4. Hiểu biết được các vấn đề sức khỏe đặc thù của cộng đồng.
CLO4	Đánh giá được tác động của mô hình điều trị cai nghiện tập trung trong điều trị nghiện.	PLO4. Hiểu biết được các vấn đề sức khỏe đặc thù của cộng đồng.
CLO5	Đánh giá được tác động của mô hình điều trị thay thế chất dạng thuốc phiện bằng methadone trong điều trị nghiện.	PLO4. Hiểu biết được các vấn đề sức khỏe đặc thù của cộng đồng. PLO8. Lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chương trình can thiệp y tế công cộng.
CLO6	Đánh giá được tác động của mô hình điều trị thay thế chất dạng thuốc phiện bằng methadone trong điều trị nghiện.	PLO4. Hiểu biết được các vấn đề sức khỏe đặc thù của cộng đồng. PLO8. Lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chương trình can thiệp y tế công cộng. PLO12. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm) trong thực hiện công việc.
CLO7	Thực hiện được kỹ năng phòng vấn tạo động lực trong tham vấn điều trị nghiện.	PLO4. Hiểu biết được các vấn đề sức khỏe đặc thù của cộng đồng. PLO12. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm) trong thực hiện công việc.
CLO8	Có thái độ nghiêm túc trong học tập và xây dựng tinh thần tự học tập suốt đời.	PLO13. Xây dựng năng lực tự nghiên cứu, học tập suốt đời.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức:

- o điểm danh: học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành
- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá quá trình.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (LT*2 + TH*1)/3$$

- Hình thức:

+ Lý thuyết: thi trắc nghiệm MCQs

Thời gian: sau khi kết thúc chương trình học ít nhất 2 tuần.

Cấu trúc đề thi theo ma trận sau:

Chuẩn đầu ra	Nhớ (số câu/%)	Hiểu (số câu/%)	Áp dụng (số câu/%)	Tổng
CLO1	2	3	2	7
CLO2	3	3	2	8
CLO3	3	3	2	8
CLO4	2	3	2	7
Tổng	10	12	8	30

+ Thực hành: học viên đi thực hành và viết báo cáo thực hành cho mỗi buổi theo nhóm.

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO4 (25%)	-	-	x	-
CLO5 (25%)	-	-	x	-
CLO6 (25%)	-	-	x	-
CLO7 (25%)	-	-	x	-
Tổng (100%)	-	-	4	-

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

ST T	Nội dung/Tên bài	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học
		LT	Tự học		
1	Tổng quan về nghiệm chất	4	8	CLO1	Thuyết trình/

					thảo luận nhóm
2	Đặc điểm một số chất gây nghiện chính	5	8	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
3	Chẩn đoán nghiện	4	8	CLO2	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
4	Chính sách pháp luật về vấn đề sử dụng chất gây nghiện – mô hình điều trị nghiện	4	8	CLO2,3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
5	Chương trình can thiệp giảm tác hại	4	8	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
6	Chương trình điều trị thay thế chất dạng thuốc phiện bằng methadone	4	8	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
7	Tham vấn điều trị nghiện	5	8	CLO2,3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
	Tổng	30	60		

4.2. Thực hành

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		TH	Tự học		
1	Thực hành đánh giá mô hình điều trị cai nghiện tập trung	8	4	CLO4	Quan sát/kiến tập/báo cáo
2	Thực hành đánh giá mô hình điều trị thay thế chất dạng thuốc phiện bằng methadone	8	4	CLO5	Quan sát/kiến tập/báo cáo
3	Thực hành đánh giá tác động của hoạt động can thiệp cộng đồng	8	4	CLO6	Quan sát/kiến tập/báo cáo
4	Thực hành phỏng vấn tạo động lực trong tham vấn điều trị nghiện	6	3	CLO7	Hướng dẫn/Thực hiện kỹ thuật/Bảng kiểm
	Tổng	30	15		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1] Tài liệu phát tay – Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Y tế (2008). Hướng dẫn điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone và hướng dẫn tổ chức thực hiện. Nhà xuất bản y học.
- [2] Ủy ban quốc gia phòng chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm (2012). Chiến lược quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030. <https://vaac.gov.vn/sach-chien-luoc-quoc-gia-phong-chong-hiv-aids-den-nam-2020-va-tam-nhin-2030.html>
- [3] Nghị định 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của chính phủ Quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
- [4] Bài giảng HIV/AIDS, ma túy và rượu. Phạm Văn Thức. Trường Đại học Y Hải Phòng. Nhà xuất bản Y học, 2010.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS Nguyễn Thị Thắm	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	nttham@hpmu.edu.vn
2	TS Hoàng Thị Giang	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	hoanggiang0708@gmail.com
3	TS Nguyễn Thị Thuý Linh	BM Dinh dưỡng&ATTP	ntthuylinh@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu,
- Giảng đường, phấn, bảng,

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Giang

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Giang

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Y TẾ BIỂN ĐẢO**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Y tế biển đảo	
Mã học phần: CHYTCC.TC.16	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Khoa Y học biển	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	0	1	
Số tiết	60	30	0	45	60
Số buổi	16	7		9	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Học phần thuộc môn cơ sở và hỗ trợ
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

- Y tế biển đảo là môn học tổng hợp, sử dụng những kiến thức, những kinh nghiệm của tất cả các chuyên khoa y học khác nhau để nghiên cứu về điều kiện môi trường sinh sống và lao động trên biển và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe, sự phát sinh những bệnh lý đặc thù có tính chất nghề nghiệp biển cũng như nghiên cứu các giải pháp nhằm đảm bảo sức khỏe và an toàn sinh mạng cho các đối tượng lao động và nhân dân trên biển, đảo.

- Môn học Y tế biển đảo bao gồm ba lĩnh vực: Y học cơ sở, cơ bản; Y học dự phòng và Y học lâm sàng, trong đó:

+ Y học cơ sở: Nghiên cứu biến đổi chức năng của cơ thể con người trong môi trường biển.

+ Y học dự phòng biển bao gồm: Y học lao động và dịch tễ học, y xã hội học (dầu khí, thủy sản...)

+ Y học lâm sàng biển: gồm hoạt động cấp cứu trên biển, Telemedicine; bệnh nghề nghiệp và bệnh mang tính chất nghề nghiệp của người đi biển; y học dưới nước

Mục tiêu tổng quát

- Có khả năng tham gia quản lý sức khỏe nghề nghiệp biển; điều trị và dự phòng các bệnh lây truyền qua đường biển; phòng chống tai nạn thương tích cho các lao động khu vực biển, đảo.

- Có khả năng tham gia giải quyết các trường hợp cấp cứu biển, đuối nước, phòng chống thảm họa biển.

- Có khả năng khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý chung và một số bệnh có tính chất đặc thù của nghề nghiệp biển cho các lao động, quân và dân trên biển, đảo.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng của môi trường sống và lao động trên các tàu biển đến sức khỏe và sự phát sinh bệnh tật có tính chất đặc thù nghề nghiệp biển của các lao động trên biển.	PLO3. Áp dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội theo đặc thù của từng khu vực trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân
CLO2	Trình bày được tầm quan trọng của công tác khám, quản lý sức khỏe nghề nghiệp cho thuyền viên và các đối tượng lao động biển khác.	PLO3. Áp dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội theo đặc thù của từng khu vực trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân
CLO3	Trình bày được đặc điểm dịch tễ học các bệnh lây truyền qua đường biển, vector truyền bệnh và các yếu tố nguy cơ, nguyên tắc giải quyết các vụ dịch lây truyền qua đường biển; các yếu tố nguy cơ, cơ chế bệnh sinh một số bệnh mang tính chất nghề nghiệp của lao động biển.	PLO3. Áp dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội theo đặc thù của từng khu vực trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân PLO4. Hiểu biết được các vấn đề sức khỏe đặc thù của cộng đồng.
CLO4	Phân tích được nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ dẫn tới tai nạn thương tích của lao động biển; phòng chống tai nạn thương tích cho lao động biển.	PLO4. Hiểu biết được các vấn đề sức khỏe đặc thù của cộng đồng.
CLO5	Trình bày được nguyên tắc và phương pháp cấp cứu ban đầu trên biển; ứng dụng của Tele-Medicine trong tư vấn cấp cứu, chẩn đoán, điều trị và các vấn đề sức khỏe khác cho các lao động biển.	PLO4. Hiểu biết được các vấn đề sức khỏe đặc thù của cộng đồng.

CLO6	Hướng dẫn được công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống tác hại nghề nghiệp và phòng chống tai nạn thương tích cho các lao động biển	PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
CLO7	Tổ chức khám và quản lý sức khỏe nghề nghiệp biển theo qui định quốc gia và công ước quốc tế	PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng;
CLO8	Sử dụng được công nghệ Tele-Medicine trong việc tư vấn cấp cứu biển và các vấn đề y tế trên biển khác cho các lao động và nhân dân trên biển đảo.	PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng;
CLO9	Huấn luyện được cấp cứu ban đầu trên biển cho thuyền viên, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, ngư dân và các lao động biển khác	PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng;
CLO10	Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho lao động và nhân dân khu vực biển, đảo	PLO15. Trung thực và có trách nhiệm trong học thuật, nghiên cứu và làm việc. PLO16. Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng.
CLO11	Tận tụy phục vụ người bệnh; Tôn trọng ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng	PLO15. Trung thực và có trách nhiệm trong học thuật, nghiên cứu và làm việc. PLO16. Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức: MCQ/điểm danh/bài tập cá nhân/bài tập nhóm

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} * 1 + \text{TH} * 1) / 2$$

- Hình thức:

+ Lý thuyết: MCQ

Mục tiêu	Nhớ (%)	Hiểu (%)	Áp dụng (%)	Phân tích (%)	Tổng
CLO1 (20%)	1	3	2		6
CLO2 (20%)	2	2	2		6
CLO3 (20%)	1	2	3		6
CLO4 (20%)	3	2	1		6
CLO5 (20%)	2	2	2		6
Tổng	9 (30)	11 (36,7)	10 (33,3)		30

+ Thực hành: bảng kiểm

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO6 (25%)		-	x	-
CLO7 (25%)	-		x	-
CLO8 (25%)		...	x	...
CLO9 (25%)				x
Tổng			3	1

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	LS	Tự học		
1	Bài 1: Đặc điểm môi trường lao động trên tàu biển và ảnh hưởng của nó đến tình trạng sức khỏe của người lao động biển	3	0	6	CLO1; CLO6	Thuyết trình
2	Bài 2: Quản lý sức khỏe cho các lao động biển và công ước quốc tế	2	6	4	CLO2 CLO7	Thuyết trình Ca lâm sàng
3	Bài 3: Các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và phương pháp kiểm soát	3	6	6	CLO3	Thuyết trình

	dịch bệnh trên tàu biển					
4	Bài 4: Các bệnh lây truyền có qui định kiểm dịch quốc tế (<i>Bệnh tả, bệnh sốt vàng và bệnh dịch hạch</i>)	4	6	4	CLO3	Thuyết trình Ca lâm sàng
5	Bài 5: Phòng chống tai nạn thương tích khi lao động trên biển	4	0	4	CLO4	Thuyết trình
6	Bài 6: Chứng bệnh say sóng của người đi biển	3	6	3	CLO5	Thuyết trình Ca lâm sàng
7	Bài 7: Chẩn đoán và xử trí một số bệnh có tính chất nghề nghiệp của lao động biển	3	9	6	CLO5 CLO9	Thuyết trình Ca lâm sàng
8	Bài 8: Hội chứng đuối nước (Đuối nước sớm, đuối nước ngọt, đuối nước mặn, điều trị, dự phòng đuối nước)	3	6	6	CLO5 CLO9	Thuyết trình Ca lâm sàng
9	Bài 9: Nguyên tắc cơ bản xử trí cấp cứu ban đầu trên biển và Ứng dụng công nghệ Telemedicine trong Y học biển đảo	3	6	6	CLO5 CLO8 CLO9	Thuyết trình Ca lâm sàng

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- [1] Nguyễn Trường Sơn (2010), Bài giảng Y học biển tập 1, Nhà xuất bản Y học.
- [2] Nguyễn Trường Sơn (2010), Bài giảng Y học biển tập 2, Nhà xuất bản Y học
- [3] Nguyễn Trường Sơn, Trần Thị Quỳnh Chi (2010), Chứng bệnh say sóng của người đi biển, Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Hiếu (1998), Dịch tễ học các bệnh kiểm dịch quốc tế, NXBYH, Hà Nội.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS.TS Nguyễn Trường Sơn	Viện Y học biển	truongsonghb@gmail.com
2	Trần Thị Quỳnh Chi	Viện Y học biển	tranquynhchi@vinimam.org.vn
3	TS Nguyễn Văn Tâm	ĐHYDHP	nvtam@hpmu.edu.cn
4	TS.BSNT Nguyễn Bảo Nam	Viện Y học biển	drnguyenbaonam@gmail.com

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm: Khoa khám bệnh và quản lý sức khỏe lao động biển; Trung tâm Y học dưới nước và cao áp lâm sàng Viện Y học biển

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Tâm

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Dân số và phát triển	
Mã học phần: CHYTCC.TC.17	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa phụ trách: Khoa Y tế công cộng Email liên hệ: tttha@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0903 267 059	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	
Số tiết	75	30	30	60
Số buổi	20	8	8	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Dân số và phát triển giúp học viên phân tích mối quan hệ nhân - quả giữa dân số với kinh tế, dân số với xã hội, dân số với môi trường cả ở cấp độ toàn cầu, mỗi quốc gia cho đến các địa phương và cấp độ gia đình. Điều này cũng cho thấy vị trí quan trọng của công tác DS-KHHGD đối với chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình, mỗi địa phương và toàn xã hội. Học phần cũng giới thiệu cho học viên một số nội dung quản lý nhà nước về dân số – KHHGD. Những kiến thức và kỹ năng được đề cập trong học phần sẽ được áp dụng trong thực tế công việc sau này của người cán bộ y tế nói chung và cán bộ y tế hoạt động trong lĩnh vực Y tế công cộng nói riêng.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân tích được mối quan hệ nhân - quả giữa dân số với kinh tế, dân số với xã hội, dân số với môi trường cả ở cấp độ toàn cầu, mỗi quốc gia cho đến các địa phương và cấp độ gia đình	PLO3. Áp dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội theo đặc thù của từng khu vực trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân
CLO2	Lồng ghép được các biến dân số vào kế hoạch hóa phát triển trong công tác y tế dự phòng	PLO3. Áp dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội theo đặc thù của từng khu vực trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng;
CLO3	Có thái độ nghiêm túc trong học tập và xây dựng tinh thần tự học tập suốt đời.	PLO16. Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức:
 - o Điểm danh: học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành
- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá quá trình.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} \times 2 + \text{TH} \times 1) / 3$$

+ Lý thuyết:

- Hình thức: MCQ gồm 30 câu
- Thời gian: sau khi kết thúc chương trình học ít nhất 2 tuần.
- Cấu trúc đề thi theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Tổng
CLO1 (50%)	0	10	5	0	0	15
CLO2 (50%)	0	10	5	0	0	15
Tổng	0	20	10	0	0	30

+ Thực hành: học viên đi thực hành tại Chi cục dân số và viết tiểu luận báo cáo thực hành cá nhân.

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO1 (50%)	-	-	x	-
CLO2 (50%)	-	-	x	-
Tổng	0	0	2	0

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
<p>Bài 1. Nhập môn dân số và phát triển</p> <p>LLO1. Trình bày được các khái niệm về: Dân số phát triển và phát triển bền vững.</p> <p>LLO2. Hiểu đúng đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu</p> <p>LLO3. Diễn giải được ý nghĩa của môn học</p>	4		8	CLO1 CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
<p>Bài 2. Dân số và kinh tế</p> <p>LLO1. Trình bày được mối quan hệ giữa dân số và lao động, giữa dân số và việc làm.</p> <p>LLO2. Phân tích được mối quan hệ gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế, gia tăng dân số và sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế.</p> <p>LLO3. Phân tích được tác động của chính sách dân số đến phát triển kinh tế.</p>	6	4	12	CLO1 CLO2 CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Thực tập tại Chi cục dân số
<p>Bài 3. Dân số và các vấn đề xã hội</p> <p>LLO1. Trình bày những tác động của dân số đến số lượng và chất lượng của hệ thống giáo dục, y tế và ngược lại.</p> <p>LLO2. Trình bày khái niệm về giới, giới tính, bình đẳng giới; phân biệt sự khác nhau giữa giới và giới tính.</p> <p>LLO3. Trình bày mối liên quan giữa giới và phát triển, ảnh hưởng của gia tăng dân số đối với bình đẳng giới và ảnh hưởng của bình đẳng giới với phát triển</p>	6	4	12	CLO1 CLO2 CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận - Thực tập tại Chi cục dân số

dân số.					
<p>Bài 4. Dân số và tài nguyên môi trường</p> <p>LLO1.Trình bày nguyên lý sự tác động của dân số đến bảo vệ tài nguyên và môi trường.</p> <p>LLO2.Trình bày vấn đề môi trường bị suy thoái và ngày càng ô nhiễm nặng nề do tác động của các quá trình phát triển dân số.</p> <p>LLO3.Trình bày giải pháp để giải quyết tốt mối quan hệ Dân số - Môi trường</p>	6	6	12	CLO1 CLO2 CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận - Thực tập tại Chi cục dân số
<p>Bài 5. Lồng ghép biến dân số vào kế hoạch hóa</p> <p>LLO1.Trình bày được thế nào là lồng ghép biến dân số vào kế hoạch hóa phát triển.</p> <p>LLO2. Trình bày được các thành phần cơ bản của biến dân số vào kế hoạch hóa phát triển.</p> <p>LLO3. Phân tích được sự cần thiết và phương pháp lồng ghép biến dân số vào kế hoạch hóa phát triển.</p>	8	16	16	CLO2 CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận - Thực tập tại Chi cục dân số
Tổng	30	30	60		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Y học xã hội (2022). Dân số phát triển. Tài liệu dành cho Ths YTCC.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1] Tổng cục dân số KHHGD (2015), Tài liệu dân số và phát triển. Tài liệu dung cho các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số-Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức dân số. <https://population.edu.vn/wp-content/uploads/2021/06/TL-DSPT.pdf>

[2] Trường Đại học Y dược Hải Phòng (2021), Giáo trình Dân số học, NXB Y học

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu.
- Giảng đường.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

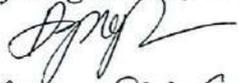
Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)


Trần Thị Thủy Nga

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Giang

PHỤ LỤC**1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. Trần Thị Thúy Hà	Khoa YTCC	tttha@hpmu.edu.vn
2	BS.CKII. Trần Thị Bích Hôi	Khoa YTCC	ttbhoi@hpmu.edu.vn
3	BS.CKII. Nguyễn Bá Dụng	Khoa YTCC	dungyxh@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THÂM HOẠ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Biến đổi khí hậu và thảm họa	
Mã học phần: CHYTCC.TC.18	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: BM. Sức khỏe môi trường-Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: ntmngoc@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0934 433 789	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	0	
Số tiết	60	30	30	0	75
Số buổi	15	7	8	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Dịch tễ học, Sức khỏe môi trường, Thống kê y sinh
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Biến đổi khí hậu và thảm họa được xem là một thách thức ở quy mô toàn cầu trong hơn 30 năm qua và sẽ tiếp tục tác động lên sức khỏe con người, động vật và môi trường. Việt Nam được đánh giá là một trong 5 quốc gia dễ bị tổn thương nhất dưới tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa. Hiểu được quá trình, tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa đối với sức khỏe cộng đồng cũng như đánh giá được tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành Y tế là rất cần thiết đối với những cán bộ làm việc trong lĩnh vực Y tế công cộng tại các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Mục tiêu của học phần nhằm cung cấp kiến thức và xây dựng kỹ năng giúp học viên xác định, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa, đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành Y tế cũng như đưa ra các giải pháp ứng phó với những tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa ở các cấp nhằm giảm tác động của chúng đến sức khỏe cộng đồng đồng thời góp phần xây dựng môi trường sống an toàn hơn.

Các khái niệm then chốt

- Biến đổi khí hậu
- Hiểm họa
- Thảm họa

- Tính dễ bị tổn thương
- Tính thích ứng
- Nguy cơ
- Khả năng/sự chuẩn bị sẵn sàng đáp ứng

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Giải thích được các khái niệm và hậu quả của biến đổi khí hậu, thảm họa đến môi trường và sức khỏe	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh.
CLO2	Sơ đồ hoá được các bước đánh giá nguy cơ và tính dễ bị tổn thương với biến đổi khí hậu và thảm họa	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh.
CLO3	Lập kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa từ kết quả đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành Y tế với biến đổi khí hậu, thảm họa.	PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
CLO4	Phát triển báo cáo đánh giá nhanh nhu cầu y tế trong thảm họa	PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng;
CLO5	Tích cực, chủ động, có trách nhiệm và hợp tác trong các hoạt động học tập cá nhân và nhóm.	PLO15. Trung thực và có trách nhiệm trong học thuật, nghiên cứu và làm việc.
CLO6	Tôn trọng ý kiến của các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe môi trường của cộng đồng.	PLO17. Tôn trọng ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức: bài tập cá nhân/bài tập nhóm
- + Tham gia các buổi học lý thuyết, nghỉ không quá 20%
- + Tham gia đầy đủ buổi thực hành, bài tập nhóm
- + Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (LT*2 + TH*1)/3$$

- Hình thức:
- + Lý thuyết: MCQ (50 câu/60 phút)

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Tổng
CLO1	4	6	0	0	10
CLO2	4	8	6	0	18
CLO3	4	7	6	0	17
Tổng	12	21	12	0	45

+ Thực hành: trình bày báo cáo SBL theo cá nhân và nhóm

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CĐRHP3 (50%)			1 (50%)	
CĐRHP4 (50%)		1 (50%)		
Tổng		1 (50%)	1 (50%)	

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Bài 1: Tổng quan về biến đổi khí hậu	4		8	CĐRHP1	Thuyết trình; Thảo luận
Bài 2. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe.	6	6	12	CĐRHP1 CĐRHP2 CĐRHP3	Thuyết trình; Thảo luận SBL
Bài 3. Đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành Y tế.	6	6	12	CĐRHP1 CĐRHP2 CĐRHP3	Thuyết trình; Thảo luận; SBL
Bài 4. Đại cương về quản lý thảm họa	4		8	CĐRHP1 CĐRHP2 CĐRHP3	Thuyết trình; Thảo luận
Bài 5. Đánh giá nhanh nhu cầu y tế trong thảm họa	4	6	8	CĐRHP3 CĐRHP4	Thuyết trình; Thảo luận SBL
Bài 6. Lập kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa	6	12	12	CĐRHP3 CĐRHP4	Thuyết trình; Thảo luận SBL

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập:

Trường Đại học Y tế công cộng (2023). *Biến đổi khí hậu và sức khỏe*. Giáo trình giảng dạy Thạc sỹ y tế công cộng. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ.

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2017). *Quyết định số 672/QĐ-BTNMT Ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2016-2020*. Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- [2] Thủ tướng Chính phủ (2020). *Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*. (Ban hành kèm theo Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ).
- [3] Thủ tướng Chính phủ, (2022). *Kế hoạch quốc gia ứng phó thảm họa động đất, sóng thần*. (Ban hành kèm theo Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ).
- [4] UNDRR (2019), *Global Assessment Report on Disaster Risk Reduction, Geneva, Switzerland*, United Nations Office for Disaster Risk Reduction (UNDRR).
- [5] UNDRR (2021), *Annual Report*, United Nations Office for Disaster Risk Reduction (UNDRR).
- [6] Kristie Ebi et al. (2012). *Protecting Health from Climate Change: Vulnerability and Adaptation Assessment*. World Health Organisation.
- [7] Tran Thi Tuyet Hanh, Le Thi Thanh Huong, Nguyen Thi Lien Huong et al, 2020. Vietnam Climate Change and Health Vulnerability and Adaptation Assessment, 2018. *Environmental Health Insights*, June 22, 2020
- [8] McMichael, A.J., R.E. Woodruff, and S. Hales, Climate change and human health: Present and future risks, *The Lancet*, 2006. 367(859–869).
- [9] Ishtiaque A, Estoque RC, Eakin H, Parajuli J, Rabby YW. IPCC's current conceptualization of 'vulnerability' needs more clarification for climate change vulnerability assessments. *J Environ Manage*. 2022 Feb 1;303:114246.
- [10] D.T.T. Toan, et al., Risk factors associated with an outbreak of dengue fever/dengue haemorrhagic fever in Hanoi, Vietnam. *Epidemiological Infection*, 2014: p. 1-5.
- [11] Ngọc, N. T. M. ., Thảo, N. T. T. ., Bình, N. T. T. ., Ninh, N. H., Linh, L. T. ., & Anh, M. P. . (2021). Kiến thức, thái độ về ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến sức khỏe của sinh viên trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2020. *Tạp chí Y học dự phòng*, 31(5), 38–44. <https://doi.org/10.51403/0868-2836/2021/349>
- [12] Nu Quy Linh Tran, Huynh Thi Cam Hong Le, Cong Tuan Pham et al (2023). Climate change and human health in Vietnam: a systematic review and additional analyses on current impacts, future risk, and adaptation. *The Lancet Regional Health - Western Pacific* 2023; 40: 10094. <https://doi.org/10.1016/j.lanwpc.2023.100943>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, máy tính
- Phòng thực hành/thí nghiệm

- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

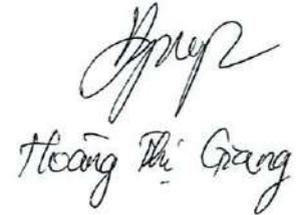
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Minh Ngọc

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

PHỤ LỤC**1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS.TS. Dương Thị Hương	BM SKMT	dthuong@hpmu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc	BM SKMT	ntmngoc@hpmu.edu.vn
3	BSCCKII. Đồng Trung Kiên	CDC Hải Phòng	dtk.skmt@gmail.com
4	PGS.TS. Trần Thị Tuyết Hạnh	ĐH YTCC HN	tth2@huph.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Quang Đức	BM SKMT	nqduc@hpmu.edu.vn
2	ThS. Bùi Thị Hương	Khoa YTCC	buiithuong.yhp@gmail.com

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÂM SINH LÝ LAO ĐỘNG VÀ ÉC-GÔ-NÔ-MI**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Tâm sinh lí lao động và Éc-gô-nô-mi	
Mã học phần: CHYTCC.TC.19	
Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: TS Hoàng Thị Giang - Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: htgiang@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0904 135 488	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	1	0	
Số tiết	60	30	30	0	75
Số buổi	14	7	7	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Học phần thuộc môn cơ sở và hỗ trợ, Sức khỏe nghề nghiệp
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Tâm sinh lí lao động và Éc-gô-nô-mi là một trong những ngành khoa học cơ bản của sức khỏe nghề nghiệp, chủ yếu trong các vấn đề thích ứng công việc với con người và bằng những cứ liệu khoa học về con người. Tâm sinh lí lao động và Éc-gô-nô-mi phối hợp với nhiều ngành khoa học khác như khoa học kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, xã hội nhân văn, đã tạo ra cho người lao động một môi trường làm việc thoải mái, nâng cao hiệu quả công việc. Môn học này sẽ cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và nâng cao về các biến đổi chức năng và khả năng của con người trong các điều kiện, hoàn cảnh nghề nghiệp và môi trường xã hội cụ thể, từ đó giúp phát hiện sớm những ảnh hưởng của điều kiện lao động, nhằm tìm ra các biện pháp tối ưu bảo vệ sức khỏe người lao động.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO 1	Mô tả được các đặc điểm tâm sinh lý của con người trong các hoạt động lao động.	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh.
CLO 2	Phân tích các tác động của hoạt động lao động đến một số bệnh lý thực thể và tâm thần có đặc thù nghề nghiệp.	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh. PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
CLO 3	Áp dụng được các cơ sở tâm sinh lý lao động và Éc-gô-nô-mi trong xác định nhu cầu năng lượng, chế độ lao động và nghỉ ngơi của người lao động.	PLO2. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của YTCC bao gồm dịch tễ học, sức khỏe môi trường, khoa học hành vi, quản lý y tế, chính sách y tế, thống kê y sinh. PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
CLO 4	Thực hiện được một số kỹ thuật thăm dò chức năng liên quan đến sinh lý lao động và Éc-gô-nô-mi	PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng;
CLO 5	Thực hiện được một số kỹ thuật thăm dò chức năng liên quan đến tâm lý lao động và Éc-gô-nô-mi.	PLO6. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; PLO7. Phát hiện, phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng;
CLO 6	Nhận thức được tầm quan trọng của chuyên ngành tâm sinh lý lao động và Éc-gô-nô-mi trong phòng ngừa bệnh nghề nghiệp và nâng cao sức khỏe người lao động.	PLO16. Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức:
 - o điểm danh: học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành
 - o bài tập cá nhân/bài tập nhóm cho các buổi lý thuyết
- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá quá trình.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} * 2 + \text{TH} * 1) / 3$$

- Hình thức:

+ Lý thuyết: thi trắc nghiệm MCQ, cấu trúc đề thi theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Trọng số (số câu)
CLO1 (30%)	3 câu	3 câu	3 câu	9 câu/25%
CLO2 (40%)	4 câu	4 câu	4 câu	12 câu/25%
CLO3 (30%)	3 câu	3 câu	3 câu	9 câu/25%
Tổng (số câu)	10 câu (33,3%)	10 câu (33,3%)	10 câu (33,3%)	30 câu (100%)

+ Thực hành/Thái độ, mức độ tự chủ: báo cáo thực hành/đề cương nghiên cứu liên quan lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp. Học viên nộp báo cáo thực hành cho từng nội dung bài học, chấm và lấy điểm trung bình các bài là điểm thực hành cuối học phần theo ma trận sau:

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CĐRHP4 (80%)	-	-	x	-
CĐRHP5 (20%)	-	-	x	-
Tổng (100%)	-	-	2	-

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

STT	Nội dung/Tên bài	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học
		LT	Tự học		
1.	Y học lao động với tâm sinh lí lao động và Éc-gô-nô-mi	2	4	CĐRHP1,2	Thuyết trình/ thảo luận nhóm

2.	Tâm sinh lí hoạt động thần kinh trong lao động.	2	4	CĐRH _{P1,2}	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
3.	Tâm sinh lí nội tiết trong lao động.	2	4	CĐRH _{P1,2}	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
4.	Tâm sinh lí tuần hoàn trong lao động.	2	4	CĐRH _{P1,2}	
5.	Sinh lí hệ thống máu trong lao động	2	4	CĐRH _{P1,2}	
6.	Sinh lí bài tiết trong lao động	2	4	CĐRH _{P1,2}	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
7.	Sinh lí hô hấp trong lao động.	2	4	CĐRH _{P1,2}	
8.	Tâm sinh lí và éc-gô-nô-mi vận động	2	4	CĐRH _{P1,2}	
9.	Rối loạn cơ xương nghề nghiệp	2	4	CĐRH _{P1,2}	
10.	Tâm sinh lí éc-gô-nô-mi thị giác	2	4	CĐRH _{P1,2}	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
11.	Tâm sinh lí éc-gô-nô-mi thính giác	2	4	CĐRH _{P1,2}	
12.	Một số vấn đề tâm lí trong lao động	2	4	CĐRH _{P1,2}	
13.	Gánh nặng tâm thần	2	4	CĐRH _{P1,2}	
14.	Sinh lí dinh dưỡng và năng lượng trong lao động	2	4	CĐRH _{P3}	
15.	Cơ sở Tâm sinh lí và éc-gô-nô-mi của chế độ lao động và nghỉ ngơi.	2	4	CĐRH _{P3}	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
	Tổng	30	60		

4.2. Thực hành

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		TH	Tự học		
1	Kỹ thuật đo thời gian phản xạ đơn	2	1	CĐRH _{P4}	Quan sát/thao tác/báo cáo
2	Kỹ thuật thăm dò chức năng tuần hoàn trong lao động.	4	2	CĐRH _{P4}	Quan sát/thao tác/báo cáo
3	Một số kỹ thuật thăm dò chức năng sinh lí bài tiết trong lao động.	4	2	CĐRH _{P4}	Quan sát/thao tác/báo cáo

4	Kỹ thuật thăm dò chức năng hô hấp.	4	2	CĐRHP4	Quan sát/thao tác/báo cáo
5	Một số kỹ thuật thăm dò chức năng vận động.	4	2	CĐRHP4	Quan sát/thao tác/báo cáo
6	Kỹ thuật bấm thời gian lao động	2	1	CĐRHP4	Quan sát/thao tác/báo cáo
7	Kỹ thuật điều tra rối loạn cơ xương khớp.	4	2	CĐRHP4	Quan sát/thao tác/báo cáo
8	Kỹ thuật thăm dò trí nhớ và chú ý trước và sau ca lao động.	2	1	CĐRHP5	Quan sát/thao tác/báo cáo
9	Kỹ thuật xác định tiêu hao năng lượng trong một thời gian	4	2	CĐRHP5	Quan sát/thao tác/báo cáo
	Tổng	30	15		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1] Tài liệu phát tay – Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, khoa Y tế công cộng.

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Ảnh hưởng một số nguy cơ nghề nghiệp trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa đến sức khỏe người lao động và giải pháp can thiệp / Nguyễn Thị Hồng Tú, Nhà xuất bản Y học, 2003.
- [2] Sức khỏe nghề nghiệp: Giáo trình đào tạo Y tế công cộng và quản lý bệnh viện / Nguyễn Thúy Quỳnh. - H.: Y học, 2016.
- [3] Các điểm kiểm tra Ếc-gô-nô-mi. Viện Y học lao động và vệ sinh môi trường Việt Nam. Nhà xuất bản giao thông vận tải, Hà Nội, 2000.
- [4] Tâm sinh lí lao động và Ếc-gô-nô-mi. Tập II. Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường, Bộ Y tế. Nhà xuất bản Y học, 2002.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (Phụ lục)

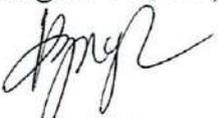
7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu,
- Giảng đường, phấn, bảng,
- Máy đo huyết áp, đồng hồ bấm giây, máy đo chức năng hô hấp, bảng thử nghiệm trí nhớ, chú ý, bảng tiêu hao năng lượng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

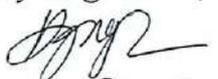
Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Cường

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Cường

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS.TS Phạm Minh Khuê	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	khuepm@gmail.com
2	TS Hoàng Thị Giang	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	hoanggiang0708@gmail.com
3	TS Nguyễn Thanh Hải	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	nguyenthanhhai@hpmu.edu.vn
4	TS Nguyễn Thu Hà	Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường – BYT	
5	PGS.TS Nguyễn Văn Sơn	Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường – BYT	
6	TS Dương Khánh Vân	Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường – BYT	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Phạm Thị Ngọc	BM SKNN	ptngoc@hpmu.edu.vn
2			